

KINH PHÁP HOA TINH YẾU

Bhikkhu Thích Thái Hòa

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 30-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Thưa

Chương I : Ý Nghĩa Đề Kinh Pháp Hoa

Chương II: Những Đặc Điểm

1. Phật
2. Pháp
3. Tăng
4. Tin và hiểu
5. Con đường huấn luyện và chuyển hóa
6. Hạnh nguyện
7. Hiệu quả
8. Ngôn ngữ
9. Thí dụ
10. Giới định và tuệ
11. Nguyên ủy của Pháp Hoa

Chương III: Chủ Yếu, Bố Cục Và Nội Dung

1. Giáo lý chủ yếu
2. Bố cục
3. Nội dung
 - Phẩm Tựa
 - Phẩm Phương Tiện
 - Phẩm Thí Dụ
 - Phẩm Tín Giải
 - Phẩm Dược Thảo
 - Phẩm Thọ Ký
 - Phẩm Hóa Thành Dụ
 - Phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký
 - Phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký
 - Phẩm Pháp Sư
 - Phẩm Hiện Bảo Tháp
 - Phẩm Đề Bà Đạt Đa
 - Phẩm Khuyến Trì

Phẩm An Lạc Hạnh
Phẩm Tùng Địa Động Xuất
Phẩm Như Lai Thọ Lượng
Phẩm Phân Biệt Công Đức
Phẩm Tùy Hỷ Công Đức
Phẩm Pháp Sư Công Đức
Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát
Phẩm Như Lai Thần Lực
Phẩm Chúc Lụy
Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự:
Phẩm Diệu Âm Bồ Tát
Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn
Phẩm Đà La Ni
Phẩm Diệu Trang Nghiêm Bản Sự
Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát
Chương IV: Lịch Sử Phát Triển Kinh Pháp Hoa
 Ấn Độ
 Trung Quốc
 Nhật Bản
 Việt Nam
Thư Mục Tham Khảo

--- o0o ---

Lời Thưa

Khi mới xuất gia hành điếu vào tuổi để chớm, đứng hầu bên Thầy, nghe Thầy tôi giảng những điều căn bản về đức tin Pháp Hoa cho nhóm hương thiện bác Siêu, hay cho những vị cư sĩ, mặc dù bấy giờ tôi nghe chẳng hiểu gì, nhưng không biết vì sao trong lòng lại thích kinh ấy và đã tụng đọc kinh ấy từ khi mới làm chú Sa di.

Sau năm 75, tôi đã có cơ duyên học kinh Pháp Hoa với Hòa Thượng Thích Đôn Hậu tại Phật Học Viện Báo Quốc và Chùa Linh Mục; lại tiếp tục được học kinh này với Hòa Thượng Thích Thiện Siêu trong khóa Phật học 1980 – 1984, tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam, Sài Gòn, do Hòa Thượng Thích Trí Thủ làm Giám Viện.

Năm 1990, do khuyến khích của chư Tôn đức tại Cố đô Huế, tôi đã nhận trách nhiệm giảng dạy kinh Pháp Hoa tại Phật học viện Báo Quốc cho Tăng Ni, tại chùa Phước Duyên - Huế cho hàng cư sĩ vào mỗi buổi sáng chủ nhật, và cùng với chư Tăng phân chia nhau giảng dạy kinh Pháp Hoa vào mỗi

buổi sáng chủ nhật tại chùa Từ Đàm cho hàng Cư sĩ. Cũng trong những năm thập niên 90, tôi lại nhận trách nhiệm giảng dạy kinh Pháp Hoa cho các Tăng sinh tại Tổ Đình Từ Hiếu, Thuyền Lâm và sau những năm 2000, tôi lại còn giảng dạy kinh ấy cho các Khóa học bậc Lực của các huynh trưởng GDPT tại tỉnh Thừa Thiên-Huế.

Vì do những cơ duyên như vậy, nên tôi đã nghiên cứu, thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa và biên soạn thành giáo trình để giảng dạy, nhằm báo ân Phật, Tổ, Thầy, bạn, cha mẹ và chúng sanh.

Tập giáo trình này, tôi đã trình lên Hòa Thượng Thích Huyền Quang, khi Ngài còn ở chùa Quang Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi và cầu xin Ngài chứng minh. Bây giờ, không những Ngài hoan hỷ mà còn có những lời khích lệ, sách tấn và chỉ dạy những điều then chốt nữa.

Dù đã được chư Tôn đức giáo dục và chỉ dạy, những điều tinh yếu của kinh và sách tấn, khích lệ, cùng với tự thân nỗ lực ngày đêm học hỏi, nghiên cứu, ngẫm nghĩ không ngừng, nhưng do đức bạc, tài hèn không thể nào lãnh hội hết diệu pháp của Phật, ý chỉ của Kinh và những giáo chỉ của Thầy, vì vậy mà trong tập này không sao tránh khỏi thiếu sót.

Thiếu sót là do sự kém cỏi của tôi, mà nếu trong tập này có gì đáng quý là do công lao và ân đức của tất cả.

Vậy, trong tập này, nếu có gì thiếu sót, kính mong chư tôn đức từ bi chỉ giáo.

*Chùa Phước Duyên - Huế,
Ngày 22-10-2008.
Tỷ Kheo - Thích Thái Hòa*

--- o0o ---

Chương I : Ý Nghĩa Đề Kinh Pháp Hoa

Đề kinh Pháp Hoa, tiếng Phạn là: □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□
= Saddharmapuṇḍarīkasūtram.

□□□ = Sad, đi từ động từ □□□ = Sat, có nghĩa là hiện thực, đích thực, thực tiễn, chân thực, vì diệu, điều không thể diễn tả được,... □□□ = Sad,

Tại sao, ở kinh này, Đức Phật dùng hoa sen để ví dụ cho pháp? Vì đối tượng nghe kinh này là hàng Thanh văn, tức là những vị tu tập chưa chứng nhập được Pháp Niết bàn tuyệt đối, nên Đức Phật muốn dẫn dắt những vị này đi đến Niết bàn tuyệt đối ấy, vì vậy ở kinh này, Đức Phật đã sử dụng nhiều ví dụ để dụ cho pháp, khiến cho các đối tượng nghe pháp nương vào các ví dụ mà thâm nhập và thể chứng được pháp thân chân thực.

Trong tất cả các ví dụ ấy, hoa sen trắng là ví dụ rõ ràng, xuyên suốt, nguyên vẹn và thuần khiết cho pháp mà Đức Phật hiển thị ở trong kinh này. Hoa sen trắng là dụ cho Nhất thừa, Pháp thân chân thực hay Phật tính nơi hết thảy chúng sanh vậy.

Lại nữa, hoa sen được sử dụng để ẩn dụ cho kinh này, vì nó có những đặc điểm như sau:

1. Có hoa là có gương: Hoa sen, hễ khi có hoa là liền có gương. Đây là dụ cho nhân quả đồng thời của kinh Pháp hoa. Việc Long nữ hiển châu và liền thành Phật ở phẩm Đề bà đạt đa⁷ là hiển thị cho đặc điểm này.

Lại nữa, nhân quả đồng thời là dụ cho phương tiện và cứu cánh, bản môn và tích môn, lý và sự, trí và bi, quyền và thực, đốn và tiệm, được trình bày ở trong kinh Pháp hoa là bất nhị. Nghĩa là chúng đồng thời có mặt trong nhau, không tách rời nhau.

2. Ở trong bùn không ô nhiễm: Hoa sen có đặc điểm ở trong bùn không ô nhiễm. Kinh Pháp Hoa đã sử dụng đặc tính này của hoa sen để dụ cho Phật tính. Phật tính của hết thảy chúng sanh tuy ở trong phiền não, nhưng không bị ô nhiễm. Việc Đề bà đạt đa phạm tội ngũ nghịch, đọa vô gián địa ngục, nhưng Phật tính nơi ông vẫn không mất, hễ hội đủ nhân duyên thì Phật tính nơi ông vẫn hiển lộ, nên ông đã được Đức Phật thọ ký thành Phật trong tương lai và ở phẩm Đà la ni, loài quý nữ do nhiều đời tạo ác nghiệp nên đã đọa vào quỷ đạo, nhưng Phật tính nơi họ không mất, hễ hội đủ nhân duyên thì Phật tính hiển lộ, vì vậy khi nghe kinh Pháp Hoa, Phật tính nơi họ liền sinh khởi và họ đã phát tâm hộ trì kinh Pháp Hoa là hiển thị đặc điểm này.

3. Hoa và cọng tách riêng với lá: Hoa sen có đặc tính hoa và cọng tách riêng với lá. Kinh Pháp Hoa đã sử dụng đặc tính này của hoa sen để ẩn dụ rằng, tam thừa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa đều từ nơi Nhất thừa mà biểu hiện, nhưng trong đó, Nhất thừa hay Phật thừa là tối thượng. Việc năm ngàn người, vì tâm tăng thượng mạn, bỏ đương hội Pháp Hoa lui về là hiển thị cho đặc điểm này.

4. Ong và bướm không thể hút nhụy: Do hoa sen có đặc tính này, nên kinh Pháp Hoa đã dùng đặc tính này để ẩn dụ rằng, đối với diệu pháp, thì hết thảy chúng sanh đều có, nhưng chúng sanh, vì tâm tăng thượng mạn, vì tâm tham dục, vì tâm tà kiến, vì tâm bé nhỏ, nên không tiếp nhận được diệu pháp. Những người đi nửa đường muốn trở quay về ở trong phẩm Hóa thành dụ là hiển thị cho đặc điểm này.

5. Không bị sử dụng để trang điểm: Do hoa sen có đặc tính này, nên kinh Pháp Hoa đã dùng đặc tính ấy để ẩn dụ rằng, những kẻ tiểu tâm, tà trí, buông lung theo các dục thì không thể sử dụng được diệu pháp để làm việc phi pháp, không thể lợi dụng chánh pháp để hành hoạt tà pháp. Người say quên hạt minh châu trong ché áo của phẩm Năm trăm đệ tử thọ ký là hiển thị cho đặc điểm này.

6. Hoa nở sen hiện: Do hoa sen có đặc tính này, nên kinh Pháp Hoa đã sử dụng đặc tính này để ẩn dụ rằng, ở trong diệu pháp có thực pháp và quyền pháp, ở trong Đức Phật lịch sử có Đức Phật siêu lịch sử, ở trong thiên bách ức hóa thân của Phật Thích Ca đều có pháp thân không sanh diệt cũng như báo thân thanh tịnh và thường trú của Ngài.

Quyền pháp là pháp phương tiện. Đức Phật đã sử dụng pháp này, tùy theo căn cơ, hoàn cảnh, trình độ của chúng sanh, mà Ngài vận dụng để thuyết pháp thích ứng, nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh, dù đang ở vào vị trí nào, hoàn cảnh nào, trình độ nào cũng đều có thể ngộ, nhập được Phật tri kiến.

Thực pháp là thực pháp của pháp hoa, là đệ nhất nghĩa chân thực. Pháp ấy là mục tiêu của Phật ra đời giáo hóa chúng sanh. Và là điểm đồng qui từ mọi phương tiện giáo hóa của Phật.

Đức Phật lịch sử là Đức Phật ra đời cách đây hơn hai mươi sáu thế kỷ ở Népal Ấn Độ giáo hóa chúng sanh và đã nói kinh Pháp Hoa trên đỉnh Linh Sơn như ở phẩm Phương tiện của kinh này đã trình bày. Đức Phật siêu lịch sử là Đức Phật siêu việt thời gian như phẩm Hiện Bảo Tháp và phẩm Như Lai Thọ Lượng của kinh này đã mô tả.

Do những đặc điểm thâm diệu của kinh như vậy, nên đặc điểm hoa nở sen hiện của hoa sen được sử dụng để nói lên những điểm thâm diệu mà thực tiễn của kinh này.

7. Hoa rụng sen thành: Với đặc điểm này của hoa sen, được sử dụng để ví dụ cho thời kỳ giáo hóa hàng đệ tử Thanh văn của Phật đã đến chỗ thuần thực rồi, nên Ngài không giảng dạy cho họ những kinh điển dưới mức Pháp Hoa mà phải giảng dạy kinh Pháp Hoa và thọ ký cho họ thành Phật trong tương lai. Đây gọi là thời kỳ Đức Phật thuyết pháp có nội dung phé quyền hiển thực, nghĩa là phé bỏ pháp phương tiện mà chỉ thẳng pháp cứu cánh cho hàng thánh chúng Thanh văn. Ví như hoa rụng thì sen thành. Việc các vị Bồ tát từ lòng đất vọt lên ở phẩm Tòng địa đồng xuất và việc Long nữ hiển châu ở phẩm Đề bà đạt đa là hiển thị cho đặc điểm này.

Đề kinh Pháp Hoa bao gồm cả Pháp và dụ một cách thực tiễn và sâu xa như vậy, nên Ngài Nhật Liên Đại Sư (1222 – 1282), Tổ sư của Pháp Hoa Tông Nhật bản dạy rằng: “Chỉ cần thọ trì, đọc tụng đề kinh Pháp Hoa là có đủ nhân duyên để thành Phật”.

Theo Hám Sơn – Đức Thanh Đại Sư (1546 – 1623), đời Minh, đề kinh Pháp Hoa là chỉ thẳng Nhất chơn pháp giới của kho tàng tâm Như Lai. Và dùng ý nghĩa ấy mà lập tên vậy. Đại Sư còn giải thích, tâm cảnh không hai, thuần là nhất chơn, nên gọi là diệu pháp. Nhưng, hết thấy chúng sanh ở trong diệu pháp mà mê, nên gọi là “tạng thức”. Ở nơi “tạng thức” mà chư Phật giác ngộ, gọi là “Như Như lai tạng”. Y vào nhất tâm mà kiến lập “Pháp giới liên hoa tạng”.

Do đó, chơn vọng xuyên suốt, nhiễm tịnh dung thông, nhân quả đồng thời, thí chung đồng một ngăn mé.

Vì vậy, nếu ước theo dụ, thì lấy hoa sen làm biểu tượng, nhưng nếu ước theo pháp, thì chỉ thẳng bản thể giác ngộ của tâm (Pháp Hoa Kinh Thông Nghĩa).

Theo Thanh Đàm Đại Sư triều Gia Long, thì Diệu pháp là chỉ cho thực pháp. Pháp là tâm xưa nay thanh tịnh. Tâm ấy xưa nay không sinh, không diệt, không nhóm, không sạch, không thêm, không bớt, tại phiền não không loạn động, tại trần lao không ô nhiễm, nên gọi là tâm xưa nay thanh tịnh vậy.

Lại nữa, tâm ấy là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của chúng sanh. Tròn đồng thái hư, rộng lớn không ngăn mé. Linh linh, lặng lặng, suốt xưa, suốt nay, yên yên, lẳng lẳng, chính là không, chính là sắc, không thể dùng tâm thức suy lường, phân biệt mà có thể biết được.

Đức Thế Tôn, vì muốn đem một việc lớn là “đại tâm” này, mà trao phó cho hàng bồ tát, tạo thành nhân địa của tâm, làm gốc tu nhân, sau đó mới thành tựu quả địa tu chứng, nên gọi là diệu pháp.

Lại nữa, diệu pháp là tùy theo tác dụng mà thiết lập vô lượng tên gọi khác nhau như: Đại sự nhân duyên; Phật tri kiến đạo; Cứu cánh Phật tuệ; Nhất thiết chủng trí.

Liên hoa là thí dụ. Lấy trong sạch không ô nhiễm làm nghĩa. Tất cả thế gian không kham nhận tâm thanh tịnh ấy, nên kinh lấy hoa sen mà dụ cho tâm ấy. Hoa sen sinh ra ở trong bùn nước, nhưng không bị bùn nước làm cho ô nhiễm, cũng như tâm ở trong trần lao mà không bị trần lao làm mê hoặc.

Tuy nhiên, tâm không có hình tướng, nhưng hoa lại có xanh vàng. Do nhân nơi hoa mà rõ được cái thấy. Nhân nơi cái thấy mà biết hoa. Sắc tướng của hoa là vô tình. Cái thấy, cái biết thuộc về tâm chân thực. Chỉ cần không vọng khởi phân biệt, thì vạn vật và ta vốn là như như.⁹

Tóm lại, đề kinh đã dùng hoa sen để ví dụ cho diệu pháp. Diệu pháp chính là nhất thừa và nhất thừa là Phật tính. Phật tính là tính giác ngộ vốn có nơi hết thảy chúng sanh. Tuy, chúng sanh đang bị trôi lăn trong bùn lầy sanh tử, nhưng Phật tính nơi họ không những không mất, mà còn không bị ô nhiễm, hễ đủ duyên thì Phật tính ấy sẽ khởi sinh và tựu thành quả vị giác ngộ. Cũng vậy, ví như hoa sen, tuy bị chìm ngập ở trong nước bùn, nhưng đủ duyên và đúng thời, nó sẽ nở ra hương thơm thanh khiết, vô nhiễm.

Do đó, đề kinh đã dùng hoa sen để ví dụ cho đạo lý nhất thừa hay Phật tính vậy.

Lại nữa, theo Pháp Hoa Kinh Khai Đề, Diệu Pháp Liên Hoa là mật hiệu của Quán Tự Tại Vương, danh hiệu Phật này cũng còn gọi là Vô Lượng Thọ, hiện đã thành Phật ở nơi quốc độ Tịnh Diệu. Nhưng, khi lưu lại ở thế giới tạp nhiễm đầy năm sự dơ bẩn, làm vị Bồ tát Quán Tự Tại với tên Nhất thiết pháp bình đẳng Quán tự tại trí ấn.

Nếu có những ai nghe được lý thú này, mà thọ trì, đọc tụng, tác ý, tư duy, thì cho dù người ấy đang ở trong thế giới của các dục, nhưng ví như hoa sen, ở trong trần cấu mà không bị khách trần làm cho ô nhiễm, người ấy có thể nhanh chóng thành tựu quả vị Vô thượng bồ đề.

Và lại nữa, Diệu Pháp Liên Hoa là bản thể của thế giới Liên Hoa Đài Tạng, là Thường Tâm Bản Địa của đức Phật Tỳ Lô Giá Na.10

Như vậy, đề kinh không những chỉ dùng hoa sen dụ cho pháp mà còn dùng hoa sen để dụ cho tên gọi của hạnh tu và bản thể của pháp chứng ngộ nữa.

--- oOo ---

Chương II: Những Đặc Điểm

Kinh Pháp Hoa xuất hiện trong tam tạng giáo điển Phật giáo ngoài những điểm chung, kinh còn có những điểm độc đáo cho chính mình, nên khiến kinh không phải chỉ là Pháp mà còn là Diệu Pháp.

Những điểm độc đáo và đặc biệt của kinh Pháp Hoa như sau:

1. Phật

Phật có đầy đủ cả ba thân.

*Phật pháp thân: Phật lấy Pháp làm thân. Pháp đây là bản thể tịch diệt của vạn hữu. Bản thể ấy là thực tướng của các Pháp không có sinh diệt.

Bản thể ấy là Niết Bàn, là tâm chân thật tịch lặng suốt trong không sinh diệt.

*Phật báo thân: Thân Phật do tu tập các pháp vô lậu như Giới, Định, Tuệ và thực hành Lục độ của Bồ tát không còn khởi niệm ngã và pháp hay phi ngã và phi pháp mà hình thành.

Thân ấy, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tạo thành sắc thân của Phật. Sắc thân ấy là sắc thân được tạo thành từ các pháp của tâm vô lậu, nên thọ mạng của Phật là vô lượng, không có bị hủy diệt bởi thời gian. Thân ấy luôn luôn hiện hữu, không nhập Niết bàn, bởi vì chính nó là Niết bàn, nên không cần phải nhập.

*Phật ứng thân: Là thân Phật ứng hiện theo bản hạnh để hoạt dụng hóa độ. Thân này do bản nguyện, nên Ngài mượn các pháp hữu vi mà tạo thành. Thân này có đến, có đi, có sanh, có diệt như tất cả thân của chúng sanh. Nhưng khác hẳn với thân chúng sanh, là thân chúng sanh do nghiệp lực tạo nên, còn Phật ứng thân do bản nguyện mà thiết lập.

Vì ứng hóa thân là như vậy, nên ứng hóa thân của Phật Thích Ca là thân thể lịch sử về con người, nên nó có hạn lượng về thời gian.

Pháp thân, báo thân, ứng hóa thân ấy đều là thân của Phật Thích Ca, nhưng trong đó độc đáo nhất là kinh Pháp Hoa cho rằng, báo thân của Ngài là bất khả hoại, tồn tại và bất sinh diệt với mọi thời gian.

Điều này kinh Pháp Hoa đã chỉ cho ta thấy, báo thân của Phật do tâm vô lậu tạo thành.

Tâm ấy siêu việt mọi thời gian, nên thân ấy cũng tồn tại đúng như thời gian của tâm ấy.

Nên, báo thân của Phật Thích Ca được trình bày ở kinh Pháp Hoa là báo thân siêu việt.

Đó là cách nhìn đặc biệt của Pháp Hoa về Phật thân.

Phẩm Như Lai Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa đã cho ta cách nhìn về báo thân này.[1][1]

Ứng hóa thân được trình bày trong kinh Pháp Hoa là thân của Đức Phật lịch sử, nhưng mục đích có mặt của thân ấy trong thế gian, không gì khác là để “khai thị ngộ nhập tri kiến” của Phật cho chúng sanh, khiến chúng sanh ngộ nhập đúng như cái thấy, cái biết của Phật.

Ứng thân ấy của Phật Thích Ca không phải chỉ có mặt ở đây mà có mặt khắp cả mọi nơi để thuyết giảng kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện[2][2] và phẩm Hiện Bảo Tháp[3][3] của kinh Pháp Hoa cho ta cách nhìn độc đáo và đặc biệt đối với tác dụng của Phật ứng hóa thân này.

Lại nữa, kinh Pháp Hoa chỉ cho chúng ta thấy, tuệ giác của Phật là tuệ giác chứng nhập thực tướng của các pháp qua mười phạm trù gồm “như thị tánh, như thị thể, như thị tướng, như thị tác, như thị lực, như thị nhân,...”.

Do chứng nhập thực tướng của các pháp qua mười phạm trù này, nên Ngài thành Bậc Vô Thượng Giác.

Do đó, báo thân của Ngài lúc nào và ở đâu cũng có, để chứng minh cho sự chứng ngộ tướng tịch diệt của các pháp, là không sinh diệt và ứng hóa thân của Ngài thì lúc nào và ở đâu cũng biểu hiện để giáo hóa chúng sanh, bằng

vô số phương tiện thiện xảo, khiến tất cả đều thành tựu tuệ giác vô thượng là tuệ giác chứng nhập “chư pháp thực tướng” ấy.

Bởi vậy, Phật qua cách nhìn của kinh Pháp Hoa hết sức đặc biệt và độc đáo so với các kinh khác, nên kinh Pháp Hoa đối với các kinh khác không phải chỉ là Pháp mà còn là Diệu Pháp. Và Bạc chứng ngộ và tuyên bố pháp ấy cho mọi giới, không phải chỉ là Toàn Giác mà còn là Diệu Giác và Vô thượng giác.

2. Pháp

Pháp được kinh Pháp Hoa diễn đạt là Pháp Nhất Thừa.

Nhưng, pháp Nhất Thừa của Pháp Hoa không hề phủ nhận những giáo pháp mà Đức Phật diễn đạt và hướng dẫn đã được ghi lại ở trong các kinh điển Agāma và Nikāya như vô thường, khổ, không, vô ngã hay vô thường, khổ và không hoặc là vô thường (sarvasamskāra-anitya = chư hành vô thường), vô ngã (sarvadharmānātman = chư pháp vô ngã), và Niết bàn (nirvānasāntam = Niết bàn tịch tịnh) đã được các kinh điển Agāma và Nikāya đóng dấu ấn, gọi là “tam pháp ấn” hay “tứ pháp ấn”, tức là những dấu ấn của chánh pháp, mà kinh Pháp Hoa chỉ đưa tất cả dấu ấn về với một dấu ấn duy nhất là “thực tướng ấn”. [4][4]

Thực tướng ấn là dấu ấn của tướng chân thật. Dấu ấn ấy, ấn rõ tuệ giác của Phật vào nơi thực tướng các pháp.

Dấu ấn ấy, ấn rõ các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã chỉ có một, đó là “nhất thể pháp không”. [5][5]

Dấu ấn ấy, ấn rõ sự giác ngộ của Phật duy nhất là “thực tướng không” hay “tịch tịnh Niết bàn”.

Dấu ấn ấy, ấn rõ báo thân của Phật không bị sinh diệt và không bị thời gian chi phối. Và ứng hóa thân của Phật có mặt trong cuộc đời là chỉ cho chúng sanh thấy rõ thực tướng của các pháp, bằng tất cả phương tiện thiện xảo mà ứng hóa thân đều có thể sử dụng.

Như vậy, dấu ấn ấy, là ấn chứng mục đích duy nhất của Phật ra đời là khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho chúng sanh, khiến cho họ thấy biết mà ngộ nhập.

Lại nữa, ba mươi bảy phẩm pháp trợ đạo trong Đạo đế của Tứ Diệu Đế là pháp hành căn bản để đoạn tận Tập đế, dứt sạch Khổ đế, chứng nhập Diệt đế.

Diệt đế là thực tướng tịch diệt của các pháp, là Niết Bàn tuyệt đối của chư Phật.

Nên, ba mươi bảy phẩm pháp trợ đạo là pháp phương tiện của Niết bàn mà không phải là Niết bàn. Và chỉ có Phật mới chứng nhập Diệt đế hoàn toàn trong Niết bàn tuyệt đối.

Bởi vậy, không có Niết bàn nào chân thật ngoài Niết bàn của Phật và không có trí tuệ nào là trí tuệ toàn giác ngoài trí tuệ của Phật.

Do đó, đối với cách nhìn của Pháp Hoa, thì hàng Thanh Văn chưa đạt tới sự chứng nghiệm Tứ Diệu Đế như sự chứng nghiệm của Phật, nên họ cần phải buông bỏ những gì mà họ cho rằng, họ đã chứng nghiệm Tứ Diệu Đế, để họ đạt tới sự chứng nghiệm Tứ Diệu Đế như Phật và thể chứng Niết bàn tuyệt đối như Ngài.

Đối với sự chứng nghiệm pháp mười hai duyên khởi của hàng Duyên Giác cũng vậy, họ phải buông bỏ cách nhìn pháp mười hai duyên khởi theo cách nhìn của họ, để tiến tới cách nhìn thấy pháp mười hai duyên khởi theo cách nhìn thấy của Phật, thì họ không những đoạn tận các chi phần ái, thủ, hữu hay vô minh, hành mà còn đoạn tận cứ địa chứa chấp và huấn luyện vô minh nữa.

Và chỉ có đạt tới Niết bàn tuyệt đối mới đoạn tận hết thảy các cứ địa cất chứa và huấn luyện vô minh ấy.

Nói tóm lại, hàng Duyên Giác phải buông bỏ cách nhìn thấy mười hai duyên khởi và đoạn tận các chi phần trong mười hai duyên khởi của mình để đi tới cách nhìn thấy và cách đoạn tận các chi phần trong pháp mười hai duyên khởi của Phật, để họ có cái nhìn thấy, cái biết của Phật và chứng nhập Niết bàn tuyệt đối như Ngài.

Và đối với sự phát bồ đề tâm thực hành Lục độ của Bồ tát cũng vậy. Họ phải buông bỏ hoàn toàn mọi ý tưởng về ngã và pháp, để đạt tới cái nhìn thấy tịch diệt hoàn toàn đối với chúng.

Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát phải buông bỏ cái thấy pháp của mình mà phải tiến tới cách nhìn thấy pháp của Phật, phải buông bỏ cách chứng nhập Niết bàn theo cách chứng nhập của mình mà tiến tới cách chứng nhập Niết bàn của Phật.

Như Kinh Pháp Hoa nói:

“Chư Phật lưỡng túc tôn

Tri pháp thường vô tánh

Phật chủng tùng duyên khởi

Thị cố thuyết Nhất thừa

Thị pháp trụ, pháp vị

Thế gian tướng thường trú...”[6][6]

Nghĩa là:

“Các Đấng Giác Ngộ đầy đủ trí và đức, biết rõ các pháp không có tự tánh, hạt giống Phật sinh khởi do duyên, nên Phật nói Nhất thừa.

Và bản thể của các pháp vốn là thường trú và nguyên vị, tướng chân như của thế gian vốn thường trú”.

Như vậy, kinh Pháp Hoa đã chỉ cho ta thấy, các pháp không có tự tánh, hạt giống Phật cũng sinh khởi do duyên và pháp chân như ở nơi vạn hữu không hề bị sinh diệt. Phật tính của hết thảy chúng sanh tuy ở trong sự luân chuyển của thế gian mà vẫn thường trú và Niết bàn có mặt thường trú ngay ở trong sinh tử.

Nên, tuy ứng hóa thân của Phật ở trong sinh tử với chúng sanh mà vẫn thường sống với pháp Niết bàn tịch tịnh.

Pháp như vậy là pháp Nhất thừa. Và Nhất thừa như vậy là pháp Nhất thừa độc đáo và đặc biệt của Pháp Hoa so với pháp Nhất thừa được quảng diễn từ kinh Thắng Man, Bát Nhã và Hoa Nghiêm.

3. Tăng

Ở trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói Tăng là đoàn thể đệ tử của Ngài: “nội bí Bồ tát hạnh, ngoại hiện thị Thanh văn, thiểu dục yếm sinh tử, thật tự tịnh Phật độ”. [7][7]

Nghĩa là bên trong của Tăng đoàn là nuôi dưỡng, giữ gìn hạnh của Bồ tát, nhưng bên ngoài biểu hiện hình thái của Thanh văn, ít có tham dục, nhằm chán sinh tử, mà thật ra tự thân là làm cho cõi Phật thanh tịnh.

Nên, kinh Pháp Hoa không công nhận một đoàn thể Thanh văn đơn thuần là đệ tử của Phật, nếu có chăng chỉ là giả lập để giúp họ trở thành Bồ tát và giáo hóa cho họ pháp Nhất thừa, nhằm đưa họ đến địa vị Phật.

Điều này, ta thấy Đức Phật nói rõ qua thi kệ của phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa như sau:

“Quý vị chớ có nghi

Ta là vua các Pháp

Nói cho đại chúng biết

Chỉ dùng đạo Nhất thừa

Giáo hóa các Bồ tát

Không đệ tử Thanh Văn”.

(Nhữ đẳng vật hữu nghi

Ngã vi chư Pháp vương

Phổ cáo chư đại chúng

Đản dĩ Nhất thừa đạo

Giáo hóa chư Bồ tát

Vô Thanh văn đệ tử). [8][8]

Nên, ở kinh Pháp Hoa, Đức Phật khẳng định sự ra đời của Ngài có hai việc.

Đối với Pháp, thì Ngài chỉ dạy pháp Nhất thừa, tức là pháp làm Phật.

Và đối với Tăng Thanh văn, thì Ngài phải giáo dục để họ đều trở thành Bồ tát, và dạy cho họ pháp Nhất thừa, rồi tuyên bố họ sẽ thành Phật.

Điểm này, Đức Phật đã nói với Tôn giả Xá Lợi Phất như sau:

“Xá Lợi Phất nên biết

Người căn chậm, trí nhỏ

chấp tướng và kiêu mạn

Pháp này không thể tin.

Ta nay vui, vô úy

ở trong các Bồ tát

thẳng thẳng bỏ phương tiện

chỉ nói đạo Vô thượng.

Bồ tát nghe pháp ấy

lưới nghi đều trừ diệt

ngàn hai trăm La Hán

chắc chắn sẽ làm Phật.

Như chư Phật ba đời

theo nghi thức thuyết pháp

Ta nay cũng như vậy

thuyết pháp đều giống nhau”.[9][9]

Chính điểm này là điểm then chốt của kinh Pháp Hoa, và là cách nhìn đặc biệt và độc đáo về Tăng của Pháp Hoa.

Cũng chính điểm này mà các nhà Phật học Pháp Hoa, gọi là “phế quyền hiển thực”. Nghĩa là bỏ quyền trí mà hiển thị thật trí; bỏ quyền pháp mà hiển thị thật pháp; bỏ phương tiện mà hiển thị cứu cánh.

Và cũng chính điểm này, Tôn giả Xá Lợi Phất, Bạc thượng căn, thượng trí của hàng Thanh văn đã lãnh hội và tin tưởng, nên đã phát biểu với Đức Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn! Con từ xưa đến nay, suốt ngày và đêm luôn luôn tự trách.

Nhưng, ngày nay từ Đức Thế Tôn, con được pháp chưa từng có, nên nay mọi nghi ngờ của con đoạn sạch, thân và tâm của con thư thái, tự nhiên và ổn định một cách thích thú.

Ngày nay con mới biết rằng, con là con đích thực của Phật, sinh ra từ sự giáo huấn của Ngài, sinh ra từ pháp chuyển hóa của Ngài, thừa hưởng được gia tài chính pháp của Phật”.[10][10]

Ngay sau đó, Tôn giả Xá Lợi Phất đã được Đức Phật thọ ký thành Phật.

Và ở phẩm Tín Giải,[11][11] các vị Thanh văn như các Tôn giả Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, Đại Ca Diếp, Mục Kiền Liên cũng đã trình bày sự lãnh hội pháp Nhất thừa của mình lên Đức Phật.

Để chứng minh cho sự lãnh hội và tin tưởng ấy, các Tôn giả đã kể cho Thế Tôn nghe câu chuyện trưởng giả và cùng tử, để minh họa cho tâm từ bi của Phật, hạnh nguyện giáo hóa của Phật và trí tuệ phương tiện thiện xảo của Ngài đối với việc giáo hóa hàng Thanh văn. Và hàng Thanh văn cho dù những vị thông minh, những vị tu tập giỏi đã hoàn thành tuệ giác vô học của Thanh văn, hay chưa hoàn thành tuệ giác ấy, rồi Đức Phật cũng thương, tìm đủ mọi cách dìu dắt phát triển thành tâm Bồ tát, giáo hóa cho pháp Nhất thừa và rồi sẽ thọ ký thành Phật.

Nên, sau đó Đức Phật đã thọ ký cho các Tôn giả này đều thành Phật trong tương lai.

Và không những các đại Tỷ khưu Tăng Thanh văn được thọ ký thành Phật, mà các Tỷ khưu đã hoàn thành tuệ giác vô lậu của Thanh văn và chưa hoàn thành tuệ giác ấy, cũng đều được Đức Phật thọ ký thành Phật.[12][12]

Chúng Thanh văn thuộc Tỷ khuru ni, như bà Đại Ái Đạo (Ma Ha Bà Xà Bà Đề), bà Pháp Dữ (Da Du Đà La) cũng đều được Đức Phật thọ ký thành Phật.[13][13]

Như vậy, hàng Thanh văn Tăng là đối tượng đặc biệt và là đối tượng chủ yếu mà kinh Pháp Hoa nhắm tới để chuyển hóa, khiến tất cả hai bộ đại Tăng của Thanh văn đều trở thành Bồ tát Tăng, tu học pháp Nhất thừa và đều sẽ thành Phật trong tương lai.

Do đó, đây là điểm độc đáo và đặc biệt về cách nhìn nhận Tăng của Pháp Hoa.

Và đối với các Tỷ khuru tăng có hạnh nguyện sống độc cư để quán chiếu sâu vào pháp mười hai duyên khởi, thấy lưu chuyển của mười hai duyên khởi là Khổ đế và Tập đế và thấy rõ sự hoàn diệt của mười hai duyên khởi là Diệt đế và Đạo đế mà đoạn tận ái, thủ, hữu, đoạn tận vô minh, hành, hưởng thụ đời sống tịch lạc độc cư trong hiện thế, đối với những vị Thanh văn có chủng tính Duyên giác như thế, Đức Phật cũng sử dụng phương tiện thiện xảo để giúp họ tiến lên Bồ tát thừa trở thành Bồ tát Tăng, rồi dạy cho họ pháp Nhất thừa và sẽ thọ ký cho họ thành Phật.

Như vậy, bằng mọi phương tiện, Đức Phật đã chuyển vận giáo đoàn Tăng có nội dung Thanh văn và Duyên giác trở thành giáo đoàn có nội dung của Bồ tát Tăng, và từ giáo đoàn Bồ tát Tăng này, Đức Phật dạy cho pháp Nhất thừa và thọ ký cho tất cả thành Phật.

Ở điểm độc đáo và đặc biệt này, các nhà Phật học Pháp Hoa, gọi là “hội tam quy nhất”. Nghĩa là chuyển hóa và thống nhất cả ba thừa gồm Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát thừa thành một thừa duy nhất, gọi là Nhất thừa hay Phật thừa.

Nên, Tăng qua cách nhìn của kinh Pháp Hoa là giáo đoàn có nội dung của Bồ tát.

Do đó, giáo đoàn ấy, có khả năng làm chỗ nương tựa cho tất cả mọi giới trong thế gian, có khả năng giữ gìn chánh pháp, khiến cho hạt giống Phật pháp không bị chìm mất.

Và giáo đoàn Tăng như vậy, không những có khả năng gìn giữ mà còn có khả năng tuyên dương Diệu pháp đến mọi giới không những thế gian, mà còn cả các giới xuất thế gian nữa.

4. Tin và hiểu

Tuệ giác Pháp Hoa là tuệ giác thấy và biết rõ hết thấy chúng sanh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật nếu có điều kiện tác động và yểm trợ.

Nên, đức tin Pháp Hoa là đức tin sinh khởi từ tuệ giác ấy và của tuệ giác ấy.

Do đó, Pháp Hoa tin rằng, hết thấy chúng sanh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật.

Với tuệ giác và đức tin ấy, nên Pháp Hoa tin rằng A La Hán đồng có Phật tính như Phật và sẽ thành Phật là vấn đề dễ hiểu.[14][14]

Đức tin Pháp Hoa không dừng lại ngang đó mà còn đi tới rộng lớn và sâu sắc hơn. Pháp Hoa còn tin rằng, Phật tính không có đối lập và không còn nằm trong hạn hữu của giới tính hay chủng loại.

Nên, ngay cả con người tạo tội ngũ nghịch như Đề Bà Đạt Đa, không những được Đức Phật thọ ký thành Phật, mà còn xem Đề Bà Đạt Đa là ân nhân và thiện hữu tri thức của mình trong một thời.

Tuy, Đề Bà Đạt Đa tạo tội ngũ nghịch bị thọ báo địa ngục, nhưng Phật tính trong Đề Bà Đạt Đa không mất.

Phật tính ấy, cần có sự tác động của nhân duyên và sự yểm trợ của chánh pháp để chúng sinh khởi, đó là cách nhìn và cách thấy hết sức độc đáo và đặc biệt của kinh Pháp Hoa. Và lại càng độc đáo và đặc biệt hơn nữa là đức tin Pháp Hoa tin vào điều ấy là một sự thật. Kinh Pháp Hoa còn nói:

“Nếu có người nào đối với việc này mà không nghi ngờ thì không bị đọa vào ác đạo, thường sinh trước chư Phật mười phương và sinh ở đâu cũng được nghe kinh Pháp Hoa. Sinh trong nhân loại hay chư Thiên thì được hưởng sự yên vui tuyệt diệu và nếu sinh ra trước Phật thì hóa sanh từ hoa sen”. [15][15]

Đức tin ấy, là đức tin độc đáo của Pháp Hoa, nhưng nó chưa dừng lại ở đó mà còn tin rằng, Phật tính không bị hạn hữu bởi giới tính hay chủng loại, nên tất cả mọi loài cũng đều có khả năng thành Phật, ngay cả loài súc sanh nữa.

Việc tin tưởng hành động hiến dâng châu ngọc và tức thì biến thành nam tướng, đầy đủ phong cách Bồ tát, hướng ngay qua thế giới Vô Cấu ở phương Nam và thành Phật của Long nữ mới tám tuổi, con của vua rồng Diêm Hải, là đức tin độc đáo và bất khả tư nghì của Pháp Hoa.

Lại nữa, Pháp Hoa tin rằng, tất cả chúng sanh ai cũng có Phật tính và ai cũng có khả năng thành Phật. Chính vì vậy mà ai cũng có khả năng thọ trì, đọc tụng, diễn giảng và hoằng truyền kinh Pháp Hoa đến với tất cả mọi người và mọi loài.

Ở Diêm Hải, Bồ tát Văn Thù chỉ hoằng truyền kinh Pháp Hoa và Long nữ mới tám tuổi đã lãnh hội kinh ấy một cách sâu xa.[16][16]

Pháp Hoa tin rằng, báo thân của Phật không có hủy diệt và có mặt bất cứ nơi nào có thọ trì, đọc tụng, diễn giảng kinh Pháp Hoa và ứng hóa thân của Phật hiện hữu khắp nơi để hoằng truyền kinh ấy. Phẩm Hiện Bảo Tháp của kinh Pháp Hoa[17][17] có báo thân của Phật Đa Bảo là sự chứng minh độc đáo cho đức tin này. Và khi mở cửa bảo tháp của Phật Đa Bảo, thì tất cả ứng hóa thân của Phật Thích Ca đang đi hoằng truyền Pháp Hoa khắp mọi nơi cùng lúc có mặt, lại là một độc đáo khác, nói lên sự linh hoạt, sống động, cùng khắp mà thống nhất của đức tin Pháp Hoa.

Lại nữa, Pháp Hoa tin rằng, Đức Phật lịch sử chỉ là ứng hóa thân, chứ không phải Ngài mới thành Phật trong thời đại này, mà Ngài đã thành Phật cực kỳ lâu xa, như ví dụ “tam thiên trần điểm kiếp”, đã được diễn đạt ở trong phẩm Như Lai Thọ Lượng.[18][18]

Lại nữa, Pháp Hoa tin rằng, ngoài thế giới hệ của Phật Thích Ca đang giáo hóa, còn có vô số thế giới hệ khác, khắp cả mười phương thế giới nào cũng có Phật và Bồ tát, đang giáo hóa cho thế giới hệ ấy bằng kinh Pháp Hoa.

Như vậy, nếu ta nhìn kinh Pháp Hoa về mặt đức tin, thì đức tin của Pháp Hoa cực kỳ độc đáo, thực tế, sâu sắc, rộng lớn, cao vời, linh hoạt và đa dạng, nên ta nói về đức tin ấy không bao giờ hết.

Và độc đáo hơn nữa, đức tin Pháp Hoa không phải được nuôi dưỡng và lớn mạnh từ ngôn thuyết và trí thức Pháp Hoa, mà nó phải được nuôi lớn và bảo chứng từ tuệ giác Pháp Hoa từ bản hạnh và đời sống ấy.

Và nó phải được gia trì bởi thần lực của Như Lai, các vị Đại Bồ tát, các thần chú và các bậc thiện tri thức,[19][19] thì nó mới có thể tin hiểu sâu xa đối

với kinh Pháp Hoa và mới có khả năng hoằng truyền Pháp Hoa mà không bị trở ngại.

Tại sao đức tin Pháp Hoa và người hoằng truyền kinh này, phải có sức gia trì của chư Phật và Đại Bồ tát?

Vì như ở phẩm Như Lai Thần Lực, Đức Phật đã nói với Bồ tát Thượng Hạnh rằng: “Như Lai có vô biên thần lực và đem vô biên thần lực ấy mà diễn đạt tính chất của kinh Pháp Hoa, thì cho dù trải qua vô số kiếp, cũng không thể diễn tả hết được.

Vì sao? Vì tất cả thần lực tự tại của Như Lai; tất cả kho tàng bí yếu của Như Lai và tất cả những gì cực kỳ sâu xa của Như Lai, tất cả đều có mặt ở trong kinh Pháp Hoa..., nên kinh đó có mặt ở đâu, quý vị hãy xem đó như Bồ Đề Đạo Tràng, nơi mà Như Lai đã từng giác ngộ, hãy xem đó như là Lộc Uyển, nơi mà Như Lai đã chuyển vận Pháp luân và xem đó như là rừng Sa La, nơi Như Lai thể hiện Niết bàn”. [20][20]

Kinh Pháp Hoa là Diệu Pháp, nên không thể dùng tri thức mà hiểu, không thể sử dụng đức tin đơn thuần mà tin, mà phải hiểu và tin bằng tuệ giác, được sự gia trì của chư Phật và các Đại Bồ tát.

Tin và hiểu như vậy là tin và hiểu bằng tâm linh siêu việt mà không phải tin và hiểu theo thường tục.

Ấy cũng là một trong những tin và hiểu độc đáo của Pháp Hoa.

5. Con đường huấn luyện và chuyển hóa

Tất cả những vị đang tu học ở trong Tam Thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa đều là đối tượng huấn luyện và giáo hóa của Pháp Hoa. Đối với những vị đã là Bồ Tát, thì Pháp Hoa huấn luyện và giáo hóa cho họ nhanh chóng trở thành một vị Phật.

Đối với đối tượng Thanh Văn và Duyên Giác, Pháp Hoa phải huấn luyện và giáo hóa lâu dài, bằng những phương pháp thực dụng và xảo diệu, để đưa họ lên Bồ Tát Thừa và thọ ký cho họ thành Phật trong tương lai.

Nên mục đích giáo dục của Pháp Hoa là giáo dục và huấn luyện các Thánh giả trong Tam Thừa thấy rõ tướng trạng “như thật” của các pháp để thành Phật, giáo hóa chúng sanh bằng tuệ giác và bằng từ bi Pháp Hoa.

Phương pháp giáo dục của Pháp Hoa là thiết lập giáo lý Tứ Diệu Đế để huấn luyện cho những vị có chủng tính Thanh Văn, giáo lý Mười Hai Duyên Khởi để huấn luyện cho những vị vừa có chủng tính Thanh Văn, vừa có chủng tính Duyên Giác, và thiết lập giáo lý Lục Độ để huấn luyện cho những vị có chủng tính Bồ Tát.

Bởi vậy, giáo học Pháp Hoa đầy đủ cả Tam Thừa, nhưng trong đó đối tượng chính để huấn luyện và giáo dục lâu dài của Pháp Hoa là Thanh Văn.

Phương tiện giáo dục cho hàng Thanh Văn là giáo học Tứ Diệu Đế, nhưng khi quý vị Thanh Văn đã thuần thục với giáo lý này, thì Pháp Hoa nâng cấp họ lên và giáo hóa khiến cho họ trở thành Bồ Tát.

Nhưng, ở trong Thanh Văn có trình độ cần phải giáo hóa khác nhau:

*Trình độ thượng căn, thượng trí, như Tôn giả Xá Lợi Phất, thì ở kinh Pháp Hoa, Đức Phật chỉ thẳng “chư pháp thực tướng” và nói quả vị A La Hán, là do Đức Phật vận dụng, chứ không phải có thật, Phật quả mới là thật.

Phương pháp huấn luyện này, là phương pháp nói thẳng, đánh thức trực tiếp vào tuệ giác của Thanh Văn, khiến cho tuệ giác ấy nhận ra ngay Phật tính và bản nguyện Bồ Tát vốn có của hàng Bồ Tát và thọ ký thành Phật trong tương lai.

Huấn luyện bằng phương pháp này, ở kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã thành công đối với Tôn giả Xá Lợi Phất.

*Trình độ trung căn, trung trí như các Tôn giả Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, Đại Ca Diếp và Mục Kiền Liên, ở kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã giáo dục bằng cách đưa ra những ví dụ: ba cõi ví như nhà lửa, xe dê, xe hươu và xe trâu ở ngoài cửa của ba cõi là dụ cho Tam Thừa, tu tập giáo lý Tam Thừa ra khỏi nhà lửa của tam giới, nhưng chưa phải thành tựu Niết Bàn của Phật,...[21][21]

Qua ví dụ nhà lửa và ba xe mà Đức Phật đã trình bày, khiến cho các Tôn giả nhận ra được giáo lý Nhất Thừa, thấy rằng mình vốn có Phật tính và đã từng có bản nguyện Bồ Tát và chính những vị này đã đưa ra ví dụ Trưởng giả và cùng tử, để ví dụ Trưởng giả là Phật và cùng tử là chính mình ở phẩm Tín Giải; nghĩa là tu tập mà quên mất bản nguyện Bồ Tát là liền trở thành Thanh Văn và là cùng tử. Chỉ cần nhớ lại bản nguyện Đại Thừa là tức khắc trở thành Bồ Tát.

Tiếp theo, Đức Phật dạy cho họ về ví dụ Dược Thảo,[22][22] để chỉ cho họ thấy căn cơ trình độ chúng sanh có cao, có vừa, có thấp, nhưng pháp Nhất Thừa là pháp bình đẳng, hết thảy mọi căn cơ tùy theo sức mình mà lãnh hội và cuối cùng cũng đều thành tựu địa vị Phật.

Như vậy, phương pháp giáo dục thứ hai đối với hàng Thanh Văn của Đức Phật ở kinh Pháp Hoa bằng thí dụ, và qua thí dụ mà đối tượng giáo dục nhận ra được bản nguyện Bồ Tát vốn có của mình.

Và đối với các vị Thanh Văn với trình độ dưới trung bình, Đức Phật nói về nhân duyên Thầy trò đã từng cùng nhau tu tập Pháp Hoa, từ thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, quốc độ của Ngài tên là Hảo Thành, thời kỳ của Ngài xuất hiện là Đại Tướng và thời kỳ ấy trải qua đến nay là cực kỳ lâu xa.

Đức Thích Ca đã từng là vị Sa di Bồ Tát tu học Pháp Hoa với Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, đã lãnh hội Pháp Hoa, đã tu tập Pháp Hoa và đã diễn giảng Pháp Hoa từ thời ấy, và Ngài đã thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, giáo hóa vô số chúng sanh, đã từng thiết lập giáo pháp Tam Thừa để giáo hóa hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, nhưng cuối cùng đều khiến cho họ hiểu và chứng nhập giáo pháp Nhất Thừa.

Và những vị đã từng học hỏi, tu tập giáo pháp Tam Thừa với Ngài đã trải qua nhiều thời gian, hiện vẫn đang còn có mặt ở trong chính hội Pháp Hoa này và hiện nay, họ đang được Như Lai trực tiếp giảng dạy Pháp Hoa cho nữa.

Niết Bàn của Thanh Văn và Duyên Giác là do Như Lai tạm thiết lập để cho những vị tu tập Thanh Văn hạnh nghỉ ngơi, sau những tháng ngày dài, băng qua con đường hiểm nghèo của sinh tử.

Bây giờ quý vị đã khỏe, lấy lại sức lực, để tiếp tục lên đường đến nơi “bảo sở”, tức là Niết Bàn của Phật.

Và để minh họa cho ý này, Đức Phật đã đưa ra ví dụ “hóa thành”, là thành phố tạm nghỉ ngơi để tiếp tục đi tới “bảo sở”, là kinh đô.

Hóa thành là dụ cho Niết Bàn của Thanh Văn, Duyên Giác và kinh đô là dụ Niết Bàn của Phật.[23][23]

Ở phẩm Thọ Ký, Đức Phật thọ ký cho năm trăm đệ tử Thanh Văn, mà đứng đầu là Phú Lô Na, Đức Phật đã nói về bản nguyện Bồ Tát của Tôn giả Phú Lô Na là đã có và đã thực hành ở nơi chín mươi ức Đức Phật quá khứ.

Tôn giả Phú Lô Na không phải chỉ có khả năng thuyết pháp và tuyên dương chánh pháp của Như Lai thôi đâu, Tôn giả từng là người số một duy trì và tuyên dương chánh pháp của chín mươi ức chư Phật quá khứ. Tôn giả đã có đủ thân lực của Bồ Tát, sống lâu bao nhiêu thì thực hành phạm hạnh bấy nhiêu.

Tôn giả đã từng giáo hóa vô lượng, vô số chúng sanh, khiến họ an trú vững chãi trong Tuệ giác vô thượng.

Và bất cứ thời kỳ của Phật nào quá khứ, hiện tại hay tương lai, Ngài đều là người thuyết pháp số một cả...[24][24]

Đức Phật thọ ký cho Phú Lô Na thành Phật, rồi Tôn giả Kiều Trần Như và các vị khác cũng hiểu được vấn đề Đức Phật giáo hóa, nên họ đều được Đức Phật thọ ký thành Phật.

Và họ đã đưa ra ví dụ “ngọc trong ché áo” để minh họa rằng, Phật tính vốn có, bản nguyện tu học Bồ Tát Thừa, họ cũng đã từng phát khởi và thực hành, mà nay lại quên mất. Vì quên mất Phật tính và bản nguyện Bồ Tát của mình, nên bị nghèo nàn trí tuệ và phước đức, cũng giống như người có viên ngọc trong ché áo mà quên mất, nên phải lang thang khổ nhọc vì cơm áo và được đôi chút cơm áo tự cho là đủ.

Bằng sự huấn luyện và giáo dục Pháp Hoa như vậy, Đức Phật đã thọ ký cho Ngài Xá Lợi Phất ở phẩm 3, cho bốn vị Đại đệ tử ở phẩm 6, cho năm trăm Đại A La Hán và 1200 vị A La Hán ở phẩm 8, và Ngài lại tiếp tục thọ ký thành Phật cho các bậc hữu học vô học phẩm 9, thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa thành Phật và chứng minh cho sự thành Phật của Long nữ tám tuổi ở phẩm 12, và lại thọ ký cho chúng Tỷ khuru ni như bà Ma Ha Bà Xà Bà Đề, Da Du Đà La, ... ở phẩm 13.

Như vậy, Pháp Hoa đã huấn luyện và giáo hóa hai Đại bộ Tăng - Ni Thanh Văn trở thành giáo đoàn Bồ Tát Tăng, bằng những phương pháp đánh thức hoặc trực tiếp, gián tiếp, khiến cho tất cả quý vị tự nhận ra Phật tính và tự nhận ra bản nguyện Bồ Tát vốn có của mình, nên đã được Đức Phật thọ ký thành Phật.

Như vậy, sự huấn luyện và giáo dục của Pháp Hoa là sự huấn luyện và giáo dục bằng phương pháp “đánh thức và khai phóng”. Nghĩa là đánh thức vào khả năng hay bản nguyện vốn có của họ, khiến cho họ tỉnh dậy và bước tới.

Huấn luyện và giáo dục như vậy thật là cực kỳ độc đáo và đặc biệt của Pháp Hoa.

Ở phẩm Tùng Địa Đồng Xuất, đã cho ta thấy sự giáo dục và huấn luyện của Pháp Hoa không mang tính cách đối phó có vẻ thời cuộc mà mang một tầm chiến lược lâu dài đến bất khả thuyết, để gánh vác và truyền bá Pháp Hoa đến bất tận.

Đó cũng là một trong những tầm nhìn độc đáo và đặc biệt về giáo dục của Pháp Hoa.

Và với sự giáo dục ấy, Pháp Hoa đã thành công khi chuyên hóa toàn bộ giáo đoàn Thanh Văn Tăng thành giáo đoàn Bồ Tát Tăng.

Và lại càng chứng tỏ thành công hơn nữa, khi ở phẩm Tùng Địa Đồng Xuất, Đức Phật đã từ chối sự phát tâm giữ gìn và truyền bá ở nơi cõi này của hơn tám hằng hà sa số Bồ Tát Đại sĩ đến từ các thế giới khác.

Ngài nói: “Ở quốc độ này, Như Lai đã giáo dục và huấn luyện có đến sáu vạn hằng hà sa Bồ Tát Đại sĩ, và mỗi vị Đại sĩ lại có sáu vạn hằng hà sa tùy thuộc.

Thầy trò của các Bồ Tát Đại sĩ này, sau khi Như Lai diệt độ họ có thể đủ mọi khả năng để duy trì và phát triển Pháp Hoa, xin khởi phiến đến quý vị”.

Với tầm nhìn và sự huấn luyện sứ giả Pháp Hoa như vậy, là cực kỳ đặc biệt và độc đáo mà không có bất cứ một sự huấn luyện và giáo dục nào có thể so sánh.

6. Hạnh nguyện

Hạnh nguyện Pháp Hoa được bắt đầu khai triển và ứng dụng là từ phẩm Pháp Sư.

Hạnh nguyện Pháp Hoa là hạnh nguyện biến Pháp Hoa trở thành đời sống qua sự thọ trì, đọc tụng, diễn giảng, khiến cho mình chứng nhập thực tướng của vạn hữu và khiến cho tất cả mọi người cũng đều chứng nhập thực tướng

ấy, bằng con đường Bồ Tát, với đầy đủ sáu hạnh, bao gồm: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ với tâm từ bi là đời sống Pháp Hoa đã bắt đầu sinh khởi và lớn mạnh bằng tuệ giác.

Trí tuệ Ba la mật là điểm đến của bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định, nhưng đồng thời nó cũng cùng đồng hành với các hạnh ấy, khiến cho các hạnh ấy không bị chệch hướng của Phật đạo.

Ở phẩm Pháp Sư, Đức Phật nói với Bồ Tát Dược Vương, muốn có đời sống Pháp Hoa, thì căn bản là phải có hạt giống Pháp Hoa, và dù hạt giống Pháp Hoa được gieo vào trong tâm thức chỉ là một bài kệ hay chỉ là một câu kinh, mà biết tiếp nhận bài kệ hay một câu của Pháp Hoa với tâm hoan hỷ, chỉ chừng ấy căn bản, cũng đủ để thực hiện đời sống Pháp Hoa, và cũng đủ điều kiện để đức Phật thọ ký cho tương lai làm Phật.

Nên, không có đức tin Pháp Hoa, thì không bao giờ khởi lên hạnh nguyện Pháp Hoa, và hạnh nguyện Pháp Hoa không có, thì không bao giờ có đời sống Pháp Hoa.

Bồ Tát khác với Thanh Văn là do có hạnh và nguyện. Nguyện thành Phật để có đời sống Toàn giác và nguyện hóa độ chúng sanh bằng sự thực hành Lục Độ với tâm từ bi.

Phẩm Pháp Sư cho ta thấy, đời sống Pháp Hoa là phải có sức mạnh của đức tin Pháp Hoa, phải có sức mạnh của chí nguyện và phải có sức mạnh của thiện căn, thì mới có thể đi vào ngôi nhà của Như Lai là tâm đại từ bi, mới có thể mặc áo của Như Lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục và mới có thể ngồi tòa Như Lai là hết thấy pháp Không, nghĩa là ngồi ở nơi bản thể Ngã Không và Pháp Không của hết thấy mọi sự hiện hữu.

Phải có tâm đại từ bi, phải có tâm nhu hòa nhẫn nhục, phải có tuệ giác về Không, mới có thể giảng dạy truyền bá Pháp Hoa đến cho mọi người.

Việc tháp của Phật Đa Bảo xuất hiện trong kinh Pháp Hoa là để khuyến khích sự phát khởi hạnh nguyện sống bằng đời sống Pháp Hoa và Pháp Hoa phải được nói ra và truyền bá từ đời sống ấy.

Nên, việc tháp Phật Đa Bảo và báo thân của Ngài xuất hiện trong kinh Pháp Hoa là chứng minh cho hạnh nguyện Pháp Hoa và khuyến khích ai đã có bản nguyện Pháp Hoa thì hãy sống theo hạnh nguyện ấy.

Đề Bà Đạt Đa vô lượng kiếp về trước đã có hạnh nguyện Pháp Hoa, nên cần quay về sống với bản nguyện ấy, thì hiện tại tức khắc các tội báo do ngũ nghịch gây ra đều rơi rụng và sẽ được thọ ký thành Phật. Và Long nữ tuy mới tám tuổi, dù là đang thọ báo thân súc sinh nữ, nhưng hạnh nguyện Pháp Hoa không quên mất, lại được Ngài Văn Thù nhắc nhở, giáo hóa, khuyến khích, thực hành thuần thực và khi hạnh nguyện Pháp Hoa đã thuần thực, thì việc thành Phật là không còn chướng ngại bởi bất cứ cái gì và có thể xảy ra trong khoảnh khắc.

Phẩm Khuyến Trì, cho ta thấy rằng, 500 vị A La Hán đã hoàn thành tuệ giác Thanh Văn và 8000 vị khác đang tiếp tục để hoàn thành tuệ giác Thanh Văn, khi nghe nói đến hạnh nguyện Pháp Hoa, quý vị ấy cũng đã phát nguyện với Đức Thế Tôn sống bằng đời sống hoằng truyền Pháp Hoa như sau:

“Bạch đức Thế Tôn! Chúng con cũng ở nơi quốc độ khác, sẽ thuyết giảng kinh Pháp Hoa này một cách rộng rãi.

Vì sao? Vì ở trong cõi nước Ta bà, con người tệ ác, tăng thượng mạn nhiều, phước đức mỏng manh, lắm sân si, tâm không chân thật, khúc mắc, dua nịnh, dơ bẩn”.[25][25]

Sự phát nguyện này nói lên hạt giống Pháp Hoa thực sự đã có mặt ở trong quý vị, và quý vị đã phát khởi hạnh nguyện hoằng truyền Pháp Hoa một cách khiêm tốn.

Và sáu ngàn Tỷ khuru ni, đứng đầu là bà Ma Ha Bà Xà Bà Đề, sau khi đã được Phật thọ ký, họ cũng đã phát khởi hạnh nguyện Pháp Hoa như sau:

“Kính bạch Đấng Đạo Sư Thế Tôn, vị làm an ổn trời, người!

Chúng con đã được Ngài thọ ký xong, trong tâm hoàn toàn an lạc.

Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng có khả năng hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở cõi nước khác”.[26][26]

Sau khi các vị Thanh Văn mới chuyển hướng tiến lên Bồ Tát Thừa đã phát khởi hạnh nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa là những vị Bồ Tát, đã từng

tu học và có một số thành quả nhất định đối với Bồ Tát Thừa như: Nắm vững các pháp tổng trì, có khả năng giữ gìn các thiện pháp không bị dễ rơi mất, họ cũng đã phát khởi hạnh nguyện đối với Pháp Hoa như sau:

“Bạch Thế Tôn! Nếu Ngài dạy chúng con, kính hộ và giảng dạy kinh Pháp Hoa này, thì chúng con sẽ làm đúng như lời Ngài dạy, bằng cách tuyên dương pháp ấy một cách rộng rãi”.

Và tất cả những vị đã phát khởi hạnh nguyện sống đời sống Pháp Hoa, và cũng vì do thương đời mà hoằng truyền kinh Pháp Hoa; vì thương đời mà nhẫn nhục để tuyên dương Pháp Hoa và vì thương đời mà không tiếc thân mạng để tuyên dương kinh ấy.

Vì vậy, đối với Bồ Tát, Pháp Hoa không còn là hạnh nguyện mà chính là đời sống.

Đối với đời sống ấy, Bồ Tát luôn luôn sống với tâm nhu hòa, nhẫn nhục, hiền từ, không sợ hãi, khéo tùy thuận mà thông minh.

Đời sống ấy, không bị cuốn hút bởi hình tướng của các pháp và cũng không bị chi phối bởi những nhận thức về pháp, mà luôn luôn nhìn sâu vào thực tướng của các pháp, để thấy rõ tính chất như thật của nó.

Với đời sống ấy, Bồ Tát không gán gũ các nhà nắm quyền lực chính trị, không thân gần những người tà pháp, những người nuôi sống bằng tà mạng, những người có tà kiến, tu tập vị kỷ,... thích sống đời của thiên định, nghiệp phục tâm ý, quán chiếu tự tính Không của các pháp và thấy rõ tính như thật của chúng.

Với đời sống ấy, Bồ Tát sống với khẩu hành thanh tịnh, với ý hành thanh tịnh và với nguyện hành thanh tịnh.

*Nguyện làm phát khởi tâm đại bi nơi hàng xuất gia và tại gia.

*Nguyện làm phát khởi tâm đại bi nơi những người không phải là Bồ Tát, với những quán chiếu như sau:

Những người mà không phát khởi được tâm nguyện đại bi là những người mất mát rất lớn.

Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp mà họ không nghe, không biết, không hiểu, không hỏi, không tin, không biết rõ.

Tuy rằng, những người ấy, không hỏi, không tin, không hiểu rõ đối với kinh Pháp Hoa, nhưng ta đặc trí tuệ Toàn giác, thì những vị ấy tùy theo ở vị trí nào, ta nguyện sử dụng sức mạnh thần thông, sức mạnh trí tuệ để dìu dắt, khiến cho họ đều an trú ở trong Pháp Hoa.[27][27]

Pháp hành thứ tư ở trong phẩm An Lạc của kinh Pháp Hoa rất là quan trọng vì là hạnh nguyện thuộc về đại nguyện có nội dung từ Bồ đề tâm.

Phát khởi hạnh nguyện thương và cứu vớt chúng sanh ra khỏi sinh tử, đi đến Niết Bàn tuyệt đối của Phật mà thọ trì, đọc tụng, diễn giảng, hoằng truyền kinh Pháp Hoa là hạnh nguyện đích thực của Bồ Tát.

Các vị Bồ Tát như Văn Thù, Di Lặc, Trí Tích, Dược Vương, các vị Bồ Tát Tòng Địa Động Xuất, Bồ Tát Thường Bất Khinh,... là tiêu biểu cho những vị Bồ Tát đã và đang thực hành đại nguyện Pháp Hoa.

Và với đại nguyện ấy, Bồ Tát Thường Bất Khinh đã thành tựu Tuệ Giác Vô Thượng, nay chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã là Bồ Tát Thường Bất Khinh, đã từng bị chúng Bồ Tát 500 vị do Hiền Thủ đứng đầu, chúng Tỷ khuru ni 500 vị do Sư Tử Nguyệt đứng đầu, chúng Ưu bà di 500 vị do Thiện Tư đứng đầu, nhưng những vị ấy đã được Bồ Tát Thường Bất Khinh giáo dục và nay đều là không thối chuyển đối với Tuệ Giác Vô Thượng, và hiện họ đang có mặt ở trong chúng Pháp Hoa này.

Như vậy, đối với Pháp Hoa cực ác như Đề Bà Đạt Đa cũng được thọ ký thành Phật, bị quả báo làm thân súc sanh như Long nữ cũng làm Phật, vậy thì 5000 người Thanh Văn tăng thượng mạn, họ rời bỏ đại hội Pháp Hoa, họ tu học như thế nào sau khi giáo đoàn Thanh Văn đã được Đức Phật giáo hóa pháp Nhất Thừa, thọ ký cho tất cả từ hàng Bạc thượng trí như Ngài Xá Lợi Phất cho đến những vị chưa hoàn tất pháp học Thanh Văn đều là trở thành giáo đoàn Bồ Tát Tăng.

Điều này ở trong phẩm An Lạc Hạnh, Đức Phật đã nói rõ:

“Những người mà không phát khởi được tâm nguyện đại bi là những người mắt mắt rất lớn.

Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp mà họ không nghe, không biết, không hiểu, không hỏi, không tin, không biết rõ.

Tuy rằng, những người ấy không hỏi, không tin, không hiểu rõ đối với kinh Pháp Hoa, nhưng Ta đặc trí tuệ Toàn giác, thì những vị ấy tùy theo ở vị trí nào, Ta nguyện sử dụng sức mạnh thần thông, sức mạnh trí tuệ để dìu dắt, khiến cho họ đều an trú ở trong Pháp Hoa”.

Đại nguyện Pháp Hoa là vậy, nên 5000 người tăng thượng mạn kia, khi Đức Phật sắp sửa nói Pháp Hoa họ tự bỏ ra về, Đức Phật không hề ngăn cản, mà lại nói họ ra về cũng tốt, vì trong đại chúng không còn hạt xép.

Tuy nói vậy, nhưng đối với 5000 người ấy, Ngài lại càng có trách nhiệm giáo hóa Pháp Hoa cho họ thành Phật, như Ngài đã dạy đại nguyện Pháp Hoa ở trong phẩm An Lạc Hạnh và như Ngài đã từng làm trong quá khứ qua hạnh và nguyện của Bồ Tát Thường Bất Khinh đối với 500 vị Bồ Tát, 500 vị Tỷ khưu ni và 500 vị Ưu bà di.

Còn các vị Bồ Tát Diệu Âm, Quán Thế Âm, Phổ Hiền xuất hiện ở trong kinh Pháp Hoa là tiêu biểu cho những Bồ Tát đã chứng nhập đời sống Pháp Hoa và yểm trợ hạnh nguyện Pháp Hoa cùng khắp mọi thời gian và không gian. Các thiện tri thức như Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, Tịnh Đức phu nhân ở phẩm Diệu Trang Nghiêm là để yểm trợ cho hạnh nguyện Pháp Hoa và ngay các thần chú có mặt trong kinh Pháp Hoa cũng chỉ vì yểm trợ hạnh nguyện Pháp Hoa, khiến cho tất cả những ai thực hành hạnh nguyện Pháp Hoa đều thành tựu pháp Nhất Thừa.

7. Hiệu quả

Tin và thực hành Pháp Hoa, đưa tới cho hành giả những hiệu quả tốt đẹp cực kỳ đặc biệt.

Như phẩm Phân Biệt Công Đức[28][28] nói: Chỉ cần nghe và tin Như Lai nói về đời sống vô tận của Ngài, mà đã có rất nhiều người đắc Vô sinh pháp nhãn. Đắc Vô sinh pháp nhãn là thể nhận được lý tính Không sinh khởi nơi vạn hữu.

Lại có vô số Đại Bồ Tát chứng đắc pháp môn “văn triển đà la ni”.

Pháp môn Văn triển đà la ni là pháp môn có khả năng nghe, hiểu, duy trì và nắm giữ những gì tốt đẹp của mọi thứ ngôn ngữ, khi đi qua thính giác của vị

thành tựu pháp môn này, và vị ấy có thể chia sẻ được những điều mình đã nghe, đã tin và hiểu ấy cho mọi người.

Lại có vô số Đại Bồ Tát chứng đắc pháp môn đặc “nhạo thuyết vô ngại biện tài”.

Đắc nhạo thuyết vô ngại biện tài là người đạt tới khả năng trình bày chánh pháp không bị trở ngại đối với mọi thành phần nghe. Và mọi thành phần nghe ấy, ai nghe cũng hiểu và ưa thích.

Lại có vô số Đại Bồ Tát đắc “bách thiên vạn ức vô lượng triền đà la ni”.

Những vị chứng đắc đà la ni này, là những vị có khả năng xoay chuyển vào sự tương quan của mọi pháp mà mình đã được nghe, nhớ một cách sâu rộng và bình đẳng. Lại có khả năng phá trừ phiền não, chuyển hóa sự phân biệt, làm cho hiểu biết được hăng sa Phật pháp.

Lại có vô số Đại Bồ Tát chuyển thanh tịnh pháp luân. Nghĩa là có khả năng chuyển vận bánh xe chánh pháp thanh tịnh.

Lại có vô số Đại Bồ Tát chỉ còn tám đời, bốn đời, hai đời hay một đời nữa là sẽ thành tựu địa vị giác ngộ hoàn toàn.

Tóm lại, thành quả do tin, hiểu và thực hành Pháp Hoa qua thọ trì, đọc tụng, diễn giảng tuyên thuyết rộng rãi đến mọi giới là không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Ở phẩm Tùy Hỷ Công Đức,[29][29] Đức Phật dạy: Ai nghe Pháp Hoa mà tùy hỷ, người ấy sẽ thành tựu phước báo tốt đẹp về sự đi lại. Và khi nghe kinh Pháp Hoa biết chia sẻ chỗ ngồi cho người khác cùng nghe, thì sẽ có phước báo lớn ở trong thế gian như sẽ ngồi vào vị trí của Luân Vương, Đế Thích hay Phạm Vương. Và nếu biết thông báo rộng rãi cho mọi người được nghe kinh Pháp Hoa, thì vị ấy có phước báo làm người ở chung với các vị Bồ Tát, và các căn của vị ấy hoàn chỉnh tốt đẹp, đầy đủ các phẩm chất cao quý của phước báo làm người.

Ở phẩm Pháp Sư Công Đức,[30][30] Đức Phật nói: Nếu có ai hành trì Pháp Hoa qua các hạnh như thọ trì, đọc tụng, diễn giảng, ghi chép thì người ấy sẽ thành tựu 800 công đức về mắt, 1200 công đức thuộc về tai, 800 công đức thuộc về mũi, 1200 công đức thuộc về lưỡi, 800 công đức thuộc về thân, 1200 công đức thuộc về ý.

Như vậy, công đức thanh tịnh của sáu căn là do pháp hạnh của Pháp Hoa dẫn sinh và thành tựu.

Ở phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự,[31][31] Đức Phật nói: Nếu có người nào nghe kinh Pháp Hoa, hoặc tự mình chép, hoặc bảo người khác chép, thì công đức của người ấy, chỉ có trí tuệ của Như Lai mới biết được là nhiều, ít hay vô hạn.

Và nếu ai chép kinh này rồi, đem các loại hoa hương cúng dường thì công đức vô lượng.

Cũng phẩm này, Đức Phật nói:

Nếu có người nào nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự này lại thọ trì, người ấy sau khi kết thúc thân nữ, không còn thọ thân nữ trở lại.

Và nếu sau khi Như Lai diệt độ, trong năm trăm năm sau, có người nữ nào nghe kinh Pháp Hoa, tu hành đúng như kinh dạy, đến lúc sinh mạng kết thúc, liền sanh về thế giới cực lạc của Phật A Di Đà, sinh ra trong hoa sen, an trú trên bảo tòa, được chúng Đại Bồ Tát vây quanh.

Bồ Tát Dược Vương là tiêu biểu cho vị Bồ Tát thực hành khổ hạnh của Pháp Hoa và là vị Bồ Tát đã đốt thân cúng dường, để chứng minh cho sự thành tựu hạnh ấy.

Bởi vậy, Đức Phật dạy: Nếu có ai nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự mà tùy hỷ và tán dương, người ấy trong đời hiện tại miệng thường phát ra hương thơm hoa sen xanh, lỗ chân lông toàn thân thường toát ra hương thơm chiên đàn ngưu đầu. Và công đức của người ấy như đã nói ở trên.

Tuy, Bồ Tát Dược Vương đã thực hành Pháp Hoa qua khổ hạnh, không những bản thân Ngài đạt thành quả Pháp Hoa, mà những người nghe công hạnh và thành quả ấy, mà tùy hỷ và tán dương, thì thành quả cũng không thể nghĩ bàn.

Nhưng, cũng có khi pháp hạnh của Pháp Hoa cực kỳ đơn giản mà thành quả thực không thể nghĩ bàn, như ở phẩm Phương Tiện nói:

“Hoặc có người lễ bái;

Hoặc chỉ là chấp tay

cho đến chỉ một tay;
Hoặc chỉ là cúi đầu
dùng tất cả cách ấy
để cúng dường tượng Phật
cứ như vậy từ từ
sẽ gặp vô lượng Phật.

Tự thành đạo Vô thượng
độ vô số chúng sanh
nhập vô dư Niết Bàn
như củi hết lửa tắt.

Hoặc người tâm tán loạn
vào trong chốn chùa tháp
chỉ xưng nam mô Phật
đều đã thành Phật đạo”. [32][32]

Như vậy, hiệu quả từ hạnh nguyện Pháp Hoa đem lại cho hành giả phước báo rất nhiều khía cạnh, ngay cả những khía cạnh vãng sanh về Tịnh độ của Phật A Di Đà, hay sanh lên cõi trời Đao Lợi hoặc Đâu Suất, nhưng hiệu quả thành Phật chính là hiệu quả mà Pháp Hoa muốn trình bày.

8. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ Đức Phật sử dụng để diễn tả “thực tướng” qua kinh Pháp Hoa gồm có hai loại:

- a. Ngôn ngữ siêu việt: Tức là ngôn ngữ của thiên định Vô lượng nghĩa xứ - ánh sáng phóng quang từ chặng giữa lông mày.
- b. Ngôn ngữ quy ước: Có chín loại, gồm:

*Tu đa la (sūtra): Hán gọi là khế kinh, tức là Đức Phật sử dụng ngôn ngữ theo thể loại văn xuôi làm phương tiện để diễn tả “thực tướng”.

*Già đà (gāthā): Hán gọi là phúng tụng, tức là Đức Phật sử dụng ngôn ngữ theo thể văn chính cú, bằng kệ tụng có tính độc lập làm phương tiện để diễn đạt “thực tướng”.

*Bổn sự (itivirttaka): Tức là Đức Phật sử dụng ngôn ngữ theo thể loại tường thuật, hồi ký làm phương tiện để diễn đạt “thực tướng”.

*Bổn sinh (Jataka): Tức là Đức Phật sử dụng ngôn ngữ theo loại kể chuyện làm phương tiện để diễn tả “thực tướng”.

*Vị tăng hữu (adbhuta): Tức là Đức Phật sử dụng ngôn ngữ theo thể loại đặc biệt, hiếm có, làm phương tiện để diễn tả “thực tướng”.

*Nhân duyên (nidāna): Tức là Đức Phật sử dụng ngôn ngữ theo thể loại trình bày, diễn đạt về nguyên cớ, về lý do làm phương tiện để diễn tả “thực tướng”.

*Thí dụ (aupamyā): Đức Phật đã sử dụng thể loại ngôn ngữ thí dụ làm phương tiện để diễn tả “thực tướng”.

*Kỳ dạ (geya): Hán dịch là ứng tụng, tức là Đức Phật đã sử dụng thể loại ngôn ngữ kệ tụng thích ứng làm phương tiện để diễn tả “thực tướng”.

*Ưu ba đề xá (upade'sa): Hán dịch là luận nghị, tức là Đức Phật sử dụng thể loại ngôn ngữ của luận lý làm phương tiện để diễn tả “thực tướng”. [33][33]

Ngoài chín thể loại ở trên, còn có ba thể loại nữa, gồm:

*Thọ ký hay gọi là ký biệt: Tiếng Phạn là Vyakarana. Loại văn dùng để thọ ký cho đệ tử thành Phật trong tương lai.

*Tự thuyết (udāna): Không ai hỏi, nhưng thấy đúng thời và đúng căn cơ Đức Phật tự nói.

*Phương quảng (vaipulya): Thể loại ngôn ngữ được sử dụng để diễn tả những đạo lý có tính cách uyên áo, vi mật.

Ba loại sau này không những không có trong bản Hán dịch của Ngài La Thập, cũng như bản của Xà Na Quật Đa mà cũng không thấy có trong bản Phạn văn hiện có.

Chín hay mười hai thể loại ngôn ngữ, mà Đức Phật dùng để diễn tả thực tại, là ngôn ngữ có tính cách quy ước của loài người, nên chúng chỉ là phương tiện mà không phải là cứu cánh.

Bởi vậy, dùng ngôn ngữ ấy để diễn tả thực tại, hay diễn tả cái thấy, cái biết của Phật thì thực tại, hay cái thấy, cái biết của Phật chẳng bao giờ có mặt một cách đích thực ở trong các thể loại ngôn ngữ diễn đạt ấy.

Ngôn ngữ để diễn tả thực tại toàn diện, thực tại giác ngộ của Phật, không phải là ngôn ngữ ý niệm, mà chính là ngôn ngữ của thiền định và tuệ giác.

Ngay ở phẩm Tựa của kinh Pháp Hoa, đã chỉ ra cho ta thấy ngay, ngôn ngữ diễn tả toàn diện, hay thực tại giác ngộ của Phật là ngôn ngữ không ngôn ngữ.

Ngôn ngữ không ngôn ngữ là ngôn ngữ diễn tả thực tại, hay ngôn ngữ của Pháp Hoa.

Ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ của ánh sáng thiền định. Nó được phóng ra từ thiền định Vô lượng nghĩa xứ, ở giữa chặng mây của Phật, nhằm diễn tả thực tại không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Nó không bị sinh diệt cũng như những nhận thức của con người chi phối.

Ngôn ngữ diễn tả thực tại chứng nghiệm bởi Pháp Hoa qua ánh sáng của thiền định ấy của Đức Phật, chỉ có Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trực cảm.

Và như vậy, Đức Phật Thích Ca ngay nơi Linh Sơn, Ngài đã thuyết kinh Pháp Hoa cho đại chúng bằng ngôn ngữ ấy một cách đầy đủ và toàn vẹn.

Nhưng, trong đại chúng chỉ có Bồ Tát Văn Thù nghe được ngôn ngữ ấy, và khi Bồ Tát Di Lặc hỏi Bồ Tát Văn Thù về hiện tượng phóng quang của Đức Phật trong lúc nhập định ấy và Ngài Văn Thù đã nói về những gì cho Bồ Tát Di Lặc và đại chúng nghe về ánh sáng của thiền định mà Đức Phật đã phóng ra, thì cũng kể từ đó, ngôn ngữ siêu việt của thiền định Pháp Hoa chuyển dịch qua ngôn ngữ quy ước của con người, làm phương tiện giúp con người trực cảm thực tại.

Ngôn ngữ là phương tiện của Pháp Hoa giúp con người trực cảm thực tại, nó không còn đơn thuần là âm thanh, là chữ viết mà ngay nơi mọi biểu tượng, và dù biểu tượng ấy là đưa lên một cành hoa, hay nở một nụ cười, hoặc chấp tay, cúi đầu hay chỉ là đưa ngón tay vẽ hình tượng Phật trên cát,...

Tất cả những loại ngôn ngữ như vậy đều là ngôn ngữ của Pháp Hoa, sử dụng để diễn tả hay hiển thị thực tại, khiến cho những ai đương cơ đều có thể chứng nhập thực tướng tịch diệt của vạn hữu một cách toàn diện.

Ấy là ngôn ngữ đặc biệt và độc đáo của Pháp Hoa.

9. Thí dụ

Một trong những đặc điểm độc đáo và hấp dẫn của Pháp hoa là dùng ví dụ để diễn tả thực tại, khiến cho người nghe lãnh hội và chứng nhập một cách dễ dàng.

Ví dụ ba cõi là nhà lửa và ngoài nhà lửa có ba xe, và khi thoát khỏi nhà lửa của ba cõi rồi thì chỉ cho một chiếc xe quý nhất, giá trị cao nhất, đây là ví dụ hết sức sống động và độc đáo của Pháp Hoa.

Chính ví dụ này, làm cho đối tượng đương cơ của Thanh Văn trực cảm được mục đích ra đời và giáo hóa của Phật chỉ là giáo pháp Nhất Thừa và giáo pháp ở trong Tam Thừa là phương tiện.

Lại ví dụ Trưởng giả và cùng tử ở phàm Tín Giải cũng hết sức sâu xa và độc đáo.

Sâu xa và độc đáo là vì vốn sinh trưởng trong dòng dõi giàu có, quý tộc, nhưng do ham chơi lâu ngày quên mất gốc rễ, nên trở thành kẻ khốn khổ, đi làm thuê mướn bần cùng. Nhờ người cha thông minh, nên đã biết sử dụng mọi phương tiện để gần gũi và vỗ về con, sau đó đưa con trở về và trao cho hết cả gia tài và dạy dỗ cho cách sử dụng.

Cũng vậy, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát vốn sinh ra từ Phật Thừa, nhưng ham vui theo niềm vui nhỏ nhoi có được của Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát mà quên mất Phật Thừa. Vì vậy mà họ chỉ có những niềm vui rất hạn hữu, hẹp hòi, không có được niềm vui lớn lao như Phật.

Do đó, Phật rất thương, tìm đủ mọi phương tiện để gần gũi, dìu dắt, tạo điều kiện quay trở về với Phật Thừa.

Sâu xa là vậy, mà độc đáo là vì chính quý vị theo Thanh Văn, khi nghe Phật nói thí dụ “nhà lửa và ba xe” ở phẩm Thí Dụ, thì họ nhận ra giáo lý Nhất Thừa mới là cứu cánh của Phật muốn chia sẻ cho đệ tử, mà họ đã tự ví mình là cùng tử và vị trưởng giả giàu có biết sử dụng mọi phương tiện để đưa con trở về giao hết gia tài, là chỉ cho Đức Phật.

Sâu xa và độc đáo hơn nữa, hễ bất cứ ai, bất cứ hạng loại và trình độ tu học cỡ nào, mà quên mất Phật tính, thì đều trở thành kẻ lạc đường và lạc hậu cả.

Lại ví dụ “hóa thành” và “bảo sở”, ở phẩm Hóa Thành Dụ là nói lên khả năng phương tiện thiện xảo của Phật, của Bạc Đạo Sư với sự diu dắt và nhiếp hóa chúng sanh.

Lại thí dụ “dược thảo”, ở phẩm Dược Thảo Dụ, lại dụ cho tâm từ bi bình đẳng giáo hóa của Phật, và Phật tính vốn bình đẳng ở nơi tất cả mọi người.

Thí dụ “hạt ngọc trong chéo áo” ở trong phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký, là dụ cho sự tu tập mà quên mất Bồ đề tâm, quên mất đại nguyện, thì bản cùng khôn khổ. Nhớ lại Bồ đề tâm và đại nguyện đã từng phát khởi thì không còn nghèo nàn.

Cũng vậy, người tu tập Bồ Tát Đạo, thì phải có đức tin và hạnh nguyện của Bồ Tát để đào sâu vào Phật tri kiến. Và vị Pháp sư Pháp Hoa là vị tinh cần đào xới để có Phật tri kiến và chắc chắn là có, vì đã đến gần.

Thí dụ “kế châu” - hạt minh châu trong búi tóc của vua, ở phẩm An Lạc Hạnh, là dụ cho Nhất Thừa nằm trong Tam Thừa; thật pháp nằm trong quyền pháp, thật trí có mặt ở trong quyền trí và cứu cánh có mặt ngay ở trong phương tiện. Phật là Đấng Pháp Vương hiển thị Phật tính, thật trí hay thật pháp cho những vị phát khởi đại nguyện hành trì và hoằng truyền Pháp Hoa.

Và thí dụ “lượng y” - là vị y sĩ giỏi, ở trong phẩm Như Lai Thọ Lượng, thí dụ này nói rằng, vị lương y vì muốn trị bệnh cho các con mà phải mượn cơ đi sang nước khác, để các con tự nghĩ côi cút, không nơi nương nhờ mà tâm sinh tỉnh ngộ.

Cũng vậy, Phật không có Niết Bàn, báo thân của Ngài đã thành Phật từ vô lượng kiếp vẫn còn đó, nhưng Ngài phương tiện nói nhập Niết Bàn là để trị bệnh lười biếng tu học của hàng đệ tử và để dạy cho chúng sanh thấy rằng, Phật khó gặp để họ phát tâm ngưỡng mộ mà tu tập.

Do đó, những ví dụ của kinh Pháp Hoa thật sâu thẳm và độc đáo; đặc biệt và sống động.

10. Giới định và tuệ

*Căn bản của Giới học Pháp Hoa là phát khởi Bồ đề đại nguyện. Nên Bồ Tát khác với Thanh Văn là Bồ đề đại nguyện. Nếu không phát khởi đại nguyện, thì dù có tu tịnh hạnh đến mấy cũng không phải là Bồ Tát.

Và nếu đã phát khởi Bồ đề đại nguyện mà quên mất, thì không còn là Bồ Tát.

Tu tập mà không phát khởi đại nguyện Bồ đề, thì tu mấy cũng không thành Phật, tu mấy đi nữa cũng là hạn hẹp. Và tu tập mà quên mất đại nguyện Bồ đề, thì cũng giống như kẻ “quên mất hạt châu trong ché áo”, nên trở thành kẻ nghèo nàn, chỉ làm thuê mướn để kiếm đôi chút lợi nhuận vui sống qua ngày.

Phẩm Pháp Sư của kinh Pháp Hoa là thiết lập căn bản đại nguyện Bồ đề.

Phẩm Hiện Bảo Tháp là chứng minh cho sự thiết lập căn bản đại nguyện ấy.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa là nhớ lại đại nguyện Bồ đề và khuyến khích phát khởi đại nguyện.

Phẩm Khuyến Trì là khuyến khích phát khởi đại nguyện và duy trì đại nguyện Bồ đề ấy.

Phẩm An Lạc Hạnh là thực hiện đời sống của đại nguyện Bồ đề là đời sống Pháp Hoa.

Phẩm Tòng Địa Động Xuất và phẩm Như Lai Thọ Lượng là nói rõ đời sống rộng lớn, siêu việt thời gian và không gian của đại nguyện Bồ đề.

Phẩm Phân Biệt Công Đức, phẩm Tùy Hỷ Công Đức, phẩm Pháp Sư Công Đức, phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh là nói rõ đức tin và thành quả của đại nguyện Bồ đề.

Phẩm Chúc Lụy là ký thác đại nguyện Bồ đề, khiến đại nguyện ấy còn mãi.

Phẩm Như Lai Thần Lực là yểm trợ triệt để cho đại nguyện Bồ đề.

Và các phẩm còn lại là các Đại Bồ Tát tiếp tục thực hành đại nguyện Bồ đề và yểm trợ đại nguyện ấy.

Như vậy, ta thấy Giới học Pháp Hoa là phát khởi đại nguyện Bồ đề và thường xuyên thực hành đại nguyện ấy cho đến thành tựu Vô thượng bồ đề.

Thành tựu Vô thượng bồ đề đại nguyện là thành tựu Thanh tịnh pháp thân, thành tựu Viên mãn báo thân và thành tựu Thiên bách ức hóa thân.

Do đó, thành tựu đại nguyện Bồ đề hay thành tựu Giới học Pháp Hoa là thành tựu Pháp thân thanh tịnh của Phật. Pháp thân ấy có mặt cùng khắp pháp giới.

Thành tựu Giới học Pháp Hoa là thành tựu Báo thân thường trú và viên mãn vô lượng phước đức và trí tuệ của Phật. Thân ấy không bị sinh diệt chi phối. Thân ấy hiện hữu vô lượng thời gian.

Và thành tựu Giới học Pháp Hoa là thành tựu Thiên bách ức hóa thân của Phật. Thân ấy ngay nơi Báo thân của Phật, cùng một lúc mà biến thể cùng khắp để hoằng truyền Pháp Hoa đến mọi phương sở, mọi chủng loại đúng như đại nguyện Bồ đề.

Do đó, Giới học Pháp Hoa làm cho Giới học Thanh Văn, Giới học Duyên Giác, Giới học Bồ Tát đều trở thành Giới học viên mãn đại nguyện Bồ đề.

Nên, Giới học Pháp Hoa cực kỳ độc đáo, đặc biệt, rộng lớn và sâu xa.

*Định học Pháp Hoa thiết lập trên nền tảng của đại nguyện Bồ đề và từ bi mà phẩm chất của người tu học và hoằng truyền kinh Pháp Hoa cần phải có.

Và từ thiết lập ấy mà Định học và Tuệ học Pháp Hoa dẫn sinh.

Ở phẩm Pháp Sư, Đức Phật nói với Bồ Tát Dược Vương rằng: “Người nào muốn giảng kinh Pháp Hoa, sau khi Như Lai diệt độ, người ấy phải vào nhà Như Lai, phải mặc áo của Như Lai và phải ngồi tòa của Như Lai.

Nhà của Như Lai chính là tâm đại bi đối với hết thảy chúng sanh. Áo của Như Lai là đức tính nhu hòa nhẫn nhục và tòa của Như Lai là nguyên lý Không của hết thảy pháp”. [34][34]

Như vậy, tâm đại bi là Giới học Pháp Hoa. Đức tính nhu hòa nhẫn nhục là Định học Pháp Hoa và nguyên lý Không của hết thấy pháp là Tuệ học Pháp Hoa.

Pháp Hoa đã thiết lập Giới học từ tâm đại bi. Và từ tâm đại bi mà thiết lập Định học và từ Định học ấy mà thiết lập Tuệ học Pháp Hoa.

Phẩm An Lạc Hạnh, Đức Phật nói với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Định học Pháp Hoa cần có hai mặt là ‘thân cận xứ’ và ‘thân cận quán’:

-Thân cận xứ: Vị thực tập Định học Pháp Hoa thường ưa ngồi thiền, ưa sống ở nơi nhàn tịnh và thường ưa nhiếp phục tâm ý.

-Thân cận quán: Vị ấy thường quán nguyên lý Không của hết thấy pháp, quán chiếu tướng như thực của các pháp.

“Tướng ấy, không điên đảo, không chuyển động, không thối lui, không tiếp diễn, không sở hữu, không ngôn ngữ diễn đạt, không khởi sinh, không xuất hiện, không trôi dạt, không tên gọi, không tướng trạng, không số lượng, không biên giới, không đối ngại, không ngăn cách.

Chúng chỉ do nhân duyên mà có và từ nhận thức sai lầm mà phát sinh”.[35][35]

Và thân cận quán này, Đức Phật đã nói với Bồ Tát Vô Tận Ý trong phẩm Phổ Môn qua bài kệ như sau:

“Chân quán, thanh tịnh quán

Quảng đại trí tuệ quán,

Bi quán cập từ quán

Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng”.[36][36]

Nghĩa là:

“Quán chiếu đúng sự thật

Quán chiếu thật thanh tịnh

Quán chiếu trí tuệ lớn

Quán chiếu bằng đại bi

Quán chiếu bằng đại từ

Thường ước nguyện tu tập

Thường chiêm nghiệm, ngưỡng mộ”.

-Quán chiếu đúng sự thật là nhìn sâu vào mọi đối tượng để thấy rõ tự tính Chân như nơi mọi đối tượng ấy.

-Quán chiếu thật thanh tịnh là sự quán chiếu trong suốt, không bị mọi ý tưởng về ngã chấp làm ngăn ngại.

-Quán chiếu trí tuệ lớn là sự quán chiếu không bị các ý tưởng về pháp chấp làm trở ngại.

-Quán chiếu bằng đại bi là sự quán chiếu cứu độ chúng sanh bằng bản nguyện đại bi rộng lớn, toàn diện và cùng khắp.

-Quán chiếu bằng đại từ là sự quán chiếu thương yêu chúng sanh bằng bản nguyện đại từ rộng lớn, toàn diện và cùng khắp.

Trong năm pháp thiền quán này, ba pháp quán đầu là Định học Pháp Hoa và hai pháp quán sau là Giới học Pháp Hoa.

Và như vậy, Giới học Pháp Hoa và Định học Pháp Hoa không thể tách rời nhau mà chúng luôn luôn có mặt trong nhau để hỗ trợ nhau, khiến từ đó mà Định học Pháp Hoa phát triển rộng lớn, cùng khắp, toàn diện và viên mãn.

Và thiền định Pháp Hoa chính là “vô lượng nghĩa xứ tam muội = Anantanirde’sa pratisthāna samādhi”.

Xứ, tiếng Phạn là pratisthāna, nó là điểm hay lãnh vực của tâm an trú.

Điểm ấy, chính là “thực tướng” của vạn hữu.

Vô lượng nghĩa, tiếng Phạn là Anantanirde’sa. Nội dung của vô lượng nghĩa là mười như thị.

Như vậy, Định Pháp Hoa là Định Vô lượng nghĩa. Nhập định này là tâm luôn luôn an trú ở trong thực tướng của vạn hữu và đồng nhất với thực tướng ấy. Nghĩa là tâm luôn luôn an trú và đồng nhất với Mười như thị.

Nên, thiền định Pháp Hoa là thiền định của Phật. Thiền định ấy, cực kỳ sâu thẳm, toàn diện và cùng khắp.

Do đó, không có bất cứ loại thiền định nào có thể so sánh.

*Tuệ học Pháp Hoa được thiết lập trên nền tảng của Định học Pháp Hoa. Nghĩa là từ nơi sự quán chiếu nguyên lý Không của tất cả các pháp mà dẫn sinh tuệ học toàn diện.

Toàn diện đối với tâm, toàn diện đối với trí và toàn diện đối với phương tiện lực.

Đối với tâm, Tuệ học Pháp Hoa quét sạch mọi phiền não do chấp ngã và pháp, không những đưa tâm trở về với tự tánh thanh tịnh, mà còn làm cho tâm sinh khởi đại bi, phát khởi đại nguyện để cứu độ hết thảy chúng sanh.

Như ở phẩm Pháp Sư, Đức Phật nói với Bồ Tát Dược Vương rằng:

“Này Dược Vương! Nên biết người ấy, sau khi Như Lai diệt độ, tự họ buông bỏ quả báo thanh tịnh là do vì lòng thương xót chúng sanh, mà sinh ra trong thời đại xấu ác, để diễn giảng kinh Pháp Hoa này một cách rộng rãi”.^{[37][37]}

Đối với trí, Tuệ học Pháp Hoa chính là Thật trí. Thật trí ấy, là trí thấy rõ sự thật toàn diện ở nơi mỗi pháp. Nghĩa là, Tuệ giác thấy rõ Mười như thị ngay ở nơi mỗi một pháp.

Nên, ở phẩm Phương Tiện, Đức Phật nói với Tôn giả Xá Lợi Phất như sau: “Pháp được Như Lai thành tựu hiếm có bậc nhất, rất khó hiểu, chỉ có Như Lai cùng với các Như Lai mới có năng lực xét thấu đến chỗ tốt cùng thật tướng của các pháp”.

Thật tướng của các pháp ấy là: Tướng như vậy, Tánh như vậy, Thể như vậy, Lực như vậy, Tác như vậy, Nhân như vậy, Duyên như vậy, Quả như vậy, Báo như vậy, hết thảy gốc rễ và ngọn ngành tuyệt đối bình đẳng như vậy”.^{[38][38]}

Và từ Tuệ giác hoàn toàn này mà sinh khởi Phương tiện trí, để thiết lập Tam Thừa, giáo hóa, diu dắt hết thảy mọi căn cơ, nhằm đưa họ đến với Nhất Thừa Phật đạo.

Điều này, Đức Phật nói với Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Này Xá Lợi Phất! Ta từ khi thành Phật cho đến ngày nay, đã dùng các loại nhân duyên, các loại thí dụ, trình bày giáo pháp rộng rãi bằng ngôn ngữ, sử dụng vô số phương tiện để dẫn đạo chúng sanh, khiến họ xa lìa mọi vướng mắc.

Vì sao làm được như vậy? Vì Như Lai đều có đầy đủ sự thấy biết và phương tiện toàn vẹn...”[39][39]

Như vậy, Tuệ học Pháp Hoa là Tuệ học thấy rõ thực tướng toàn diện của mỗi pháp bằng Mười như thị. Và từ sự thấy biết ấy, mà thiết lập giáo pháp Tam Thừa, để hoạt dụng và đưa các Thánh tăng Tam Thừa hội nhập Nhất Thừa.

Nên, Tuệ học Pháp Hoa cực kỳ thâm viển và đặc biệt.

Nói tóm lại, Giới - Định - Tuệ Pháp Hoa là Giới - Định - Tuệ của bản nguyện Đại bi và Đại trí, nên chính nó là phương tiện để độ đời, nhưng cũng chính nó là cứu cánh, là đích điểm đồng quy của mọi phương tiện, nghĩa là ngay nơi phương tiện mà hiển thị cứu cánh.

11. Nguyên ủy của Pháp Hoa

Nguyên ủy kinh Pháp Hoa, theo Ngài Văn Thù Sư Lợi nói ở phẩm Tựa là có từ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cách đây trải qua vô số thời kỳ.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi đã từng nghe Pháp Hoa từ Đức Phật ấy và đã từng giảng dạy, hướng dẫn tu học Pháp Hoa cho 800 đồ chúng, mà trong đó có Bồ Tát Di Lặc hiện nay.

Ở phẩm Hóa Thành Dụ, Đức Phật Thích Ca nói, cách đây với thời gian “tam thiên trền điểm kiếp”, có Đức Phật ra đời tên là Đại Thông Trí Thắng, thế giới tên là Hảo Thành, kiếp tên là Đại Tướng, đã giảng dạy kinh Pháp Hoa, với nội dung Tam Thừa là phương tiện và Nhất Thừa là chân thật. Niết Bàn của A La Hán là tạm thiết lập, Niết Bàn của Phật mới là chân thật tuyệt đối.

Bấy giờ Đức Phật Thích Ca là một trong mười sáu Vương tử, phát nguyện xuất gia làm Sa di Bồ tát, đệ tử của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, đã từng

thọ học Pháp Hoa với Đức Phật này, cũng đã từng giảng dạy, hướng dẫn vô số đệ tử tu học kinh Pháp Hoa.

Và nhiều vị Thanh Văn và Bồ Tát đã từng học Pháp Hoa với Sa di Bồ tát Thích Ca ngày ấy, hiện nay vẫn đang có mặt ở trong hội Pháp Hoa tại đỉnh Linh Sơn này.

Như vậy, nguyên ủy kinh Pháp Hoa là nguyên ủy của giáo pháp Nhất Thừa đã có từ Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, theo sự trải nghiệm của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi và có từ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã trải qua tam thiên trần điểm kiếp được nói lại từ tuệ giác của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Và ở trong phẩm Phương Tiện, Đức Phật nói với Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Pháp Nhất Thừa chỉ có các Đẳng Như Lai giác ngộ mới chứng biết. Và chư Phật xuất thế cũng để khai mở cái thấy biết của Phật ấy cho chúng sanh, để cho họ ngộ nhập đó là mục đích duy nhất.

Và chư Phật ba đời chỉ giáo hóa cho chúng sanh làm Bồ Tát, và sau đó là trao cho họ pháp Nhất Thừa để làm Phật, mà không có trao thừa nào khác.

Chư Phật ba đời và mười phương có mặt trong thế gian cũng chỉ làm một việc đó thôi.

Nên, nay Như Lai cũng vậy”.

Do đó, lịch sử Pháp Hoa là lịch sử truyền thừa của chư Phật.

Lịch sử ấy đã có từ chư Phật với trải qua với vô lượng thời gian trong quá khứ, nó đang tiếp diễn ở hiện tại và sẽ tiếp diễn vô tận ở tương lai.

Đó là một trong những điểm độc đáo, không phải là nguyên ủy mà còn là lịch sử truyền thừa của Pháp Hoa là vô tận. Vô tận trong quá khứ và vô tận trong vị lai.

Tại sao? Tại vì hễ có tâm là có Phật, và có tâm là có chúng sanh. Tâm đã vô cùng, thì Phật cũng vô tận. Và Phật vô tận là để giáo hóa vô tận chúng sanh, khiến họ nhận ra được Phật tính ở nơi chính họ mà ngộ nhập.

Nên, việc Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với Bồ Tát Di Lặc ở phẩm Tựa về nguyên ủy Pháp Hoa, hay Đức Phật Thích Ca nói với Tôn giả Xá Lợi Phất về nguyên ủy Pháp Hoa ở phẩm Hóa Thành Dụ, cũng chỉ là nói theo ngôn

ngữ ước lệ, xảo diệu, chứ không nói theo ngôn ngữ diễn tả “thực tướng về nguyên ủy”.

Hai ví dụ “tam thiên trần điểm kiếp” ở phẩm Hóa Thành và “vô số tam thiên trần điểm kiếp” ở phẩm Như Lai Thọ Lượng, đã cho ta thấy, nguyên ủy kinh Pháp Hoa hay nguyên ủy thành Phật của Phật Thích Ca là một nguyên ủy vượt thoát hẳn mọi ngôn ngữ ý niệm của con người.

Đó là điểm hết sức sâu thẳm, vi diệu và độc đáo, khi Đức Phật nói cho Tôn giả Xá Lợi Phất và thính chúng đương cơ Thanh Văn về nguyên ủy tu học Pháp Hoa của Ngài khi còn là chú Sa di Bồ tát.

--- o0o ---

Chương III: Chủ Yếu, Bố Cục Và Nội Dung

Chủ yếu, bố cục và nội dung kinh Pháp Hoa, có rất nhiều nhà Phật học Pháp Hoa đã phân tích và toát yếu.

Tuy nhiên, ở đây tôi xin giới thiệu tổng quát như sau:

1. Giáo lý chủ yếu

Kinh Pháp Hoa có ba chủ ý chính:

1.1 Tuyên bố hết thảy chúng sanh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật, dù chúng sanh đó phạm vào các tội cực ác, nhưng Phật tính cũng không mất, hễ có điều kiện thì họ cũng sẽ thành Phật như thường.

1.2 Tuyên bố pháp Nhất Thừa là con đường duy nhất để thành tựu Phật quả. Và chư Phật xuất thế là chỉ vì mục đích này, ngoài mục đích này không có mục đích nào khác.

1.3 Tuyên bố pháp Tam Thừa là phương tiện cho bước đầu giáo hóa. Phật thừa mới là chủ đích hoằng pháp của Phật.

2. Bố cục

Hiện ở Đại Chính Tân Tu, ta có ba bản dịch Pháp Hoa:

2.1 Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, do Ngài La Thập dịch, gồm có 28 phẩm, 7 cuốn.

Nhưng, nguyên bản dịch của Ngài La Thập 406 T.L, chỉ có 27 phẩm.

Năm 475 T.L, Pháp Hiển du hành Ấn Độ, đến Khotan, ông tìm thấy phẩm Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) bằng Phạn văn và ông đem bản Phạn văn này về nhờ Pháp Ý người Ấn phiên dịch sang Hán, và sau đó bổ sung vào bản Pháp Hoa nguyên dịch của Ngài La Thập, khiến bản dịch này có đủ 28 phẩm như hiện nay.

Lại nữa, ở phẩm Phổ Môn, bản dịch của Ngài La Thập do thế hệ sau bổ sung phần thi kệ.

Và như vậy, Pháp Hoa 28 phẩm, được những thế hệ sau bổ sung đầy đủ được xem là định bản và phần nhiều các nhà Phật học Pháp Hoa căn cứ vào định bản này để chú giải và phổ biến.

2.2 Chánh Pháp Hoa kinh, do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch, 286 T.L, gồm có 10 cuốn, 27 phẩm. Trong đó không có phẩm Đề Bà Đạt Đa và cũng không có phần thi kệ của phẩm Phổ Môn.

2.3 Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, do Ngài Xà Na Quật Đa và Cấp Đa dịch, 601 T.L, gồm có 7 cuốn, 27 phẩm.

Trong đó, không có phẩm Đề Bà Đạt Đa, nhưng phẩm Phổ Môn có phần kệ tụng.

Lại nói thêm, Phạn văn bằng Devanagari hiện có ở Buddhist Sanskrit Texts No 6, cũng không có phẩm Đề Bà Đạt Đa, nhưng phẩm Phổ Môn có phần thi kệ và chỉ có 27 phẩm.

Ngài Trí Khải (538-597) -Tổ sư Thiên Thai Tông Trung Hoa, đã căn cứ Pháp Hoa 28 phẩm của Ngài La Thập để chia bố cục kinh Pháp Hoa có hai phần: tích môn và bản môn.

*Tích môn là khía cạnh, dấu tích, khía cạnh lịch sử.

Mười bốn phẩm đầu nói về tích môn hay nói về mặt lịch sử.

Bố cục trong phần Tích môn lại có ba:

*Tự phân: phẩm Tựa.

*Chánh tông phần: Từ phẩm Phương Tiện đến một phần hai phẩm Pháp Sư.

*Lưu thông phần: Từ nửa phẩm Pháp Sư còn lại đến phẩm An Lạc, tức là phẩm thứ 14.

*Phần Tích môn, phẩm Phương Tiện là chủ yếu.

*Bản môn là khía cạnh bản thể, khía cạnh siêu lịch sử:

Mười bốn phẩm sau nói về bản môn.

Mười bốn phẩm sau là nói về báo thân viên mãn của Phật Thích Ca.

Bố cục bản môn cũng có ba phần:

*Tự phần: Nửa phần đầu của phẩm Tùng Địa Động Xuất là tựa phần thuộc bản môn.

*Chánh tông phần: Từ nửa phần sau của phẩm Tùng Địa Động Xuất đến nửa phần đầu của phẩm Phân Biệt Công Đức là chánh phần thuộc bản môn.

*Lưu thông phần: Từ nửa phần sau của phẩm Phân Biệt Công Đức cho đến phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát là phần nói về công đức lưu thông.

Phẩm Như Lai Thân Lực và phẩm Chúc Lụy là nói về Pháp lưu thông.

Các phẩm còn lại là nói về hạnh nguyện lưu thông.

Trong bản môn, phẩm Như Lai Thọ Lượng là chủ yếu.

Ngoài hai bố cục ấy, có vị đề nghị thêm phần hạnh môn Pháp Hoa.1 Nghĩa là bố cục kinh Pháp Hoa có ba phần gồm: tích môn, bản môn và hạnh môn.

Ngoài những phân chia bố cục kinh Pháp Hoa ở trên. Tôi xin đóng góp thêm cho sự phân chia bố cục này như sau:

* Phẩm Tựa là phần giới thiệu tổng quát về giáo, hạnh, nguyện, quả và đại nguyện của kinh Pháp Hoa.

* Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm An Lạc Hạnh, là nói về giáo và hạnh của Pháp Hoa.

Giáo Pháp Hoa là từ phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký.

Hạnh Pháp Hoa là từ phẩm Pháp Sư đến phẩm An Lạc Hạnh.

* Từ phẩm Tùng Địa Đồng Xuất đến phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát là nguyện và quả Pháp Hoa.

- Nguyện Pháp Hoa là phẩm Tùng Địa Đồng Xuất.

- Quả Pháp Hoa là từ phẩm Như Lai Thọ Lượng đến phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát.

* Những phẩm còn lại là nói về Đại nguyện Pháp Hoa. Nghĩa là nguyện yểm trợ và hoằng truyền kinh Pháp Hoa trong mọi thời gian, trong mọi không gian và trong mọi hình thức.

3. Nội dung

Kinh Pháp Hoa bản dịch của Ngài La Thập có 28 phẩm, ý chính của mỗi phẩm xin tóm lược như sau:

Phẩm Tựa

Giới thiệu tổng quát về giáo, hạnh, nguyện, quả và đại nguyện của kinh Pháp Hoa.

Đức Phật đã giới thiệu trực tiếp kinh Pháp Hoa cho hội chúng tại đỉnh Linh Sơn bằng ánh sáng của thiền định.

Sau đó, Ngài Di Lặc phát khởi nhận thức bằng ngôn ngữ quy ước của con người. Và Ngài Văn Thù Sư Lợi đã giới thiệu tổng quát Pháp Hoa cho hội chúng bằng ngôn ngữ trải nghiệm của chính mình.

Phẩm Phương Tiện

Đức Phật Thích Ca chính thức nói kinh Pháp Hoa, có bốn điểm chủ yếu như sau:

a. Đức Phật Thích Ca khẳng định sự có mặt của chư Phật trong cuộc đời là chỉ làm một việc duy nhất là: “Vì muốn khai mở sự hiểu biết của Phật cho chúng sanh, khiến cho họ thành tựu sự thanh tịnh mà có mặt trong đời; vì

muốn chỉ bày sự hiểu biết của Phật cho chúng sanh mà hiện ra trong đời; vì muốn chúng sanh chứng ngộ sự hiểu biết của Phật mà hiện ra trong đời và vì muốn chúng sanh thể nhập con đường hiểu biết của Phật mà hiện ra trong đời”.

b. Đức Phật nói với Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Chỉ có một việc thường làm của các Đức Như Lai là giáo hóa Bồ Tát; và chỉ sử dụng sự thấy biết của Phật để chỉ bày cho chúng sanh giác ngộ mà thôi; và cũng chỉ có sử dụng duy nhất Phật Thừa để thuyết pháp cho chúng sanh, nên ngoài Phật Thừa không có một Thừa nào khác. Chư Phật mười phương cũng đều là như vậy”.

c. Đức Phật lại nói với Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Nếu ai là đệ tử của Như Lai, tự cho mình là A La Hán, là Độc Giác mà không nghe, không biết rằng, các Đức Như Lai, Đấng Giác Ngộ chỉ có một việc là giáo hóa Bồ Tát, thì những vị ấy không phải là A La Hán, không phải là Độc Giác, không phải là đệ tử của Đức Như Lai”.

d. Đức Phật nói với Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Pháp của Như Lai thành tựu, pháp ấy khó hiểu và hiếm có bậc nhất, chỉ có Như Lai và Như Lai mới có khả năng thấu triệt thực tướng của các pháp. Nghĩa là tướng các pháp là như vậy; tính là như vậy; thể là như vậy; năng lực là như vậy; tác dụng là như vậy; nhân là như vậy; duyên là như vậy; quả là như vậy; báo là như vậy; gốc rễ ngọn ngành tuyệt đối bình đẳng là như vậy”.²

Bốn điểm này là chủ yếu của phẩm Phương Tiện mà cũng là chủ yếu của kinh Pháp Hoa.

Nên, khi Đức Phật nói xong bốn điểm này là Ngài đã nói xong kinh Pháp Hoa cho những đối tượng đương cơ.

Những phẩm tiếp theo là diễn giảng rộng rãi mà không phải là then chốt.

Phẩm Thí Dụ

Phẩm này có ba điểm chủ yếu như sau:

a. Nói về sự tin hiểu của Tôn giả Xá Lợi Phất với pháp Nhất Thừa.

Tôn giả Xá Lợi Phất đã phát biểu sự tin hiểu đối với pháp Nhất Thừa qua hai ý như sau:

***Ý thứ nhất:**

Tôn giả Xá Lợi Phất đã bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Con từ trước đến nay, suốt từ ngày liền đêm luôn luôn tự khắc trách. Nhưng hôm nay, từ Đức Thế Tôn con lại được nghe giáo pháp mà trước đó chưa từng nghe và chưa từng có, mọi nghi ngờ trong lòng con giờ đây dứt sạch, thân tâm được thư thái ổn định.

Ngày nay, con mới biết mình là Phật tử chân thật, sinh ra từ giáo huấn của Ngài, hóa sanh từ chánh pháp của Ngài và được dự phần vào chánh pháp của Phật”.³

***Ý thứ hai:**

Tôn giả bạch với Đức Thế Tôn trong bài kệ tụng như sau:

“Con quyết định làm Phật

Được trời, người cung kính

Chuyên pháp luân vô thượng

Giáo hóa các Bồ Tát”.⁴

Phát biểu hai ý này, chúng tỏ Tôn giả Xá Lợi Phất đã lãnh hội được pháp Nhất Thừa mà Đức Phật đã dạy trực tiếp cho Tôn giả ở phẩm Phương Tiện.

b. Do lãnh hội được pháp Nhất Thừa, nên Tôn giả đã được Đức Phật thọ ký thành Phật trong tương lai.

Và trước khi thọ ký, Đức Phật đã nhắc lại bản nguyện bồ đề của Tôn giả vốn đã từng phát nguyện và đã tu học dưới sự dìu dắt của Ngài từ vô lượng kiếp trước.

Sau khi Đức Phật đã nhắc cho Tôn giả Xá Lợi Phất nhớ lại bản nguyện Bồ Tát của mình và liền thọ ký cho Tôn giả thành Phật trong tương lai.

Việc Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Xá Lợi Phất, là chủ ý chính của phẩm này.

c. Đức Phật tiếp tục hiển thị giáo lý Nhất Thừa qua thí dụ nhà lửa và ba xe cho các vị Đại A La Hán như Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Tu Bồ Đề

và Ca Chiên Diên cũng như nhiều vị Thanh Văn A La Hán khác trong hội chúng.

Đây chỉ phần minh họa.

Phẩm Tín Giải

Chủ yếu của phẩm này là nói hàng Thanh Văn tin và hiểu pháp Nhất Thừa của Đức Phật dạy qua pháp dụ nhà lửa và ba xe.

Do đó, họ nhận ra Tam Thừa là phương tiện và những gì họ chứng đắc bấy lâu nay đều là do Phật phương tiện để dạy pháp Nhất Thừa, khiến họ phải đạt tới Niết Bàn của Phật.

Họ rất cảm kính ơn đức giáo hóa của Phật.

Làm Phật là việc họ không bao giờ dám nghĩ tới mà nay họ lại được. Họ được là nhờ phương tiện khéo léo của Phật.

Và để chứng minh cho sự tin hiểu của họ đối với pháp Nhất Thừa là cứu cánh, Tam Thừa là phương tiện, họ đã đưa ra ví dụ trường giả và gã cùng tử.

Phẩm Dược Thảo

Chủ yếu của phẩm này, Đức Phật dùng thí dụ “cỏ thuốc” để dụ cho Tam Thừa là từ Nhất Thừa mà biểu hiện.

Và ngay từ buổi đầu, Đức Phật đã thuyết pháp Nhất Thừa một cách bình đẳng, nhưng do căn cơ của người nghe không đồng, nhân duyên tu học khác nhau, thành ra có sự sai biệt.

Và dù có sai biệt thế nào đi nữa, thì Đức Như Lai vẫn sử dụng mọi phương tiện để thuyết pháp thích hợp, khiến cho tất cả sự tu học rốt cùng đều thành tựu Phật đạo.

Nên, ví dụ “cây cỏ” là để minh họa cho chủ ý này.

Phẩm Thọ Ký

Chủ yếu của phẩm này là Đức Phật thọ ký cho bốn vị Đại A La Hán đứng đầu chúng Thanh Văn, để xác quyết Niết Bàn A La Hán mà những vị này

chứng đắc từ trước đến giờ chưa phải là chân thật, chỉ là phương tiện đối cơ giáo hóa của Ngài.

Niết Bàn của Phật mới là chân thật. Và Niết Bàn ấy, chỉ đạt được bằng con đường Bồ Tát hạnh mà không phải là Thanh Văn hạnh.

Nên, ở phẩm này Đức Phật nói pháp Nhất Thừa bằng chính hành động thọ ký của Ngài, và những vị được thọ ký này, tin và hiểu pháp Nhất Thừa một cách vững chãi bằng chính hành động tiếp nhận sự thọ ký ấy từ Đức Thế Tôn một cách thành khẩn.

Phẩm Hóa Thành Dụ

Chủ yếu của phẩm này là Đức Phật trình bày giáo lý Nhất Thừa cho hàng Thanh Văn qua nhân duyên.

Nghĩa là nhân duyên thầy-trò, thân hữu liên hệ với nhau đối với pháp Nhất Thừa từ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã trải qua cách đây “tam thiên trần điểm kiếp”.

Và từ đó, Đức Phật đã sử dụng phương tiện của Nhất Thừa để diu dắt hàng đệ tử, khiến cho tất cả đều chứng nhập Nhất Thừa, hiện nay phương tiện ấy vẫn đang còn tiếp tục sử dụng.

Thí dụ, Hóa thành là minh họa chủ ý này. Và qua thí dụ này, Đức Phật chính thức xác định, Niết Bàn của A La Hán là do Ngài phương tiện thiết lập, nay đã đúng lúc cần phải phế bỏ để tiến tới Niết Bàn đích thực của Phật.

Phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký

Chủ yếu của phẩm này là Đức Phật tiếp tục dạy pháp Nhất Thừa cho 500 đệ tử Thanh Văn bằng chính hành động thọ ký của Ngài.

Và Đức Phật xác định rằng, những đệ tử Thanh Văn được thọ ký này, họ là “nội bí Bồ tát, ngoại hiện Thanh văn”. Họ cũng đã từng phát khởi đại nguyện Bồ Tát, họ đã từng làm các Phật sự với tâm nguyện Bồ Tát, nhưng đến nay họ quên mất, tưởng hạnh Thanh Văn là thật.

Do đó, Đức Phật đã nhắc nhở cho họ nhớ lại bản nguyện Bồ Tát của họ. Và khi họ nhớ lại đại nguyện Bồ Tát của họ là họ liền được Phật thọ ký thành Phật trong tương lai.

Nên, phẩm này Đức Phật thuyết pháp Nhất Thừa cho Thanh Văn bằng cách nhắc nhở họ nhớ lại đại nguyện Bồ Tát của họ.

Và quý vị này đã nhớ lại bản nguyện của mình, bằng cách đưa ra ví dụ “hạt ngọc minh châu nằm sẵn trong ché áo” để ví rằng, tu tập mà quên mất đại nguyện Bồ Tát thì nghèo, nhớ lại bản nguyện Bồ Tát là tức khắc trở thành giàu có.

Ví như gã nghèo do quên mất “hạt minh châu trong ché áo” đã trở nên nghèo cùng, có người chỉ cho liền nhớ lại và đem ra tiêu dùng thì trở thành kẻ giàu có.

Phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Kỳ

Chủ yếu phẩm này, Đức Phật tiếp tục giảng pháp Nhất Thừa bằng chính hành động thọ ký cho những vị đã hoàn tất hay chưa hoàn tất pháp học Thanh Văn.

Ngài thọ ký bằng cách nêu rõ bản hạnh và gọi tên từng vị để thọ ký tương lai thành Phật, như trường hợp Tôn giả A Nan và La Hầu La.

Tôn giả A Nan đã từng duy trì kho tàng chánh pháp của chư Phật quá khứ, hiện đang tiếp tục và sẽ tiếp diễn đến chư Phật trong tương lai.

Tôn giả La Hầu La bản hạnh đã từng làm trưởng tử của các Đức Như Lai, khi chưa xuất gia trong quá khứ, hiện tại cũng đang như vậy và tương lai cũng sẽ tiếp tục như vậy.

Nên, phẩm này Đức Phật lại tiếp tục nêu rõ bản hạnh, bản nguyện của các vị Thanh Văn để thọ ký, bằng cách biệt ký hay tổng ký.

Hai ngàn vị còn lại Đức Phật cũng đã tổng thọ ký cho họ đều thành Phật tương lai.

Như vậy, ta thấy từ phẩm 2 đến phẩm 9 của kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã có ba cách trình bày pháp Nhất Thừa.

*Cách một: Nói thẳng về giáo pháp Nhất Thừa cho hàng Thanh Văn thượng căn, tiêu biểu là Tôn giả Xá Lợi Phất.

*Cách hai: Nói pháp Nhất Thừa cho Thanh Văn trung căn qua thí dụ, như các Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Đại Ca Diếp, Ca Chiên Diên.

*Cách ba: Nói pháp Nhất Thừa cho Thanh Văn hạ căn qua nhân duyên, như Tôn giả Phú Lô Na, Kiều Trần Như,... cho đến bao gồm cả những vị đã hoàn tất hay chưa hoàn tất pháp học Thanh Văn.

Tám phẩm này, đã nói lên việc sử dụng phương tiện của Nhất Thừa để giáo hóa hàng Thanh Văn thừa, khiến tất cả đều quy về Nhất Thừa của Phật đã thành công.

Phẩm Pháp Sư

Chủ yếu của phẩm này là nói về phẩm hạnh hay là căn bản Giới Định Tuệ của một vị Pháp sư Pháp Hoa.

Đối với phẩm hạnh, vị Pháp sư phải có khả năng thọ trì, đọc tụng, diễn giảng kinh Pháp Hoa.

Đối với căn bản Giới Định Tuệ, vị Pháp sư phải có đầy đủ ba chất liệu:

1. Giới căn bản của Pháp Hoa là bản nguyện đại bi.
2. Định căn bản của Pháp Hoa là tâm nhu hòa nhẫn nhục.
3. Tuệ căn bản của Pháp Hoa là phải thấy rõ Tánh Không ở nơi hết thảy pháp.

Đó là những nội dung chủ yếu của phẩm này.

Phẩm Hiện Bảo Tháp

Việc hiện bảo tháp và xuất hiện toàn thân xá lợi của Phật Đa Bảo là chủ yếu nói lên hạnh nguyện Pháp Hoa.

Hạnh nguyện ấy là bất diệt giữa các pháp đang sinh diệt.

Và bảo tháp cũng như toàn thân xá lợi của Đức Phật Đa Bảo xuất hiện để làm chứng cứ, pháp Nhất Thừa do Đức Phật Thích Ca tuyên thuyết là đúng bản hạnh và nguyện của chư Phật. Pháp ấy là chân thật bất diệt, khuyến khích thính chúng phát tâm tu tập, giữ gìn và truyền bá khắp nơi.

Đó là chủ yếu của phẩm này.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa

Phẩm này trình bày pháp Nhất Thừa là bình đẳng. Không những bình đẳng giữa người thiện và người ác, giữa người thân và người thù, giữa nam và nữ mà còn bình đẳng giữa các chủng loại khác nhau.

Nên, Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa thành Phật, mặc dù hiện tại Đề Bà Đạt Đa là người gây nhiều độc ác và chống đối Đức Phật kịch liệt.

Tuy vậy, Đức Phật biết Phật tính nơi Đề Bà Đạt Đa vẫn nguyên vẹn, bản hạnh Pháp Hoa nơi Đề Bà Đạt Đa không mất, nếu hội đủ nhân duyên thì tất cả đều được phục hồi nguyên vẹn. Nên đây là điểm chủ yếu mà Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa thành Phật trong tương lai.

Trước khi thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa thành Phật, Đức Phật còn nói: “Đề Bà Đạt Đa là người bạn tốt của Ngài, nhờ người bạn này mà Ngài đã thành tựu sáu pháp ba la mật, bốn tâm vô lượng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp,...”.⁵

Và sau khi thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa xong, Đức Phật còn nói cho đại chúng biết: “Nếu ai nghe được phẩm Đề Bà Đạt Đa trong kinh Pháp Hoa này mà tâm thanh tịnh, tin tưởng kính trọng, không nghi ngờ, không làm lẫn, thì người ấy sẽ không sa vào các ác đạo mà thường sinh ra trước mặt chư Phật mười phương. Và sinh ở đâu cũng thường được nghe kinh Pháp Hoa. Sinh trong nhân loại hay chư thiên thì được hưởng sự yên vui vi diệu, và nếu sinh trước mặt chư Phật thì hóa sinh từ hoa sen”.⁶

Thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa và nói lời khuyến khích xong, Đức Phật lại chứng minh việc Long nữ thành Phật là do hạnh nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi tại cung rồng Diêm Hải.

Dù là kẻ cực ác, nhưng đã từng có bản hạnh Nhất Thừa, thì vẫn có đầy đủ điều kiện căn bản để thành Phật. Và cho dù loài súc sanh nữ, nhưng đã có căn duyên với Pháp Hoa và đã nỗ lực thực hành cũng như hoằng truyền kinh ấy, thì việc thành Phật không phải là chuyện xa lạ mà nó sẽ xảy ra ngay trước mặt.

Đó là những chủ ý của phẩm này.

Phẩm Khuyến Trì

Chủ yếu của phẩm này là khuyến khích duy trì và phát khởi hạnh nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa.

Bồ Tát Dược Vương và tùy thuộc đã phát khởi hạnh nguyện hoằng truyền Pháp Hoa vào thời đại chúng sanh xấu ác.

Các vị Đại A La Hán và tất cả Thanh Văn đã được thọ ký và phát khởi hạnh nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở cõi nước khác.

Các Tỷ khưu ni được Phật thọ ký ở phẩm này cũng phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở cõi khác.

Trước khi thọ ký cho tất cả Tỷ khưu ni, Đức Phật gọi bà Kiều Đàm Di (bà Ma Ha Bà Xà Bà Đề) mà nói rằng:

“Này Kiều Đàm Di! Trước đó Như Lai đã nói tổng quát rằng, hết thảy Thanh Văn đều đã thọ ký”.⁷

Với sự thọ ký này, gọi là “tổng ký”, tức là thọ ký hết thảy hàng Thanh Văn đều được thành Phật tương lai, kể cả năm ngàn người Thanh Văn tăng thượng mạn bỏ hội chúng ra về từ buổi đầu.

Đến phẩm này họ cũng được Đức Phật “tổng ký” và đều khuyến khích phát khởi hạnh nguyện Bồ Tát bằng cách hoằng truyền kinh Pháp Hoa.

Và quan trọng nhất của phẩm này là các Bạc Đại sĩ phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa vào thời đại xấu ác, với sứ mệnh đầy đủ ba tính chất gồm: từ bi, nhẫn nhục và không tiếc thân mạng.

Phẩm An Lạc Hạnh

Chủ yếu phẩm này là nói hạnh Pháp Hoa phải có mặt trong đời sống của người hoằng truyền.

Phải hoằng truyền Pháp Hoa chính bằng đời sống mà không phải là một mô lý thuyết suông.

Và đời sống ấy phải thể hiện qua bốn mặt gồm:

- Thân hành Pháp Hoa.
- Khẩu hành Pháp Hoa.
- Ý hành Pháp Hoa.
- Nguyện hành Pháp Hoa.

Sống đời Pháp Hoa như thế sẽ đạt tới thành quả lớn, sẽ được hiến tặng tuệ giác như Đấng Pháp Vương, giống như Vua ở đời hiến tặng hạt minh châu trên búi tóc cho những quân sĩ chiến thắng.

Do đó, phẩm này chủ ý là nói người nào đã phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa thì người đó phải có đời sống ấy.

Phẩm Tùng Địa Dõng Xuất

Nội dung của phẩm này có những điểm như sau:

1. Đức Phật Thích Ca từ chối sự phát nguyện nhiệt tình hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở thế giới này của những vị Bồ Tát từ thế giới khác.

Đức Phật từ chối sự phát nguyện của các vị Bồ Tát ấy là tại bởi các vị Bồ Tát ấy chưa có kinh nghiệm đối với chúng sanh nơi thế giới này để hoằng truyền kinh Pháp Hoa có hiệu quả.

Chúng sanh ở thế giới này được hình thành từ năm sự dơ bẩn và họ thường biểu hiện những sự dơ bẩn ấy trong đời sống của họ, bởi vậy những vị Bồ Tát từ thế giới khác không đủ năng lực kham nhẫn để hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở thế giới này.

Năm sự dơ bẩn ấy gồm:

- Kiếp trước: Thời đại vẩn đục, nghĩa là thời đại của sự hoại diệt.
- Kiến trước: Sự hiểu biết của họ rất thấp kém và vẩn đục.
- Phiền não trước: Tâm lý vẩn đục và thấp kém.
- Chúng sanh trước: Đời sống và hành xử với nhau hết sức thấp kém, vẩn đục.

- Mạng trước: Đời sống của họ rất ngắn ngủi, nhưng họ lại nuôi dưỡng và bảo vệ đời sống ấy bằng những hành động hết sức kém cỏi.

2. Các vị Bồ Tát từ lòng đất của thế giới này vọt lên, là những vị Bồ Tát đã từng trải nghiệm với những khổ đau của thế giới này, đã từng lăn lộn với năm sự vắn đục ấy, và từ đó họ tôi luyện hạnh nguyện để vượt ra. Họ vượt ra từ những trải nghiệm khổ đau của chính họ và từ những tác động khổ đau ở nơi thế giới này.

Các vị Bồ Tát ấy gồm có bốn chúng:

Chúng thứ nhất là do Bồ Tát Thượng Hạnh dẫn đầu.

Chúng này đã vượt lên đỉnh cao của tuệ giác từ sự quán chiếu khổ đau của chính mình và của chúng sanh ở nơi thế giới mà mình đang cộng trú để phát khởi hạnh nguyện rộng lớn là: “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành = Phật đạo không gì hơn, thế nguyện đều viên thành”, nên chúng Bồ Tát này, gọi là chúng Bồ Tát do Thượng Hạnh dẫn đầu.

Chúng thứ hai là do Bồ Tát Vô Biên Hạnh dẫn đầu.

Chúng này đã vượt ra khỏi sự khổ đau do ngu dốt của chính mình, và sự khổ đau cũng như sự ngu dốt của thế giới mà mình đang cộng trú, để thành tựu tuệ giác vô thượng bằng sự phát khởi hạnh nguyện rộng lớn là: “Pháp môn vô lượng thế nguyện học = pháp môn không kể xiết, thế nguyện đều tu học”, nên chúng Bồ Tát này, gọi là chúng Bồ Tát do Vô Biên Hạnh dẫn đầu.

Chúng thứ ba là do Bồ Tát Tịnh Hạnh dẫn đầu.

Chúng này vượt ra khỏi khổ đau của cá nhân và cộng đồng từ những tập khởi ô nhiễm của môi trường tâm thức cá nhân và xã hội, để thành tựu tuệ giác vô thượng, bằng sự phát khởi hạnh nguyện rộng lớn là: “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn = phiền não không cùng tận, thế nguyện đều dứt sạch”, nên chúng Bồ Tát này, gọi là chúng Bồ Tát do Tịnh Hạnh dẫn đầu.

Và chúng Bồ Tát thứ tư do Bồ Tát An Lập Hạnh dẫn đầu.

Chúng này thiết lập hạnh an lạc một cách vững chãi từ sự chấm dứt khổ đau, do sự phát khởi hạnh nguyện rộng lớn là: “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ = chúng sanh không số lượng, thế nguyện đều độ khắp”, nên chúng Bồ Tát này gọi là chúng Bồ Tát do An Lập Hạnh dẫn đầu.

Bốn chúng Bồ Tát này do Đức Phật Thích Ca huấn luyện từ trong lò lửa khổ đau của thế giới này, nên họ mới đủ mọi năng lực để phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa cho chúng sanh ở nơi thế giới này, nhằm chuyển hóa Khổ đế của thế giới này thành An Lập Hạnh, chuyển hóa Tập đế của thế giới này thành Tịnh Hạnh, chuyển hóa Đạo đế ở nơi thế giới này thành Vô Biên Hạnh và Diệt đế ở nơi thế giới này thành Thượng Hạnh.

Đó là chủ ý của phẩm này, và do chủ ý thâm sâu, vi diệu và siêu việt như vậy, làm cho hội chúng kinh ngạc, khiến Bồ Tát Di Lặc phát khởi thỉnh vấn, làm duyên khởi để Đức Phật dạy phẩm Như Lai Thọ Lượng.

Phẩm Như Lai Thọ Lượng

Phẩm này nói về báo thân viên mãn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Báo thân ấy không bị sinh diệt chi phối, bởi vì đó là kết quả từ hạnh nguyện Pháp Hoa tạo thành, đã từ vô lượng kiếp.

Đức Phật Thích Ca lịch sử đang nói Pháp Hoa bằng trực tiếp, bằng thí dụ, bằng nhân duyên và thọ ký cho hết thầy hàng Thanh Văn thành Phật trong tương lai ấy, là từ nơi Phật báo thân viên mãn này mà biểu hiện.

Các vị Bồ Tát từ lòng đất vọt lên cũng do từ báo thân viên mãn vô lượng thời gian này giáo hóa mà tạo nên.

Do đó, báo thân của Phật Thích Ca không hề nhập diệt, vẫn luôn luôn thường trú. Và làm căn bản cho mọi ứng hóa thân của Phật Thích Ca biểu hiện cùng một lúc mà có mặt khắp mọi không gian để thuyết giảng Pháp Hoa cho hết thầy chúng sanh khắp cả vô biên thế giới.

Đây là điểm chủ yếu của phẩm này, nên phẩm này là điểm sâu thẳm, là bản thể thâm diệu của các phẩm Pháp Hoa được Đức Phật diễn nói từ trước và là căn bản tạo nên các thành quả của Pháp Hoa và đại nguyện của Pháp Hoa ở các phẩm về sau.

Phẩm Phân Biệt Công Đức

Chủ yếu của phẩm này là nói về thành quả tốt đẹp do tin và hiểu đối với báo thân viên mãn không sinh diệt của Phật từ hạnh nguyện Pháp Hoa đem lại.

Nên, phẩm này đặc biệt nhấn mạnh đến đức tin Pháp Hoa.

Phẩm Tùy Hỷ Công Đức

Phẩm này chủ yếu là nói thành quả hay phước báo tốt đẹp của người tùy hỷ đối với kinh Pháp Hoa.

Thành quả ấy là thành quả tốt đẹp đối với tất cả tướng hảo của loài người. Người ấy có đầy đủ tiện nghi đi lại, có vị trí cao đẹp trong cõi nhân thiên và đời sống sinh ra trong môi trường của các vị Bồ Tát có pháp Tổng Trì tối thượng.

Phẩm Pháp Sư Công Đức

Chủ yếu phẩm này là nói những thành quả tốt đẹp đối với sáu căn của vị Pháp sư Pháp Hoa, do công phu tu tập, thọ trì, đọc tụng, diễn giảng, ấn hành kinh Pháp Hoa mà đem lại.

Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát

Chủ ý của phẩm này là nói về thành quả tốt đẹp do thực hành hạnh nguyện Pháp Hoa đem lại của Đức Phật Thích Ca.

Tiền thân của Đức Phật Thích Ca là Bồ Tát Thường Bất Khinh.

Vị Bồ Tát ấy, đã phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa từ Đức Phật Oai Âm Vương đã trải qua vô lượng kiếp cho đến ngày nay chưa hề gián đoạn.

Bởi vậy, báo thân bất hoại, siêu việt thời gian của Phật Thích Ca là do từ hạnh nguyện Pháp Hoa này mà tạo thành, và hiện thân Đức Phật Thích Ca có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đang thuyết Pháp Hoa cho hội chúng tại đỉnh Linh Sơn, đang đưa Tam Thừa trở về với Nhất Thừa và đang thọ ký cho hết thảy Thanh Văn thành Phật, đó là thành quả từ hạnh nguyện Pháp Hoa của Bồ Tát Thường Bất Khinh này.

Do đó, phẩm này là nói hạnh nguyện lâu nhất, nhẫn nhục và kiên trì nhất của Pháp Hoa và là thành quả cao nhất của hạnh nguyện ấy.

Phẩm Như Lai Thân Lực

Chủ yếu của phẩm này là nói về sự yểm trợ cho những ai thực hành đời sống Pháp Hoa và phát khởi đại nguyện hoằng truyền đời sống ấy của Như Lai bằng năng lực thần thông.

Như Lai thần lực là thần lực được biểu hiện từ nơi Như Lai thọ lượng, nghĩa là từ nơi báo thân bất hoại siêu việt thời gian và không gian mà biểu hiện thần lực.

Thần lực ấy có bốn điểm như sau:

1. Thần lực đưa ra tướng lưới rộng dài đến Phạm thiên:

Đức Thế Tôn biểu hiện thần lực này là để hiển thị cho đại chúng biết rằng: Những gì Đức Như Lai thuyết giáo từ khi chuyển pháp luân tại Vườn Nai cho đến bây giờ là xuyên suốt chân thật – chỉ nói một lời.

Lại nữa, những gì mà Như Lai trình bày trong kinh Pháp Hoa này, từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Như Lai Thần Lực này là pháp Nhất Thừa xuyên suốt thống nhất.

Và lại nữa, pháp Nhất Thừa mà Như Lai vừa trình bày cho hội chúng đó cũng chỉ là một lưới, một lời, đúng như một lưới, một lời của chư Phật mười phương và ba đời.

Chư Phật phân thân, từ báo thân không sinh diệt đang hoằng truyền Pháp Hoa khắp cả mười phương cũng chỉ nói một lưới, nói một lời, Nhất Thừa là chân thật, Tam Thừa là phương tiện.

Và chỉ có lời nói chân thật ấy, mới là sức mạnh phi thường để yểm trợ cho những ai phát nguyện sống đời sống Pháp Hoa và hoằng truyền đời sống ấy.

2. Hết thấy lỗ chân lông của Như Lai đều phóng ra vô lượng, vô biên ánh sáng có màu sắc và chiếu soi khắp các thế giới trong mười phương:

Đức Thế Tôn biểu hiện thần lực này để hiển thị rằng, chân lý là tỏa sáng cùng khắp mọi nơi và bất diệt.

Và chỉ có chân lý mới có sức mạnh phi thường xóa tan ảo vọng, để yểm trợ cho những ai nguyện sống đời sống Pháp Hoa và hoằng truyền đời sống ấy.

3. Chư Phật phân thân, đồng hắng cùng một lúc:

Thần lực này của chư Phật, nhằm hiển thị rằng: Phật báo thân và chư Phật phân thân bất cứ thời gian nào và không gian nào, cũng cùng một phát

nguyện thống nhất. Sống bằng đời sống kinh Pháp Hoa và phát nguyện hoằng truyền kinh ấy.

Và đồng thời phát nguyện yểm trợ cho những ai đang hành Pháp Hoa và hoằng truyền pháp ấy.

Và như vậy, chỉ có nguyện lực thống nhất mới có sức mạnh phi thường để yểm trợ người có đời sống Pháp Hoa và hoằng truyền pháp ấy.

4. Chư Phật búng tay cùng lúc:

Thần lực này của chư Phật, nhằm hiển thị rằng, mọi hoạt động của Phật báo thân và chư Phật phân thân là thống nhất với nhau, đối với pháp Nhất Thừa.

Và như vậy, chỉ có hoạt động thống nhất đối với Phật Thừa, mới có năng lực phi thường để bảo chứng cho những ai sống đời Pháp Hoa và hoằng truyền đời sống ấy.

Đức Như Lai đã sử dụng những thần lực như vậy để yểm trợ cho những vị thực hành đại nguyện Pháp Hoa.

Yểm trợ đại nguyện Pháp Hoa bằng thần lực là chủ yếu của phẩm này.

Phẩm Chúc Lụy

Chúc lụy hay phó chúc hoặc ký thác, phẩm này có bốn điểm chủ yếu sau:

1. Trực tiếp phó chúc:

Đức Phật đứng dậy từ pháp tòa, bằng tất cả thần lực, đưa tay xoa đỉnh đầu của các Bồ Tát Đại Sĩ và nói lời phó chúc:

“Pháp Tuệ giác Vô thượng này rất khó được, Như Lai đã trải qua vô số thời gian tu tập mới có được, ngày nay đem giao phó cho quý vị. Quý vị hãy hết lòng truyền bá pháp ấy, làm cho sự lợi ích của pháp ấy tăng lên một cách rộng lớn”.⁸

Đây là lời phó chúc chính thức của Đức Như Lai đến các vị Bồ Tát Đại Sĩ.

2. Lời căn dặn:

Đức Như Lai căn dặn lời hết sức quan trọng như sau:

“Nếu trong tương lai có người nào tin tưởng được tuệ giác Như Lai, thì quý vị hãy giảng kinh Pháp Hoa này cho họ, khiến cho họ đều đạt được tuệ giác của Như Lai.

Và nếu ai chưa tin tưởng kinh này, thì quý vị nên đem giáo lý sâu xa khác của Như Lai mà trình bày cho họ bằng nhiều cách.

Nếu làm được như vậy là quý vị đã báo đáp được ân đức chư Phật”.

3. Tiếp nhận và phụng hành:

Sau lời phó chúc của Đức Thế Tôn, các vị Bồ Tát Đại Sĩ vui mừng không kể xiết, liền cúi đầu hướng đến Đức Thế Tôn nói lời tín kính và phụng hành như sau:

“Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con nguyện xin cùng nhau phụng hành, đúng như lời huấn dụ của Đức Thế Tôn. Xin Đức Thế Tôn đừng lo nghĩ”.

Sau lời thưa tiếp nhận phó chúc của các Bồ Tát Đại Sĩ, việc phó chúc của Đức Thế Tôn đã hoàn thành.

Và những gì Đức Như Lai dạy về giáo, hạnh, nguyện và quả của pháp Nhất Thừa đã thành tựu viên mãn.

4. Thỉnh mời trở về quốc độ:

Sau khi đã hoàn thành mọi thủ tục phó chúc, Đức Thế Tôn thỉnh mời các Đức Phật phân thân trở về quốc độ của mình và cũng thỉnh mời tháp Đức Phật Đa Bảo về chốn cũ.

Trong hội chúng bấy giờ, ai cũng cảm thấy hoan hỷ, vui sướng.

Như vậy, chủ yếu của phẩm này là vừa phó chúc kinh Pháp Hoa cho các vị Bồ Tát Đại Sĩ tiếp tục hoằng truyền và đồng thời cũng tổng kết thuyết pháp hoàn tất pháp Nhất Thừa của Đức Thế Tôn về bốn mặt giáo, hạnh, nguyện và quả.

Còn các phẩm sau của phẩm này là nói về đại nguyện Pháp Hoa của các Đại Bồ Tát.

Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồn Sự:

Chủ ý phẩm này là nói Bồ Tát Dược Vương tu tập đạt được “hiện nhất thiết sắc thân tam muội”, là nhờ nghe kinh Pháp Hoa từ Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, và đã tinh cần thực hành Pháp Hoa không biết mỏi mệt.

Do tu tập Pháp Hoa mà thành đạt thiền định “hiện nhất thiết sắc thân”, nên Bồ Tát Dược Vương đã đốt thân từ sự thành đạt ấy, để cúng dường chư Phật và kinh Pháp Hoa.

Việc đốt thân cúng dường của Bồ Tát Dược Vương có một ý nghĩa hết sức thâm diệu, đó là dâng hiến toàn vẹn pháp do Bồ Tát chứng ngộ từ đời sống Pháp Hoa lên cúng dường chư Phật, để biểu lộ lòng biết ơn sâu xa đức giáo hóa bằng Pháp Hoa của các Ngài và pháp thâm diệu được chứa đựng trong kinh.

Và một lần khác, Bồ Tát Dược Vương trong quá khứ cũng lại đốt hai cánh tay để cúng dường như vậy.

Bồ Tát đốt thân cúng dường là để khẳng định tự thân thực chứng Pháp Hoa và lại một lần nữa đốt cánh tay cúng dường để khẳng định khả năng hoằng truyền chánh pháp, khiến cho tất cả Thánh giả trong Tam Thừa đều hội nhập Nhất Thừa.

Nên chủ ý của phẩm này là nói lên đại nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa của Bồ Tát Dược Vương bằng năng lực khổ hạnh qua sự “thiên thân cúng dường”.

Và chính do sự “thiên thân cúng dường” ấy là khẳng định, việc do tu tập Pháp Hoa mà thành tựu định “hiện nhất thiết sắc thân” của Ngài là chân thật.

Định “hiện nhất thiết sắc thân” là thứ thiền định có khả năng biểu hiện sắc thân một cách tự tại.

Do có khả năng ấy, nên Bồ Tát mới có khả năng biểu hiện nhiều hình thức, nhiều thân tướng thích hợp để hoằng truyền kinh Pháp Hoa đến với hết thảy mọi hình sắc và mọi giới loại trong mọi không gian mà không lẩn tiếc thân mạng. Sẵn sàng đem thân mạng để phụng sự chánh pháp.

Đó là chủ ý cao nhất của phẩm này.

Phẩm Diệu Âm Bồ Tát

Chủ yếu phẩm này là nói Bồ Tát Diệu Âm hoằng truyền kinh Pháp Hoa qua năng lực của thiền định hiện nhất thiết sắc thân.

Do đạt được thiền định này, nên Bồ Tát Diệu Âm có thể sử dụng mọi thân tướng thích hợp với mọi đối tượng để hoằng truyền kinh Pháp Hoa.

Và do chứng đắc năng lực thiền định này mà Bồ Tát Diệu Âm có thể biểu hiện từ thế giới của Pháp Hoa lý tưởng trở thành thế giới của Pháp Hoa hiện thực, bằng tất cả những năng lực hoạt dụng của đại nguyện qua thiền định.

Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn

Chủ yếu của phẩm này là nói Bồ Tát Quán Thế Âm hoằng truyền kinh Pháp Hoa bằng tâm đại bi toàn diện.

Toàn diện đối với Pháp: Đối với Pháp, Bồ Tát Quán Thế Âm hoằng truyền Pháp Hoa bằng cách chỉ bày cho hết thảy chúng sanh đều đi vào được cửa “thực tướng của hết thảy pháp”.

Toàn diện đối với Tâm: Đối với Tâm, Bồ Tát Quán Thế Âm hoằng truyền kinh Pháp Hoa bằng cách phát Bồ đề tâm, tu tập Bồ tát hạnh, không còn bất cứ sợ hãi nào đối với các ách nạn.

Toàn diện đối với chủng loại: Bồ Tát Quán Thế Âm hoằng truyền kinh Pháp Hoa sử dụng hết thảy thân, cùng một lúc có thể biến thể cùng khắp để thuyết pháp với thân thể thích ứng với hết thảy chủng loại chúng sanh.

Toàn diện đối với thời gian: Bồ Tát Quán Thế Âm có mặt cùng một lúc khắp mọi thời gian để tuyên dương diệu pháp.

Toàn diện đối với không gian: Bồ Tát Quán Thế Âm cùng một lúc mà Ngài có mặt khắp mọi không gian để giáo hóa chúng sanh bằng tâm Đại bi của Ngài.

Do đó, chủ yếu của phẩm này là nói Bồ Tát Quán Thế Âm hoằng truyền kinh Pháp Hoa bằng tâm Đại bi một cách toàn diện.

Phẩm Đà La Ni

Chủ yếu phẩm này là yểm trợ các vị Pháp sư Pháp Hoa bằng năm thần chú.

Trong năm thần chú yểm trợ ấy, thần chú yểm trợ đáng chú ý nhất là thần chú của quý vị quý La sát.

La sát là loài quỷ độc ác ăn thịt người và tàn bạo nhất của thế gian, nhưng khi tất cả họ nghe Đức Phật thuyết giảng kinh Pháp Hoa và năng lực của kinh Pháp Hoa đã đánh thức Phật tính nơi loài quỷ dữ này, khiến Phật tính trong họ sinh khởi và họ đã phát khởi đại nguyện hộ trì vị Pháp sư hoằng truyền kinh Pháp Hoa.

Điều này mới là điểm chủ yếu của phẩm này.

Ở phẩm 12, Đức Phật đã thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa làm Phật là xác nhận Phật tính ở nơi người tạo tội ngũ nghịch, dù đọa địa ngục vô gián, nhưng vẫn không mất, hễ có duyên thì sinh khởi. Cũng ở phẩm này, Đức Phật đã chứng minh cho Long nữ thành Phật, là xác nhận rằng, dù nhân xấu bị đọa làm loài súc sinh, nhưng Phật tính không mất, hễ đủ duyên thì sinh khởi làm Phật. Ở phẩm Đà La Ni này, các quý La sát nữ đã phát tâm hộ trì vị Pháp sư hoằng truyền Pháp Hoa bằng thần chú, được Phật ấn chứng. Điều này là minh chứng rằng, dù gieo nhân ác, bị đọa làm loài quỷ dữ, nhưng Phật tính không mất, hễ có đủ cơ duyên thì Phật tính biểu hiện, phát khởi đại nguyện và đều có thể thành Phật trong tương lai.

Vậy, kinh Pháp Hoa không phải chỉ có thần lực chuyển hóa hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thành Phật, mà còn có thần lực cực kỳ phi thường là chuyển hóa và diu dắt các loại chúng sanh ở nơi ba ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh cũng đều làm Phật nữa.

Đây là điểm độc đáo của kinh Pháp Hoa và là điểm sâu thẳm vi diệu của phẩm này.

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Bản Sự

Chủ yếu của phẩm này là nói kinh Pháp Hoa có năng lực Phật hóa gia đình và Phật hóa xã hội qua nhà nắm quyền lực, bằng đại nguyện Pháp Hoa qua sự tác chứng của bản thân.

Vua Diệu Trang Nghiêm ở trong thân tộc là cha của hai hoàng tử Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn và ở mặt xã hội là vua, tức là vị nắm quyền lực cao nhất, nhưng lại là người tôn thờ chủ thuyết sai lầm.

Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn biết rõ vai trò của vua cha hết sức quan trọng đối với hạnh phúc của hoàng tộc và xã hội, nếu vua cha tiếp tục đi theo chủ thuyết sai lầm, thì không những bản thân vua cha thiệt hại, mà còn gây thiệt hại lớn lao cho hoàng tộc và xã hội.

Mặc dù hai hoàng tử hết sức thương cha, thương hoàng tộc và nhân dân, nhưng đứng trước tình trạng ấy hết sức khó xử.

Khó xử vì con không thể nào nói đạo đức cho cha, dân không thể nào nói đạo đức cho vua, mà nhất là trong một xã hội gia trưởng và vương quyền, điều ấy lại càng không thể.

Ngôn ngữ điêu luyện và luận lý sắc bén không còn là phương tiện xử lý có hiệu quả trong trường hợp này, biết vậy nên Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn đã sử dụng phương tiện thân thông bằng chính bản thân mình đã dày công tu tập và chứng đạt từ Pháp Hoa tam muội và các thiên định khác của Bồ Tát để chuyển hóa tà kiến của vua cha.

Và điều ấy đã thực sự xảy ra.

Vua Diệu Trang Nghiêm nhìn sự biểu hiện phép lạ của hai hoàng tử như vậy, lòng rất hoan hỷ, hướng lên hai vị hoàng tử và hỏi Thầy của hai con là ai. Hai vị hoàng tử trả lời, Thầy của chúng con là Đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai, hiện đang giảng dạy kinh Pháp Hoa. Vua nói, cha muốn yết kiến Ngài, chúng ta nên cùng đi.

Vua Diệu Trang Nghiêm đã đến yết kiến Đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai, được Ngài dạy cho kinh Pháp Hoa, khiến vua vui mừng, phát tâm vô thượng và đã được Đức Phật ấy thọ ký thành Phật trong tương lai.

Vua tu tập Pháp Hoa rất tinh cần và thừa với Đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai rằng: “Hai người con này là Thiên tri thức của con, đã giúp con làm sống dậy những gốc rễ tốt đẹp của con từ đời trước”.

Như vậy, chủ ý của phẩm này là Phật hóa gia đình, Phật hóa nhà nắm quyền lực và xã hội bằng đại nguyện Pháp Hoa, qua phong cách của bậc Thiên tri thức (người bạn tốt và chân tình), có nội dung của tuệ giác Pháp Hoa, mà

phương tiện sử dụng không nhất định là thần thông, mà chính là phương tiện trí lực. Ấy là sức mạnh của tuệ giác vận dụng, để thích ứng, làm thay đổi tình trạng tà kiến nơi đối tượng.

Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát

Bồ Tát Phổ Hiền và vô số Bồ Tát khác từ phương Đông đến đỉnh Linh Sơn để nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh Pháp Hoa.

Bồ Tát Phổ Hiền đã thưa với Đức Thế Tôn rằng, sau khi Ngài nhập diệt làm thế nào để được kinh Pháp Hoa?

Đức Phật dạy cho Phổ Hiền Bồ Tát có bốn yếu tố để được Pháp Hoa sau này:

1. Được chư Phật hộ niệm.
2. Gieo trồng gốc rễ công đức.
3. Ở trong đoàn thể kiên định theo chánh pháp.
4. Phát nguyện cứu độ chúng sanh.

Sau khi nghe bốn điểm này từ Đức Thế Tôn, Bồ Tát Phổ Hiền phát nguyện hộ trì người thọ trì, đọc tụng, diễn giảng kinh Pháp Hoa, không những bằng đại nguyện, bằng thân chú mà còn bằng trực tiếp, khiến cho người ấy không bị quên bởi bất cứ câu chữ nào.

Ở phẩm Tựa của kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Văn Thù có mặt để trả lời cho Bồ Tát Di Lặc về ánh sáng thiền định Pháp Hoa của Đức Thế Tôn phóng ra từ chặng giữa mày, là tiêu biểu cho vị Bồ Tát có khả năng thâm nhập chân lý bằng trí tuệ Pháp Hoa hay trí tuệ toàn giác bằng chính sự trải nghiệm.

Ở phẩm cuối của kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Phổ Hiền xuất hiện từ phương Đông, có mặt trong phần bế mạc Pháp Hoa, là tiêu biểu cho vị Bồ Tát có khả năng hay tuệ giác thực hiện, giữ gìn và chuyển vận Pháp Hoa đến khắp mọi nơi, tạo thành chất liệu và sức mạnh của sự sống, mà không còn có bất cứ một sức mạnh nào có thể địch nổi.

Nên, phẩm này cũng là phẩm lưu thông của kinh Pháp Hoa.

Do đó, chủ ý của phẩm này nói cho ta biết, Pháp Hoa không còn là pháp thoại mà pháp thoại đã biến thành hành động của sự sống cùng khắp trong mọi không gian và trong mọi thời gian và là Pháp bất diệt, không cùng tận.

--- o0o ---

Chương IV: Lịch Sử Phát Triển Kinh Pháp Hoa

Ấn Độ

Hầu hết các kinh điển từ Nguyên thủy đến Đại thừa đều có điểm thống nhất rằng: Sau khi Đức Thế Tôn thành đạo, Ngài không vội chuyển vận pháp luân, vì nghĩ rằng: “Giáo pháp do Ngài vừa chứng ngộ quá thâm diệu, cao quý, siêu lý luận, chỉ có kẻ trí mới thấu hiểu, còn đa số quần chúng thì đam mê ái dục, chạy theo ái dục, khó mà thấy được nguyên lý duyên khởi, nguyên lý tịch tịnh của các hành”.¹

Phạm thiên Sahampati đọc được luồng sinh khí ấy, nên đã xuất hiện trước Đức Thế Tôn, thỉnh cầu Ngài chuyển vận pháp luân.

Bấy giờ, Đức Phật nhìn hồ sen, thấy sen trong hồ có thứ đã lên khỏi bùn, nhưng chưa lên khỏi mặt nước, có thứ đã lên khỏi mặt nước, nhưng chưa nở hoa, có thứ chỉ hé nụ sắp sửa nở,... Đức Phật liền nghĩ: “Hết thấy chúng sanh ở nơi thế giới này cũng đều như thế. Có người trình độ thấp, có người trình độ vừa, có người trình độ cao, nhưng tất cả trình độ ấy nếu gặp được giáo lý do Ngài giảng dạy, họ cũng sẽ tu tập và được giải thoát, giác ngộ”.

Chính suy nghĩ về điểm này, mà Đức Như Lai thiết lập phương tiện để giáo hóa, như Ngài đã nói ở phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa:

“Tư duy như vậy rồi,

liền đến Ba La Nại

các pháp tướng vắng lặng

không thể diễn bằng lời.

Nhưng dùng sức phương tiện

nói cho năm Tỷ khưu

gọi là chuyển Pháp luân

có danh từ Niết Bàn

cùng danh A La Hán

với danh xưng Pháp, Tăng.

Từ đó đến ngày nay

chỉ khen pháp Niết Bàn

diệt tận khổ sinh tử

Tôi thường nói như vậy”.²

Và, khi đến vườn Nai, trước hết Đức Phật khuyên năm anh em Kiều Trần Như, nên từ bỏ hai cực đoan là ép xác khổ hạnh và buông lung trong các dục mà thực hành Trung đạo.

Trung đạo ở đây là Bát Chánh Đạo. Sau đó, Đức Thế Tôn chuyển vận pháp luân ba lần với mười hai hành tướng Tứ Thánh Đế cho năm anh em Kiều Trần Như, từ đó Phật – Pháp - Tăng có mặt một cách đầy đủ cả sự và lý.³

Như vậy, theo tinh thần diễn tả trong phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa, thì phương tiện và cứu cánh của kinh Pháp Hoa đã có mặt ngay ở buổi chuyển Pháp luân đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như qua pháp thoại Tứ Thánh Đế.

Ở vườn Nai, Đức Phật dạy cho năm anh em Kiều Trần Như với pháp Tứ Thánh Đế bằng chính cái thấy, cái biết của Ngài mà ta có thể thấy rõ như sau:

Đức Phật nói:

Đây là Khổ. Đó là “khai Phật tri kiến”.

Đây là Tập. Đó là “thị Phật tri kiến”.

Đây là Diệt. Đó là “ngộ Phật tri kiến”.

Đây là Đạo. Đó là “nhập Phật tri kiến”.

Và ta có thể hiểu thêm khi Đức Phật chuyển vận mỗi Thánh Đế, thì trong mỗi Thánh Đế đều có đủ cả “khai- thị- ngộ- nhập Phật tri kiến”.

Như vậy, mục đích của Đức Phật ra đời là “khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho chúng sanh”, như Ngài đã nói ở phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa.

Tuy, Đức Phật khai thị ngộ nhập Phật tri kiến một cách bình đẳng như vậy, nhưng tùy theo căn cơ, nhân duyên của người lãnh hội mà có sự sai thù, dị biệt. Và cũng chính từ đó, mà có Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa. Phẩm Dược Thảo Dụ của kinh Pháp Hoa đã minh họa cho điều này hết sức rõ ràng.

Pháp Đức Phật dạy mang tính xuyên suốt từ khi Ngài chuyển Pháp luân tại vườn Nai cho đến khi Ngài nhập Niết Bàn tại Sala song thọ.

Như ở phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa, Ngài nói:

“Từ đó đến ngày nay

Chỉ khen pháp Niết Bàn

Diệt tận khổ sinh tử

Tôi thường nói như vậy”.

Chúng ta biết rằng, ở vườn Nai, Đức Phật đã chuyển vận đầy đủ Tứ Thánh Đế với mười hai hành tướng, nhưng ba hành tướng của Diệt Thánh Đế mới là chủ chốt trong sự chuyển vận pháp luân, vì đó là Thánh Đế siêu lý luận, thâm diệu, đến để mà thấy và tự mình chứng nghiệm.

Và trong Tứ Đế, Diệt Đế là cứu cánh. Ba Đế kia là phương tiện để đạt tới cứu cánh. Nên, phương tiện ấy cũng là phương tiện của cứu cánh.

Khổ-Tập-Đạo được vận dụng và thiết lập từ Diệt Đế. Và Diệt Đế chính là Niết Bàn của Phật, là chân lý tối hậu mà Phật muốn chỉ bày cho hết thảy chúng sanh ngộ nhập.

Diệt Đế là bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, bởi hết thảy chúng sanh ai cũng có tự tính Niết Bàn. Và Diệt Đế cũng là Phật tính, nên dù cho Đức Phật trải qua hơn bốn mươi năm thuyết pháp, bằng cách này hoặc bằng cách khác

cũng để chỉ bày Phật tính, hay tự tính Niết Bàn, hoặc Diệt Đế chân thật cho chúng sanh mà thôi.

Như vậy, chủ điểm của kinh Pháp Hoa đã có mặt ngay ở buổi pháp thoại đầu tiên của Đức Phật tại vườn Nai và xuyên suốt cả cuộc đời hoằng pháp của Đức Thế Tôn, khi thì Ngài nói bằng cách này, khi thì Ngài nói bằng cách khác, hoặc xa, hoặc gần, hoặc sâu, hoặc cạn, hoặc trực tiếp, hoặc ẩn dụ, hoặc nhân duyên, hoặc kể chuyện..., khiến cho thính chúng tùy theo căn tính mà thâm nhập.

Ngài Trí Khải (537-596) - Tổ sư Thiên Thai Tông của Trung Hoa, trong bài kệ phán giáo, Ngài cho rằng, Đức Thế Tôn thuyết kinh Pháp Hoa từ năm thứ 42 kể từ khi Ngài thành đạo.

Có thể theo Ngài Trí Khải, từ năm thứ 42 sau ngày Thế Tôn thành đạo, Ngài chỉ dạy cho đại chúng thuần giáo lý Pháp Hoa.

Nhưng, đây chỉ là sự phán giáo có tính cách tương đối.

Sự sắp xếp tuyển chọn và hệ thống hóa các kinh điển thành Agāma, Nikāya, cho đến các kinh điển Đại thừa đều là của chư Tổ mà hoàn toàn không phải là Phật.

Đức Phật thuyết pháp là đối cơ, nhưng mà đối cơ có chủ đích. Những pháp thoại Ngài nói ra cho các đệ tử, được các đệ tử ghi nhớ, thuộc lòng và truyền tụng bằng nhiều loại thổ ngữ.

Sau Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng bốn tháng, Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca Diếp) đã triệu tập một hội nghị tại núi Saptaparnaguha (Thất Diệp) ở Rajgrha (Vương Xá) để kết tập kinh luận.

Hội nghị kéo dài đến bảy tháng, Tôn giả A Nan gom tụng những gì thuộc về Kinh tạng. Tôn giả Ưu Ba Ly gom tụng những gì thuộc về Luật tạng. Sau đó được hội nghị giám định, gạn lọc và thông qua.⁴

Một trăm bốn mươi năm, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, một hội nghị khác được triệu tập tại thành phố Vesālī để kết tập kinh điển.

Hội nghị này có bảy trăm Tỷ khuru được mời tham dự và kéo dài đến tám tháng mới hoàn thành.

Mục đích hội nghị này là hợp tụng lại kinh điển và giám định mười điều luật mới của nhóm Tỷ khuru Bạt Kỳ đưa ra.

Hội nghị một và hai chỉ là khẩu dịch và ngôn ngữ chính được sử dụng trong hai hội nghị này là Ardha-magadhi. Các ngôn ngữ khác đều có thể được sử dụng, nhưng đều chuyển thành ngôn ngữ Ardha-magadhi.

Hội nghị thứ ba được tổ chức tại Pataliputra (Hoa Thị Thành) vào khoảng năm 244 trước Kỷ nguyên, dưới sự bảo trợ của vua A'soka (A Dục). Ngài Moggallanaputra-tissa (Mục Kiên Liên Đế Tu), đã đứng ra triệu tập gồm 1000 vị Tỷ khuru về hội nghị để kết tập lại kinh điển, thời gian kéo dài đến chín tháng mới hoàn thành.⁵

Hội nghị kết tập kinh điển lần thứ tư của Hữu bộ tại Kashmir dưới triều đại Kaniska (Ka Nị Sắc Ca).

Nguyên do có hội nghị này là vua Kaniska cứ mỗi ngày thỉnh một vị Tăng vào cung thuyết pháp, nhưng vua nghe giáo nghĩa của các vị giảng không giống nhau, vua ngò vức, liền đem hỏi Ngài Pārsva (Hiếp Tôn giả).

Ngài Pārsva trình bày cho vua biết lý do Phật giáo có nhiều bộ phái khác nhau. Nghe vậy, vua muốn thống nhất ý nghĩa của các bộ phái Phật giáo lại, nên đã phát nguyện mở đại hội kết tập.

Hội nghị này, tổ chức tại Tinh xá Hoàn Lâm (Kundalavana-samghārāma), với 500 vị Tỷ khuru tham dự.

Ngài Vasumitra (Thế Hữu) làm Thượng thủ, các Ngài Dharmatrātā (Pháp Cứu), Goṅka (Diệu Âm), Buddhadeva (Giác Thiên), và Pārsva (Hiếp Tôn Giả), là những vị chú thích tam tạng.

Kinh tạng gồm mười vạn bài tụng, Luật tạng gồm mười vạn bài tụng và Luận tạng gồm mười vạn bài tụng. Cả ba tạng gồm có 30 vạn bài tụng hàm chứa 600 vạn lời.

Kỳ kết tập này, tam tạng được khắc vào bản đồng và mất hết 12 năm mới hoàn thành.

Hội nghị kết tập kinh điển lần thứ tư này xảy ra vào khoảng thế kỷ thứ hai Tây lịch.

Trong lần kết tập thứ hai, giáo đoàn đã có dấu hiệu phân hóa do quan điểm hiểu Phật và tiếp cận giáo lý.

Và sau lần kết tập này, các vị Đại đệ tử tùy theo cách nhớ, cách hiểu giáo lý của Đức Phật và đã truyền tụng giáo lý ấy cho các hàng đệ tử tại các trung tâm tu học.

Các trung tâm tu học được thiết lập tại Bắc Ấn, thầy truyền tụng kinh điển cho trò, cứ như vậy từ thế hệ này qua thế hệ khác, suốt hai trăm năm đến thời đại vua A'soka thì khẩu truyền kinh điển Nguyên thủy mới hoàn chỉnh.

Bấy giờ các đệ tử của Phật có nhiều sắc dân khác nhau, nên lúc còn tại thế, Đức Thế Tôn thuyết pháp bằng nhiều loại thổ ngữ. Và ngôn ngữ được Ngài sử dụng nhiều nhất là Magādhī, vì đây là sắc dân chính và đa số là đệ tử của Ngài.

Do đó, trong các hội nghị kết tập kinh điển một, hai và ba, phần nhiều đều sử dụng ngôn ngữ Magādhī để kết tập.

Nên, bước đầu truyền bá và khẩu dịch kinh điển, Tăng đoàn phần nhiều sử dụng ngôn ngữ Magādhī này.

Như vậy, kinh điển Nguyên thủy khởi đầu bằng tiếng Magadhī vào thời đại vua A Dục và hoàn chỉnh bằng truyền tụng mà không phải bằng văn bản.

Kinh tạng này truyền đến xứ Avanti (A Bàn Đề), trên bờ phía bắc sông Narmada, thì tại đây hai loại ngôn ngữ Magādhī và Avanti đã phối hợp với nhau tạo thành ngôn ngữ Pāli phối thai. Và kinh điển Nguyên thủy bằng Magādhī đã được dịch ra bằng tiếng Pāli phối thai này tại xứ Ujjayini (Ô Xa Diễn Ni), thủ phủ của Avanti (A Bàn Đề).

Từ Avanti, Ngài Mahinda - hoàng tử của vua A Dục là học trò của Ngài Ca Chiên Diên mang tạng kinh khẩu dịch bằng Pāli phối thai này đi thuyền dọc theo vịnh Oman đến truyền bá tại Tích Lan.

Và cũng từ thủ phủ Ujjayini của xứ Avanti, kinh tạng khẩu truyền bằng tiếng Magādhī lại được truyền lên phương Bắc, tiếp giáp với Ngũ Hà nơi thổ ngữ Prakrit, đây là loại thổ ngữ cổ của Sanskrit.

Tại vùng Ngũ Hà này, một số kinh điển được dịch ra bằng tiếng Prakrit. Ngày nay, các nhà khảo cổ học, sử học đã phát hiện ra nhiều bản kinh nguyên thủy được ghi lại bằng ngôn ngữ này trên lá bói.

Lại nữa, kinh tạng Nguyên thủy bằng ngôn ngữ Magādhī lại truyền tụng đến vùng Kashmir, là nơi quê hương của cổ ngữ Veda (Vệ Đà). Phái Hữu bộ đã lập căn cứ hoằng pháp tại đây vào thời vua A Dục, khoảng thế kỷ thứ III trước Tây lịch.

Tại Kashmir, tiếng Sanskrit cổ đã được gạn lọc và chuyển hóa thành loại Sanskrit thuần. Các Tăng sĩ đã sử dụng loại Sanskrit thuần này để phiên dịch và san định lại kinh điển, gọi là Agāma (kinh Tạng A Hàm).

Tuy nhiên, hiện nay các nhà sử học và khảo cổ học cũng đã phát hiện ra nhiều bản kinh tạng nguyên thủy bằng tiếng Sanskrit tạp chủng.

Còn tạng kinh nguyên thủy Pāli, tuy đã được truyền thừa từ xứ Avanti đến Tích Lan bởi Ngài Mahinda thời vua A Dục, nhưng phải đến thời Ngài Buddhaghōṣa (Phật Âm) ra đời vào khoảng thế kỷ thứ 5, Tây lịch mới san định bằng văn bản Pāli hoàn chỉnh và mệnh danh là Nikāya.

Kể từ cuộc kết tập kinh điển lần thứ hai, sau Phật diệt độ khoảng 140 năm, giáo đoàn bắt đầu phân phái thành hai.

Một là, Thượng tọa bộ (Sthavira), có khuynh hướng duy trì truyền thống.

Hai là, Đại chúng bộ (Mahāsamghika) có khuynh hướng canh tân.

Từ khi bị phân hóa kể từ lần kết tập thứ hai đến 300 năm sau, trong khoảng thời gian này, từ hai bộ phái đã phát triển lên đến 18 bộ phái, hoặc 20 bộ phái hay 24 bộ phái.

Theo tác phẩm Samayabhedopura-caracakra (Dị Bộ Tôn Luân Luận) của Ngài Vasumitra (Thế Hữu) là vị làm Thượng thủ trong lần kết tập kinh điển thứ tư của triều đại vua Kaniska, thì Phật giáo phân chia có 18 bộ phái.

Và theo tác phẩm Dipavamsa của Nam truyền thì Phật giáo có đến 24 bộ phái.

Đương nhiên, trong quá trình phát triển các bộ phái, thì mỗi bộ phái đều tìm đủ mọi cách để san định, phiên dịch, chú giải kinh, luật, luận, nhằm phát triển quan điểm của bộ phái mình.

Như vậy, xã hội Ấn Độ vào thời kỳ các bộ phái Phật giáo đua nhau phát triển, cũng là thời kỳ đạo Phật bị phân hóa nghiêm trọng, tạo ra cho xã hội nhiều sắc thái Phật giáo khác nhau, nó gây ảnh hưởng đến xã hội, khiến cho tiềm năng của xã hội bị phân lỵ.

Thời Phật còn tại thế, xã hội Ấn Độ có đến 62 luận thuyết, và hơn 90 tín ngưỡng tôn giáo sinh hoạt, chúng đã tạo ra những phân lỵ về đời sống tâm linh, dẫn đến sự phân hóa giai cấp trong xã hội, khiến cho những sinh hoạt xã hội Ấn Độ bấy giờ trở thành co cụm lại, mất đoàn kết giữa các đẳng cấp xã hội.

Và ngay ở trong Tăng đoàn thời Phật, cũng đã có lần bị phân hóa bởi chủ trương của Đề Bà Đạt Đa.

Đề Bà Đạt Đa đã liên kết với vua A Xà Thế với ý đồ lãnh đạo Tăng đoàn, nhằm muốn thay thế vai trò của Phật, ông đã đưa ra năm luận điểm tương tợ với lời Đức Phật dạy, nhưng cực đoan, khiến chệch hướng Thánh đạo.

Năm luận điểm ấy là:

1. Tỷ khuru phải suốt đời mang y phẩn tảo, tức là lượm giẻ rách người ta vứt bỏ mà làm y, tuyệt đối không nhận vải hay y của tín đồ cúng dường.
2. Tỷ khuru suốt đời khát thực, chứ không được thọ thỉnh cúng dường của tín đồ.
3. Tỷ khuru suốt đời phải sống trong rừng, tuyệt đối không được đến các tụ lạc.
4. Tỷ khuru suốt đời phải ngủ dưới gốc cây, tuyệt đối không được ngủ trong nhà.
5. Tỷ khuru suốt đời không được ăn thịt, dù là ăn ba thứ tịnh nhục.

Với những luận điểm cực đoan này của Đề Bà Đạt Đa đã bị Đức Phật bác bỏ, vì nó không thích ứng với đời sống Trung đạo.

Do đó, Đề Bà Đạt Đa đã liên kết với vua A Xà Thế để chống báng Phật, gây phân hóa và chia rẽ Tăng đoàn.

Và mỗi khi Tăng đoàn đã bị phân hóa thì quần chúng trong xã hội cũng bị mất niềm tin và chia rẽ trầm trọng.

Đây cũng là một trong những lý do khiến Đức Phật phải giảng dạy giáo lý Pháp Hoa để thống nhất mọi khuynh hướng tu tập của các hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia thời Phật, làm tiền đề để dẫn đến thống nhất mọi khuynh hướng xã hội.

Đối với Phật giáo, chỉ có Pháp Vương là Phật. Phật là điểm đồng quy từ mọi khuynh hướng tu học của các hàng đệ tử.

Nên, ở các kinh điển, Đức Phật thường dạy: Biển có một mùi vị duy nhất là mặn, cũng vậy Pháp của Như Lai chỉ có một mùi vị duy nhất là giải thoát.

Ở mặt xã hội, các kinh điển A Hàm và Nikāya có đưa ra hình ảnh của vị Chuyển Luân Thánh Vương, vị vua này có khả năng thống nhất bốn châu thiên hạ, đặt sự an bình của thiên hạ trên nền tảng của chánh pháp và đạo đức căn bản của xã hội là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nên, Thập Thiện Nghiệp Đạo là điểm đồng quy đạo đức của tất cả những vị Chuyển Luân Thánh Vương bình trị tứ châu thiên hạ dưới bất cứ thời đại nào.

Cũng vậy, kinh Pháp Hoa đóng vai trò thống nhất chánh pháp thời Phật, không những làm điểm đồng quy cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát mà còn làm chỗ đồng quy cho cả Nhân thừa và Thiên thừa nữa.

Nghĩa là Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa đều có mặt ở nơi Nhất thừa để chuyển tải đến Phật địa.

Nên, kinh Pháp Hoa đóng vai trò then chốt trong việc thống nhất chánh pháp thời Phật và sau khi Phật nhập diệt. Phẩm Phương Tiện và phẩm Như Lai Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa cho ta thấy rõ điểm này.

Các nhà nghiên cứu Phật học Pháp Hoa như Winternitz hoặc Vaidya căn cứ vào một số dịch bản Pháp Hoa của Hán tạng, và những trích dẫn Pháp Hoa ở trong Đại Trí Độ Luận của Ngài Long Thọ để đưa ra sự đoán chừng niên đại hình thành văn bản kinh Pháp Hoa khoảng thế kỷ đầu Tây lịch hoặc muộn lắm là khoảng năm 150 sau Tây lịch.⁶

Burton Watson ở trong lời giới thiệu của The Lotus Sutra, dịch phẩm của ông bằng Anh ngữ từ bản Hán của Ngài La Thập, cũng nói rằng, không thể biết kinh Pháp Hoa được hình thành bằng văn bản ở đâu và lúc nào, nhưng chắc chắn phải trước năm 255 sau Tây lịch.⁷

Tuy nhiên, ta nên biết rằng, từ sự hình thành Pháp Hoa khẩu truyền cho đến hình thành Pháp Hoa văn bản hoàn chỉnh cũng phải mất hết vài ba thế kỷ.

Nên, nếu văn bản Pháp Hoa hình thành từ thế kỷ đầu Tây lịch, thì Pháp Hoa khẩu truyền hoàn chỉnh phải xuất hiện muộn lắm phải vào thời kỳ A'soka, nghĩa là khoảng thế kỷ thứ ba trước Tây lịch.

Như vậy, ở Ấn Độ kinh Pháp Hoa đã đóng vai trò thống hợp giáo lý của Phật về một điểm cho tất cả các bộ phái. Điểm ấy chính là Phật Thừa. Và vì vậy, kinh Pháp Hoa làm chủ đạo cho việc thống nhất Phật giáo.

Pháp Hoa khẩu truyền và Pháp Hoa văn bản hình thành để đáp ứng nhu cầu ấy, nhằm đưa Phật giáo bộ phái trở về lại với nguồn gốc chính thống của chính nó.

Sự có mặt của Phật và tuệ giác vô thượng của Ngài, không có một trường phái nào có thể phủ nhận, nên phải lấy Phật làm gốc. Bồ Phật là bồ gốc. Bồ Phật là bồ đại nguyện độ sinh, để thỏa mãn những nhu cầu giải thoát riêng tư thì phải nghèo nàn; do nghèo nàn hiểu biết và nghèo nàn vật chất mà sinh ra tranh chấp; do tranh chấp mà bị phân hóa, dẫn đến chia rẽ tôn giáo và xã hội.

Bởi vậy, kinh Pháp Hoa không những đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền Phật giáo thống nhất và không những trong thời đại của Phật mà ngay cả những thời kỳ sau khi Phật Niết Bàn.

Kinh Pháp Hoa với vai trò quan trọng như vậy, nên nhất định phải ảnh hưởng đến những vị Luận sư vĩ đại của Ấn Độ như Ngài Mã Minh, Long Thọ vào những thế kỷ đầu, sau Tây lịch; Vô Trước và Thế Thân, khoảng thế kỷ thứ tư, sau Tây lịch.

Ngài Long Thọ đã trích dẫn kinh Pháp Hoa để làm luận chứng cho tác phẩm Đại Trí Độ Luận của mình và Ngài Thế Thân đã giảng luận Pháp Hoa qua tác phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Ba Đề Xá, tác phẩm này đã được Lạc Na Ma Đề và Tăng Lăng dịch sang Hán văn đời Nguyên Ngụy và Bồ Đề Lưu Chi, Đàm Lâm dịch sang Hán văn vào thời đại Hậu Ngụy.⁸

Ngày nay, các nhà nghiên cứu Phật học Ấn Độ phần nhiều dựa vào các kinh bản đã được tuyển dịch bằng Pāli của Phật giáo Tích Lan, Hán bản của Phật giáo Trung Hoa, Tạng bản của Phật giáo Tây Tạng và một ít văn bản Sanskrit, hoặc Prakrit phát hiện được ở vùng Karmir hoặc Népal, trên các trụ đá hoặc lá bối, nên khó định vị được nguyên trạng và chính xác những gì của Phật giáo Ấn Độ thời Phật tại thế và suốt cả chiều dài lịch sử mười mấy thế kỷ của Phật giáo Ấn Độ tiếp diễn sau đó.

Bởi lẽ, thế kỷ XIII, Ấn Độ đã bị xâm lăng từ Ba Tư khiến tôn giáo bản địa bị quét sạch bởi thế lực sắc máu của tôn giáo thực dân.

Phật giáo gần như bị tuyệt chủng tại Ấn Độ, chùa chiền, tu viện, kinh sách bị đập phá, thiêu hủy toàn bộ, vắng bóng trên đất Ấn đến bảy trăm năm.

Và lại nữa, Phật giáo Ấn Độ cũng bị kỳ thị bởi Bà la môn giáo. Chính những bi kịch lịch sử chính trị và tôn giáo này, khiến cho chúng ta ngày nay khó mà nhận ra nguyên trạng kinh điển Phật giáo của Ấn Độ thời Phật.

Và cũng vì vậy, khi các nhà Phật học nghiên cứu kinh Pháp Hoa đưa ra những câu hỏi rằng: Hội đồng phiên dịch kinh Pháp Hoa ở Ấn Độ bằng khẩu truyền và văn bản gồm những ai và sự kiện ấy xảy ra lúc nào, do ai chủ xướng? Đây là những câu hỏi mà không bao giờ có câu trả lời chính xác.

Nhưng, căn cứ vào kinh bản Pháp Hoa, ta đã biết một cách chắc chắn rằng, tạo thành văn bản Pháp Hoa không ai khác hơn, chính là những vị phân thân của Phật Thích Ca dưới hình thức chư Tổ.

Trung Quốc

Phật giáo truyền đến Trung Quốc có bảy thuyết, trong đó thuyết khẩu truyền Phật giáo của Y Tồn cho rằng, niên hiệu Nguyên Thọ năm thứ nhất của thế kỷ thứ II trước Tây lịch, đời vua Ai Đế nhà Tiền Hán, có Y Tồn sứ giả nước Đại Nhục Chi, đem đạo Phật truyền miệng cho Trần Cảnh Hiên.⁹

Và thuyết, niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 10 (67 T.L), đời vua Minh Đế nhà Hậu Hán, cho rằng:

Vua Hán Minh Đế năm mộng thấy người vàng có hào quang rực rỡ, tới từ phương Tây (Ấn Độ) làm sáng rõ cả cung đình. Vì vậy, vua đoán biết có Phật giáo ở Ấn Độ, liền sai các tướng Thái Hâm, Vương Tuân, Tàn Cảnh, phái đoàn gồm có 18 người sang Tây Vực (Ấn Độ) để thỉnh tượng Phật.

Phái đoàn trên đường đi Ấn Độ, nửa đường gặp Ngài Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đang chở kinh tượng đi về phía Đông, phái đoàn liền cung thỉnh hai Ngài đến Trung Quốc.

Bấy giờ vua Minh Đế rất mừng, liền chiếu sắc dựng chùa Bạch Mã để thờ Phật và làm nơi phiên dịch kinh điển cho hai Ngài.¹⁰

Hai thuyết này được nhiều nhà Phật học công nhận tính tương đối chính xác so với năm thuyết kia.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương¹¹ được hai Ngài Ca Diếp Ma Đằng (Kāśyapamātangā) và Trúc Pháp Lan (Dharmarakṣa) phiên dịch và lưu truyền sớm nhất tại Trung Quốc.

Các từ ngữ A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật đã được các Ngài chuyển tải ở trong kinh này.

Lại nữa, kinh này đã sử dụng các từ ngữ như Vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng, để diễn tả Pháp thân Phật, Phật thể hay Phật tính.

Như vậy, ta thấy giáo lý Đại thừa đã đến với Phật giáo Trung Hoa rất sớm. Nhất là giáo lý Phật tính hay Phật pháp thân.

Lại nữa, bản kinh Tứ Tập Nhị Chương là bản kinh có gạn lọc để tuyển dịch, nên nó bao quát hết thấy các giáo lý từ Nguyên thủy đến Đại thừa, và từ Nhân thừa đến Phật thừa, do đó nếu ta nghiên cứu và phân tích kỹ càng hơn thì giáo nghĩa kinh Pháp Hoa cũng đã hàm chứa ở trong bản kinh này.

Và theo thuyết khẩu truyền của Y Tồn, ta cũng có thể suy đoán rằng, các câu chuyện như: “ba cõi là nhà lửa, hóa thành dụ, hạt minh châu trong chéوáo,...” của kinh Pháp Hoa có thể đã được khẩu truyền đến Trung Hoa trước bản dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương một vài thế kỷ, nghĩa là trước kỷ nguyên Tây lịch.

Bởi lẽ, cách đây hơn hai ngàn năm, việc hình thành một văn bản và văn bản ấy phổ cập đến mọi thành phần xã hội không đơn giản chút nào, nên việc khẩu truyền là phương tiện chuyển đạt đến mọi người rất nhanh chóng.

Do đó, tôi nghĩ rằng, khẩu truyền về kinh điển Đại thừa, trong đó có kinh Pháp Hoa truyền đến Trung Hoa trước cả kinh Tứ Thập Nhị Chương là điều mà chúng ta có thể tin được.

Kinh Pháp Hoa dịch từ Phạn sang Hán có năm bản:

1. Pháp Hoa Tam muội: Sáu cuốn, do Chi Cương Lương Tiếp dịch năm 258, tại Giao châu. Bản dịch này hiện nay không còn.

2. Tát-đàm-phân-đà-ly kinh: Phiên âm từ chữ Saddharmapu□□arikasūtra. Bản này không ghi tên người dịch, hiện có trong Đại chính 9, tr 197, số ký hiệu 265.

3. Chánh Pháp Hoa kinh: Mười cuốn, Trúc Pháp Hộ dịch vào thời Tây Tấn, năm 286. Bản dịch này hiện có ở trong Đại chính 9, tr 63, số ký hiệu 263.

4. Diệu Pháp Liên Hoa kinh: Bảy cuốn, do Cưu Ma la Thập dịch, vào thời Diêu Tần, năm 404, hiện có ở trong Đại chính 9, tr 1, số ký hiệu 262.

5. Phật Thuyết Pháp Hoa Tam Muội Kinh: Một cuốn, do Trí Nghiêm dịch, vào thời Lưu Tống (420-479), hiện có ở Đại Chính 9, tr 285, số ký hiệu 269.

6. Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh: Bảy cuốn, do Xà Na Quật Đa và Cấp Đa dịch, vào đời Tùy, năm 601, hiện có ở trong Đại chính 9, tr 134, số ký hiệu 264.

Trong các dịch bản ấy, bản dịch của Ngài La Thập, được lưu truyền rộng rãi và thường được các Nhà Phật học Pháp Hoa dựa vào để chú giải.

Trong lịch sử phát triển kinh Pháp Hoa tại Trung Hoa, vào đời Tùy, năm 538 Tây lịch có Trí Khải đại sư, đã làm ba bộ luận để chú giải kinh Pháp Hoa gồm:

1. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa: Nói về nghĩa lý mâu nhiệm của kinh Pháp Hoa. Hai mươi cuốn, hiện có ở trong Đại chính 33, tr 681, số ký hiệu 1716.

2. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú: Giải thích từng câu từng chữ của kinh Pháp Hoa. Hai mươi cuốn, hiện có ở trong Đại chính 34, tr 1, số ký hiệu 1718.

3. Ma Ha Chỉ Quán: Nói về pháp Chỉ và Quán theo kinh Pháp Hoa, hai mươi cuốn, hiện có ở Đại Chính 46, tr 301, số ký hiệu 1911.

Ngài Trí Khải đã thành lập Pháp Hoa Tông, lấy kinh Pháp Hoa làm tông chỉ cho sự tu tập và hành đạo. Bấy giờ Tông phái này có ảnh hưởng rất lớn tại Trung Hoa.

Ngoài Trí Khải ra, ở Trung Hoa cũng đã có rất nhiều Nhà Phật học chú giải kinh Pháp Hoa như:

1. Pháp Vân, đời Lương, soạn Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký, tám cuốn, hiện có ở Đại Chính 33, tr 572, số ký hiệu 1715.

2. Tràm Nhiên, đời Đường, thuật Pháp Hoa Huyền Nghĩa Thích Thiêm, hai mươi cuốn, hiện có ở Đại Chính 33, tr 815, số ký hiệu 1717.

3. Tràm Nhiên, đời Đường, thuật Pháp Hoa Văn Cú Ký, ba mươi cuốn, hiện có ở Đại Chính 34, tr 157, số ký hiệu 1719.

4. Cát Tạng, đời Tùy, soạn Pháp Hoa Huyền Luận, mười cuốn, hiện có ở Đại Chính 34, tr 361, số ký hiệu 1720; soạn Pháp Hoa Nghĩa Sớ, mười hai cuốn, hiện có ở Đại Chính 34, tr 451, số ký hiệu 1721; và tạo Pháp Hoa Du Ý, một cuốn, hiện có ở Đại Chính 34, tr 633, số ký hiệu 1722.

5. Khuy Cơ, đời Đường, soạn Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán, hai mươi cuốn, hiện có ở Đại Chính 34, tr 651, số ký hiệu 1723.

6. Tuệ Chiếu, đời Đường, soạn Pháp Hoa Huyền Tán Nghĩa Quyết, một cuốn, hiện có ở Đại Chính 34, tr 854, số ký hiệu 1724.

7. Nguyên Hiểu, Tân La, soạn Pháp Hoa Tông Yếu, một cuốn, hiện có ở Đại Chính 34, tr 870, số ký hiệu 1725.

Kinh Pháp Hoa đã ảnh hưởng rất nhiều trong đời sống tâm linh, đạo đức, tín ngưỡng và văn hóa Trung Hoa, và còn rất nhiều bản chú, giải và sớ kinh Pháp Hoa của những Pháp sư và học giả Trung Hoa ở trong các thời kỳ Minh, Thanh và cận đại nữa.

Vào thời cận đại, Ngài Thái Hư Đại Sư đã viết Kinh Pháp Hoa giảng lục, và hiện nay tại Pháp Cổ Sơn, trung tâm tu học của Tăng Ni Phật tử Trung Hoa Đài Bắc, do Ngài Thánh Nghiêm xây dựng năm 1992, trên ngọn núi Kim Sơn, có một đại hồng chung bằng đồng 25 tấn, cao 4,5m đường kính rộng 2,6m đã khắc đầy đủ 28 phẩm kinh Pháp Hoa bằng chữ Hán.

Điều này chứng tỏ rằng, kinh Pháp Hoa đã ảnh hưởng đến đời sống của người dân Trung Hoa suốt cả chiều dài lịch sử truyền bá của nó cho đến ngày nay.

Nhật Bản

Nhật Bản kể từ thế kỷ thứ ba đến thế kỷ thứ bảy sau Tây lịch là thời kỳ phát triển thành một quốc gia thống nhất, phát triển về văn hóa và có một nhà nước tương đối hoàn chỉnh ra đời. Phật giáo chính thức truyền vào Nhật Bản từ thế kỷ thứ sáu Tây lịch.

Thánh Đức Thái Tử (Shòtoku Taishi 574- 622) nhiếp chính Nhật Bản là vị hộ pháp đặc lực đối với chánh pháp. Năm 577, Kinh Pháp Hoa bản dịch của Ngài La Thập, truyền đến Naniwa, nay là Osaka ở Nhật bản.

Năm 614, Thánh Đức Thái Tử giảng kinh Pháp Hoa cho Vương triều và biên soạn Pháp Hoa Nghĩa Sớ (Hokke-gisho), đây là bản kinh Pháp Hoa Nghĩa Sớ xưa nhất của Nhật Bản, hiện có bốn cuốn, ở trong Đại Chính 56, tr 64, số ký hiệu 2187.

Thánh Đức Thái Tử đã ban hành Hiến Pháp Thất Thập điều, dựa vào giáo nghĩa của kinh Pháp hoa. Kinh Pháp Hoa làm tư tưởng chủ yếu cho Hiến Pháp Thất Thập Điều của Nhật Bản và từ Hiến Pháp này, Thánh Đức Thái Tử đã soạn bộ luật đầu tiên cho Nhật bản. Kinh Pháp hoa và tinh thần luật do Thánh Đức Thái tử soạn hiện nay vẫn còn ảnh hưởng trong cách sinh hoạt của nhân dân Nhật.

Những cao tăng Nhật Bản như Minh Nhất, đã biên soạn Pháp Hoa Lược Sao, một cuốn, hiện có ở trong Đại Chính 56, tr 129, số ký hiệu 2188. Trung Toán?, đã biên soạn Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thích Văn, ba cuốn, hiện có ở trong Đại Chính 56, tr 144, số ký hiệu 2189. Không Hải, biên soạn Pháp Hoa Kinh Khai Đề, một cuốn, hiện có ở trong Đại Chính 56, tr 172, số ký hiệu 2190. Giác Khâm? biên soạn Pháp Hoa Kinh Bí Thích, một cuốn, hiện có ở Đại Chính 56, tr 184, số ký hiệu 2191. Viên Trân, biên soạn Nhập Chân Ngôn Môn Trú Như Lai Thật Kiến Giảng Diễn Pháp Hoa Lược Nghi, hai cuốn, hiện có ở Đại Chính 56, tr 189, số ký hiệu 2192.

Kinh Pháp Hoa không những chỉ được các bậc cao tăng Nhật Bản biên chép dịch thuật, trước tác mà còn diễn giảng và tạo thành những tông chỉ cho những tông phái Phật giáo tại Nhật Bản nữa.

Đại Sư Tối Trừng (Saichō 767-822), là vị lập Thiên Thai Tông đầu tiên ở Nhật Bản. Năm hai mươi tuổi, Tối Trừng đến Nara học giáo lý Thiên Thai mà nhất là ba tác phẩm của Trí Khải tổ thứ ba của Thiên Thai Tông Trung Hoa (Tổ thứ nhất của Thiên Thai Tông Trung Hoa là Huệ Văn (505-577); Tổ thứ hai là Huệ Tư “514-577”), với những Phật học Nhật Bản bấy giờ. Sau đó Tối Trừng sang Trung Hoa theo học Thiên Thai Tông với Đạo Toại, Chân Ngôn tông với Thuận Giáo và Thiền Tông với Tu Nhiên.

Sau một năm Tối Trừng về lại Nhật Bản, lập Thiên Thai Tông Nhật Bản và giảng kinh Pháp Hoa. Không những vậy, Tối Trừng còn lập Chân Ngôn Mật Giáo, Thiền Tông và Luật Tông. Trung tâm giảng dạy của Tối Trừng là ở núi Hiei (Tỳ Duệ) là Trung Tâm giáo dục lớn nhất của Phật giáo Nhật bản bấy giờ.

Đại Sư Nhật Liên (Nichiren 1222- 1282), sinh năm 1222, xuất thân trong một gia đình ngư phủ ở Kaminato, awa (An phòng Tiểu ấu), ở miền nam duyên hải nước Nhật. Lớn lên 15 tuổi được gởi đến Thanh Tùng (Kiyozumi), một Tu viện gần nhà để hành điệu.

Trong thời gian hành điệu, sự thắc mắc lớn nhất của Nichiren là “Thế nào là sự thật mà đức Phật đã giảng dạy?”. Sự thắc mắc ấy của Ngài không được giải quyết thỏa đáng ở Thanh Tùng. Nichiren tìm đến Kiếm Thương và học đạo ở núi Tỳ Duệ, Nichiren liễu ngộ được kinh Pháp Hoa, theo cách nhìn của Thiên Thai Tông và Nichiren tuyên bố: “Pháp Hoa là pháp duy nhất cứu độ chúng sanh ra khỏi thời đại suy đồi”. Sự hành trì theo Pháp Hoa là luôn luôn trì tụng đề kinh Pháp Hoa đừng đề gián đoạn. Theo Nichiren, đề kinh Pháp Hoa bao gồm đầy đủ cả lý nghĩa và hành sự của Pháp Hoa, nên chỉ cần niệm “Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, bất cứ lúc nào và ở đâu là toàn thể kinh Pháp Hoa đều có mặt. Theo Nichiren, kinh Pháp Hoa là thông điệp chân thật sau cùng của đức Phật. Nichiren đã diễn giảng Pháp Hoa với tinh thần mới và thành lập Pháp Hoa Tông mới, để truyền bá tinh thần Pháp Hoa theo cách nhìn của ông, người ta gọi Tông phái Pháp Hoa mới của ông là Nhật Liên Tông để gắn liền với tên ông. Ông cũng đã bị chống đối rất nhiều và cũng đã gặp nhiều khó trên con đường hoằng pháp và mất tại Ikegami, gần Tokyo, năm 1282.

Tinh thần truyền bá Pháp Hoa ở Nhật Bản theo Nhật Liên Tông được tiếp tục một thời gian bởi các đệ tử của ông, nhưng sau đó lại bị phân hóa và lu mờ trên đất Nhật. Tuy vậy, Nhật Liên Tông vẫn còn duy trì trên đất Nhật cho đến ngày nay.

Vào thời cận đại và hiện đại, các Nhà học giả Nhật Bản như: Susuki, cũng đã nghiên cứu kinh Pháp Hoa và đã trình bày kinh này ở trong tác phẩm Thiền luận của ông; Junjiro Takakusu cũng đã nghiên cứu kinh Pháp Hoa và đã trình bày kinh Pháp Hoa trong tác phẩm The Essentials of Buddhism Philosophy nghiên cứu của ông và đã được Đại học Hawaii, Honolulu xuất bản đầu tiên năm 1947 và tái bản vào những năm 1949, 1956; Nikkyo Niwano ông đã nghiên cứu ba bộ kinh Pháp Hoa, gồm Kinh Vô lượng nghĩa (Muryōgi-kyō), Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Myōhō Renge-kyō) và Kinh Quán Bồ Tát Phổ Hiền Hạnh Pháp (Kan-fugen-bōsutsugyōbō-kyō), dưới cách nhìn mới và tác phẩm nghiên cứu của ông đã được Kōjiro Miyasaka dịch ra tiếng Anh với tên là Buddhism For Today.

Ba bộ kinh Pháp Hoa này, là bản dịch của Bunnō Katō, Yoshirō Tamura và Kōjorō Miyasaka, với sự hiệu đính của W.E. Soothill, Wilhem Schiffer, Pier P. Del Campana và Risshō Kōsei Kai vào các năm 1971, 1974, 1975 và do Kōsei Publishing Company, Tokyo xuất bản 1975.

Kinh Pháp Hoa được dịch ra tiếng Nhật hiện nay có ít nhất là năm bản:

·Phạn Hán Đối Chiếu Tân Dịch Pháp Hoa kinh:

Do Hàn Lâm Đại Học Sĩ Nanjoo dịch bằng sự đối chiếu giữa Hán và Phạn vào năm 1913.

·Phạn Bản Hòa Dịch Pháp Hoa Kinh:

Do hai giáo sư Sakamoto và Iwamoto dịch từ bản Phạn ngữ Népal và nguyên bản của Kimarajiva.

·Phạn Tạng Truyền Dịch Quốc Dịch Pháp Hoa Kinh:

Do giáo sư Kawaguchi so sánh bản tiếng Phạn và bản Tây Tạng mà dịch sang Nhật ngữ.

·Hòa Dịch Pháp Hoa Kinh:

Do giáo sư Yamagawa kê cứu các Hán bản mà dịch sang Nhật ngữ.

·Hán Hòa Đối Chiếu Diệu Pháp Liên Hoa Kinh:

Do giáo sư Shimachi và một số học giả khác so sánh và kê cứu các bản kinh đang lưu hành để giám định lại kinh Pháp hoa Nhật ngữ.

Như vậy, kinh Pháp Hoa có mặt ở Nhật bản vào thế kỷ sáu đã tạo ra một nguồn sinh lực lớn cho những sinh hoạt tín ngưỡng, đạo đức, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục và chính trị, góp phần rất lớn vào những văn minh nước Nhật ngày nay.

Việt Nam

Bản Pháp Hoa Tam Muội Kinh là bản kinh do Đạo Hình - Cương Lương Lôu Tiếp dịch sang Hán tại Giao Chỉ, năm 258 và lưu truyền tại Việt Nam sớm nhất, nhưng văn bản của kinh đã bị thất lạc.

Các dịch bản Kinh Pháp Hoa khác, cũng đã truyền đến Việt Nam muộn lắm là khoảng 450 TL, vì trong lá thư Đạo Cao gửi cho Lý Miểu có trưng dẫn kinh Pháp Hoa bàn về sự có mặt của Đức Phật tại Linh Sơn khoảng trong thời gian này.

Đọc các tác phẩm văn học Lý Trần về mặt Phật học hiện có, ta thấy giáo lý Bát Nhã và Kim Cang có ảnh hưởng rất lớn đối với những tác phẩm này hơn kinh Pháp Hoa.

Tuy vậy, nhưng đọc tháp bia Sùng Thiện – Diên Linh của chùa núi Long Đội (nay thuộc xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà, tháp bia này hiện nay vẫn còn), của vua Lý Nhân Tông (1072 – 1128), ta thấy văn bia có nhắc đến Thí dụ người cùng tử quên ngọc minh châu trong ché áo của kinh Pháp Hoa, với văn phong: “Y trung vong bảo nhi bất tự tri = quên mất châu báu ở trong ché áo mà không tự biết”.

Ví dụ này là nằm ở phẩm Thọ Ký năm trăm đệ tử của kinh Pháp Hoa, ở phẩm này đức Phật dùng ví dụ quên hạt minh châu trong ché áo là để dụ rằng: “Người tu tập quên mất đại nguyện Đại thừa, thì nghèo nàn phước đức và trí tuệ, nếu nhớ lại đại nguyện Đại thừa thì tức khắc trở nên giàu có”. Cũng vậy, viên ngọc minh châu vốn nằm trong ché áo của kẻ cùng tử, do quên viên ngọc trong ché áo mà nghèo cùng, nếu có người nhắc nhở, chỉ bày liền nhớ lại là tức khắc giàu có và có thể tùy nghi lấy dùng.

Vua Lý Nhân Tông đã nhắc lại Thí dụ này ở trong văn bia Tháp Sùng Thiện – Diên linh, chứng tỏ rằng, kinh Pháp Hoa vào Triều Lý đã được các vua am

hiếu, hành trì và đã có ảnh hưởng nhất định trong hành xử đối với việc trị nước an dân.

Và đọc Tham đồ hiển quyết của Thiền sư Viên Chiếu (999 – 1091) đời Lý, ta thấy câu chuyện Long nữ hiến châu ở phẩm Đề bà đạt đa của kinh Pháp Hoa, đã được một vị Tăng hỏi Viên Chiếu rằng:

“Long nữ hiến châu thành phật quả
Đàn na xả thí phúc như hà?”.

Nghĩa là:

“Long nữ hiến châu thành quả Phật,
Phước người bố thí như thế nào?”.

Thiền sư Viên Chiếu trả lời:

“Vạn cổ nguyệt trung quế
Phò sơ tại nhất luân”.

Nghĩa là:

“Cây quế vạn đời ở trong trăng
Hiếu thấu giúp nhau tại một vòng”.

Cách trả lời của Thiền sư Viên Chiếu đối với vị Tăng là cách trả lời mang tính Thiền học hơn là Giáo học. Việc hiến châu của Long nữ để thành Phật, chẳng khác nào cây quế vạn đời ở trong trăng. Quế ở trong trăng cũng như chúng sanh vốn ở trong Phật tính vậy. Trăng và ảnh tượng của trăng hay vành trăng tuy là hai, nhưng chính là một vậy. Nên, Viên Chiếu nói: “Phò sơ tại nhất luân = Hiếu thấu giúp nhau tại một vòng”. Do đó, phước đức trong việc hiến châu của Long nữ và phước đức của người bố thí đồng thể với nhau về tâm xả và đồng với một mục đích như nhau là thành Phật, tức là chứng nhập Phật tính.

Như vậy, ta chưa tìm ra, bản chú giải nào của kinh Pháp Hoa ở triều Lý, nhưng giáo lý Pháp Hoa đã có ảnh hưởng nhất định đối với nền Phật học đời Lý như ta đã thấy ở văn bia tháp Sùng thiện – Diên linh, chùa núi Long Đồi của vua Lý Nhân Tông và Tham đồ hiển quyết của Thiền sư Viên Chiếu.

Đọc bài thơ thị tịch của Ngô Ấn Thiền sư (1020 -1088) đời Lý, ta thấy bản thể tịch diệt của kinh Pháp Hoa được Thiền sư khai thị qua bài kệ bốn câu như sau:

“Điều tính hư vô bất khả phan
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan.
Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận
Liên phát lô trung thấp vị can”.

Nghĩa là:

“Bản tính nhiệm màu rỗng lặng không thể vin vào.
Tâm giác ngộ được thể tính rỗng lặng khó làm sao?
Trên núi viên ngọc bị thiêu đốt mà màu sắc vẫn tươi thắm;
Hoa sen nở ra trong lò lửa mà chưa hề bị khô héo”.

Đôi với Ngô Ấn Thiền sư, hoa sen không phải nở ra trong bùn mà nở ra trong lò lửa. Lò lửa ấy là chỉ cho ba cõi mà kinh Pháp Hoa gọi là “tam giới do như hỏa trạch”. Chúng sanh ở trong ba cõi ngày đêm bị lửa phiền não đốt cháy, nhưng một người có hạnh nguyện Đại thừa hay hạnh nguyện Pháp Hoa, thể nhập được bản thể vắng lặng xưa nay của vạn hữu, cho dù vị ấy đang ở trong lửa sinh tử, vẫn không bị lửa ấy đốt cháy mà chính lửa ấy lại làm cho hạnh nguyện Đại thừa, hạnh nguyện Pháp Hoa càng thêm kiên cố, càng thêm sáng chói, tươi nhuận, bất khả hoại.

Như vậy, ở đời Lý, dù ta chưa tìm thấy có một tác phẩm chú giải nào về kinh Pháp Hoa, nhưng qua một số thi ca hiện còn của các Thiền sư, ta thấy về mặt chứng ngộ, quý vị đã xâm nhập bản môn của kinh này một cách sâu sắc và đầy thi vị.

Ở đời Trần, Thí dụ Nhà Lửa của kinh Pháp Hoa đã được vua Trần Thái Tông nêu lên ở trong Khuyến Phát Tâm văn như sau:

“Ái hà xuất một kỷ thời hư
Hỏa trạch ưu tiên hà nhật liễu”.

Nghĩa là:

“Sông ái nổi trôi bao giờ hết
Đốt thiêu nhà lửa ngày nào xong?”.

Ví dụ Nhà Lửa của kinh Pháp Hoa, vua cũng đã nêu lên ở trong văn Khải bạch buổi sáng như sau:

“Trường vi hỏa trạch phan tiên
Vĩnh bị ái hà một nịch”.

Nghĩa là:

“Bị Nhà Lửa mãi hoài thiêu đốt;
Bị sông yêu muôn thuở nhận chìm”.

Và ví dụ này, Vua cũng đã nêu lên trong lời văn bạch buổi chiều như sau:

Kính khai:

“Thập phương Đại giác,
Tam thế hùng sư.
Huy tuệ kiếm ư tà lâm;
Duệ từ phong ư hỏa trạch”.

Nghĩa là:

Kính bạch!

“Bạc Đại Giác mười phương;
Đấng Hùng Sư ba đời.
Vung kiếm tuệ nơi rừng tà;
Thổi gió từ nơi Nhà Lửa”.

Và cũng trong Khuyến Phát Tâm Văn, ý nghĩa Nhất thừa của kinh Pháp Hoa đã được Vua xem là con đường tắt để thoát ly sinh tử, Vua nói:

“Dục siêu lục đạo chi chu lưu
Duy hữu Nhất thừa chi tiệp kính”.

Nghĩa là:

“Muốn vượt vòng luân hồi lục đạo
Con đường tắt, chỉ có Nhất thừa”.

Những chứng cứ ấy cho ta biết rằng, kinh Pháp Hoa đã được vua Trần Thái Tông nghiên cứu, học hỏi và trở thành nếp chiêm nghiệm tu tập của mình,

trong mỗi lúc dâng hương cúng dường Tam bảo, hay mỗi lúc tĩnh tọa thiền quán.

Ngài Pháp Loa (1284-1330), đệ nhị Tổ Thiền Phái Trúc lâm Yên Tử cũng đã viết Pháp Hoa Khoa Sớ, để dạy cho Tăng Ni Phật tử đời Trần.

Và trong bài thơ tặng Tổ sư Huyền Quang, vua Trần Minh Tông đã nói đến Nhà lửa ở kinh Pháp Hoa và hạnh nguyện liên hệ đến nhà lửa ấy với Tổ sư như sau:

“Cổ ngã hỏa trạch trung
Cái thị hữu túc duyên”.

Nghĩa là:

“Nhìn lại trong nhà lửa của ta
Bởi do có nhân duyên đời trước”.

Và cũng trong bài thơ này, vua Trần Minh Tông đã ca ngợi tâm hạnh của Ngài Huyền Quang đệ Tam Tổ Trúc Lâm liên hệ đến Phật Oai Âm Vương ở kinh Pháp Hoa, phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh như sau:

“Côn- sơn đại Đạo sư
Vị ngã tác phước điền
Vương Thần tất quy kính
Phật đạo tục hoàn liên.
Pháp kế nhị Tổ hậu
Cứu cánh Oai Âm tiền
Bất trước văn tự tướng
Diễn thuyết Như lai thiên.

Nghĩa là:

“Đạo Sư lớn Côn-sơn
Vì ta làm ruộng phước
Vua quan đều kính trọng
Phật đạo liên tiếp mãi.
Kế thừa Pháp nhị Tổ
Cuối cùng trước Oai Âm
Không kẹt tướng chữ nghĩa
Diễn thuyết Thiên Như lai”.

Ở kinh Pháp Hoa, Đức Phật Oai Âm Vương đã từng chứng minh và hộ trì cho đại nguyện hành trì kinh Pháp Hoa của Bồ Tát Thường Bất Khinh trải qua vô lượng kiếp không gián đoạn và Bồ Tát Thường Bất Khinh thực hành đại nguyện Pháp Hoa ngày xưa trước Phật Oai Âm Vương ấy, ngày nay chính là Đức Phật Thích Ca.

Vua Trần Minh Tông đã sử dụng đại nguyện Pháp Hoa này để ca ngợi hạnh nguyện của Tổ sư Huyền Quang vậy.

Việc dẫn chứng Thí dụ Nhà lửa trong kinh Pháp Hoa của vua Trần Thái Tông, Trần Minh Tông và viết Pháp Hoa Khoa Sớ của Ngài Pháp Loa đệ nhị Tổ của Thiên phái Trúc lâm Yên Tử, những điều này chứng tỏ rằng, giáo nghĩa Pháp Hoa đã có những ảnh hưởng nhất định vào thời đại Phật giáo thời Trần.

Vào đời Lê, Minh Châu - Hương Hải (1628-1715), đã chú giải kinh Pháp Hoa đầu tiên bằng tiếng nôm. (Hương Hải Thiên Sư Ngũ Lục, Cảnh Hưng Bát Niên, Tuế Thứ Đinh Mão, Ngũ Nguyệt, Cát Nhật Từ Pháp Soạn Thuật – Cảnh Hưng 8 – 1747).

Minh Dung - Pháp Thông đời Lê Thuần Tông (1732 – 1735), đã khắc in Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh vào năm 1734. Bản gỗ này hiện đang tàng trữ tại chùa Phật Quang, thị xã Phan Thiết.

Ở Triều Gia Long (1802 – 1819), có Thanh Đàm Tử kheo và Giác Đạo - Minh Chánh Thiên sư đã viết Pháp Hoa Đề Cương. Trong phần Diệu Pháp Liên Hoa kinh Tông Chỉ Đề Cương Tự, Sa môn Thanh Nguyên, đã ghi bài kệ chứng minh cho Pháp Hoa Đề Cương như sau:

“Đề cương ngọc trụ diệu liên hoa
Năng sử ngô vi tích biện hòa
Nhị thập bát châu uyên nguyện hải
Đại thiên sa giới hội tâm cơ.
Năng nhân hòa thượng minh tương thọ
Đa bảo Như lai mật hộ gia
Khiển ngã tâm lai minh tá sử
Tán dương Diệu pháp, tán Liên hoa”.

Nghĩa là:

“Diệu liên hoa đề cương kinh ngọc
Khiến ta thấy rõ báu Biện Hòa
Biển nguyện thâm sâu hai tám phẩm
Đại thiên sa giới hội tâm cơ.
Hòa thượng Năng nhân thâm thọ ký
Đa bảo Như lai mật gia hộ
Khiến rõ tâm ta từ đâu đến
Ngợi ca diệu pháp với Liên hoa”.

Và Sa môn Thanh Nguyên đã nói về kinh Pháp Hoa rằng: “Kinh Pháp Hoa là việc làm chân thực và duy nhất của chư Phật, là pháp môn chủ yếu của Bồ tát, là pháp chân như bình đẳng của Như lai, do thương chúng sanh mà khai mở, chỉ bày, chứng ngộ và hội nhập. Lúc chư Phật diễn thuyết pháp này, thường chẳng báo trước. Khi chúng sanh tu tập thường xuyên đối với pháp này, thì sẽ được thọ ký quả vị giác ngộ tương lai”.

Và Sa môn Thanh Nguyên giải thích ý nghĩa Diệu Pháp và Liên Hoa như sau: “Diệu Pháp là huyền vi khó diễn bày và là pháp rộng lớn cao vời. Liên hoa là tại bùn bất nhiễm, hương thơm ngào ngạt. Diệu Pháp Liên Hoa, rộng lớn chứa hàm pháp giới, bao trùm các cõi nước của Đức Như Lai, nhiều như vi trần. Sáng tròn, chiếu khắp hà sa, Bát nhã, Bồ đề đều đầy đủ. Chư Tổ vì nghĩ đến chúng sanh, thương họ tha thiết, nên mới mở bày văn cú, giúp biết ngôn âm. Nhưng than ôi, chẳng khác nào xuống biển mò châu, đào non lấy ngọc!”. (Hoàng Triều Gia Long, thập bát niên, bát nguyệt cốc nhật = Triều Hoàng Đế Gia Long, năm thứ mười tám (1819), tháng 8, ngày lành).

Ở trong phần Tổng Tiêu Pháp Dự Kinh Đề Mục của Pháp Hoa Đề Cương, Sa môn Thanh Đàm và Thiền sư Minh Chánh đã giải thích đề kinh Pháp Hoa như sau: “Diệu Pháp là chỉ cho pháp chân thực. Pháp ấy chính là tâm thanh tịnh xưa nay. Tâm ấy xưa nay vốn không sanh, không diệt, không sạch, không nhớp, không thêm, không bớt, tại phiền não không loạn, tại trần lao không nhiễm. Vì vậy, gọi tâm ấy xưa nay thanh tịnh là vậy.

Lại nữa, tâm này là bản nguyên của chư Phật, là Phật tính của chúng sanh. Tròn đồng thái hư, lớn không bờ mé. Linh linh lặng lặng, suốt kim suốt nay. Yên yên lẳng lẳng, chính là không, chính là sắc. Tâm thức không thể phân biệt, nghĩ lường mà có thể biết được.

Đức Thế Tôn, muốn dùng một việc lớn duy nhất là đem tâm này mà trao cho Bồ tát, tạo thành hạt nhân tâm địa, và làm căn bản cho tác nhân tu tập, về sau

tu chứng mới có thể thành tựu địa vị của đạo quả giác ngộ. Vì vậy, gọi là Diệu pháp”. (Tổng Tiêu Pháp Dụ Kinh Đề Mục - Pháp Hoa Đề Cương – Việt Nam Phật Đền Tùng Sơn Chi Tam).

Như vậy ta thấy, vào Triều Gia Long, kinh Pháp Hoa đã được giảng dạy và truyền bá rộng rãi trong những thành phần học Phật, tu Phật và họ đã thâm nhập diệu pháp một cách sâu xa.

Triều Minh Mạng (1820 – 1840), Ngài Tánh Thiên - Nhất Định (1784 – 1847), đã được vua Minh Mạng cung thỉnh làm Tăng Cang Linh Hựu Quán và chùa Giác Hoàng ở Đại nội và là vị Tổ khai sơn Tổ đình Từ Hiếu, Huế, vào thời Thiệu Trị, năm 1843, sau khi đã gửi thư đến vua Thiệu Trị (1840 – 1847), xin từ nhiệm chức vụ Tăng Cang của các chùa quốc gia, Ngài đã thọ trì đọc tụng miên mật kinh Pháp Hoa, đến nỗi Tương An Công – Miên Bửu hoàng tử thứ bảy con vua Minh Mạng vô cùng kính mến và có bài thơ tặng như sau:

“Dạ tụng Pháp Hoa kinh
Chân tâm bạch luyện tinh
Phòng vô phiến trần nhập
Bích quả điểm đăng minh.
Tích hữu Uyên Minh thức
Tâm như Huệ Viễn thanh
Chúng nhân đồ ngọt ngọt
Yên đắc thâu sinh sinh”.

Nghĩa là:

“Đem tụng kinh Pháp Hoa
Chân tâm tinh luyện đa
Không còn vi trần hoặc
Vách treo ánh đèn pha.
Dấu tích Uyên Minh biết
Tâm đồng Huệ Viễn xưa
Người đời nhiều phiền lụy

Khó hiểu lẽ sinh ra”. (Đặc San Kỷ Niệm 150, Ngày Tổ Khai sơn chùa Từ Hiếu Viên tịch, ấn bản Pl 2541 – 1997).

Qua bài thơ của Tương An Công – Miên Bửu cũng đã giới thiệu cho ta biết rằng, Kinh Pháp Hoa không phải chỉ có ảnh hưởng ở trong từng lớp Tăng sĩ

bấy giờ mà còn ảnh hưởng đến những giai tầng quý tộc và trí thức của xã hội đương thời nữa.

Triều Tự Đức (1847 - 1883), có Ngài Pháp Liên dịch Kinh Pháp Hoa bằng thể thơ Lục bát, gọi là Pháp Hoa Quốc Ngữ Kinh, xong năm 1848 và in năm 1856.

Triều Thành Thái (1889 – 1907) và Khải Định (1916 – 1925), Ni trưởng Diên Trường, sinh năm 1863, con của cụ Hồ đắc Tuấn và bà Công nữ Thức Huân, ở làng An truyền, Thừa Thiên, năm 36 tuổi đầu sư xuất gia với Ngài Hải Thiệu - Cương Kỷ chùa Từ Hiếu, sau đó đã được bổn sư cho thọ Sa di ni, với pháp danh Thanh Linh, tự Diên Trường. Bà tu tập rất tinh cần, nên đến năm Duy Tân thứ 4 (1910), được bổn sư cho thọ Tỷ kheo ni, Bồ tát giới tại giới đàn Quảng nam, do Hòa thượng Vĩnh Gia làm đàn đầu.

Bà là vị Tỷ kheo ni đầu tiên trên đất Thuận Hóa vào Triều Duy Tân. Năm Ất sửu (1925), bà đã cung thỉnh Ngài Tâm Tịnh chùa Tây Thiên và Ngài Huệ Pháp chùa Thiên Hưng, đến chùa Trúc Lâm, Huế, để chứng minh lễ khai kinh cho bà tụng kinh Pháp Hoa, tụng xong bộ kinh Pháp Hoa đúng ngày rằm tháng tư, bà làm lễ tạ ơn hai Ngài chứng minh và Đại chúng xong là an nhiên thị tịch.

Việc Ni trưởng Thanh Linh - Diên Trường cung thỉnh Hòa Thượng Tâm Tịnh và Huệ Pháp chứng minh lễ khai kinh Pháp Hoa cho bà thọ trì, trước khi viên tịch, đã giúp cho ta biết rằng, kinh Pháp Hoa vào thời kỳ này không phải chỉ là học thuật, hay nghiên cứu mà đã trở thành tín ngưỡng và cuộc sống tâm linh cho Tăng Ni và Phật tử ở thời kỳ này.

Trường Phật học đầu tiên ở trên đất Thuận Hóa vào các Triều Thành Thái (1889 – 1907); Duy Tân (1907 – 1916); Khải Định (1916 – 1925) là trường Phật học Thiên Hưng, do Ngài Huệ Pháp làm chủ giảng, gồm các môn học như: Luật Tứ Phần, Giới kinh Phạm võng, Kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa,... và Ma ha Chi Quán của Trí Khải (531 – 597).

Triều Bảo Đại (1925 – 1945), các Hội Phật Học Nam, Trung và Bắc ra đời vào những năm đầu Thập niên ba mươi, để chấn hưng Phật giáo, các trường Phật học được mở ra để đào tạo Tăng tài.

Năm 1934, Kinh Pháp Hoa đã được đưa vào giảng dạy trong chương trình Đại học Phật giáo năm thứ tư, tại trường An nam Phật học Trung Kỳ, cơ sở đặt tại chùa Trúc Lâm và kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa, kinh Pháp Hoa Khoa

Chú được đưa vào chương trình hậu đại học cho các nghiên cứu sinh vào năm thứ ba.

Năm 1944, kinh Pháp Hoa Văn Cú được đưa vào giáo trình dạy năm Cao Đẳng thứ hai, tại Đại Tòng Lâm Kim Sơn ở làng Lưu Bảo, Hương Trà, Thừa Thiên.

Vào ngày 10, tháng 4, Bảo Đại năm thứ 9 (1933), Hòa Thượng Thanh Hanh, chùa Vĩnh Nghiêm ở Bắc Kỳ đã viết lời dẫn tựa của Pháp Hoa Đề Cương để khắc in.

Trong lời dẫn tựa, Hòa Thượng Thanh Hanh viết về kinh Pháp Hoa như sau: “Chư Phật xuất hiện trong đời, vì một đại sự nhân duyên là muốn cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập sự thấy biết của Phật. Nhưng đoạn kinh trên cũng là cương lĩnh chủ yếu của toàn bộ, các nhà chú giải lấy yếu chỉ này để giải thích rộng rãi kinh này.

Do đó, biết rằng chư Phật nói ba câu hỏi, chín ví dụ, hội tam thừa về nhất thừa, dẫn quyền thừa vào thật đạo là để khai thị, khiến chúng sanh biết được mặt mũi xưa nay, mà ngộ nhập cái thấy, cái biết của Phật.

Quán xem thời Phật còn tại thế, hàng Thanh văn nghe lần thứ hai liền giác ngộ, liền được Đức Phật thọ ký, cho đến tất cả chúng sanh nghe một câu, một bài kệ của kinh này, khởi một niệm tùy hỷ, đức Phật liền huyền ký cho họ. Đó là một đại sự nhân duyên rất ráo rậy”.

Qua lời tựa ấy, ta biết rằng, kinh Pháp Hoa ở thời kỳ này, các Tăng sĩ đã thâm nhập và hành trì hết sức uyên áo.

Ở Bắc Kỳ, năm 1934, Hội Phật Giáo Bắc Kỳ được thành lập, kinh Pháp Hoa đã được đưa vào trong giáo trình Phật học, để giảng dạy cho học Tăng Trung học năm thứ nhất, Pháp Hoa Tri Âm năm thứ hai.

Năm 1937, Cư sĩ Đoàn Trung Còn đã dịch kinh Pháp Hoa từ bản tiếng Pháp Le Lotus de la Bonne Loi của Học sĩ Hàn Lâm Viện E. Burnouf. Bản Pháp ngữ này là dịch từ bản Phạn ngữ của Népal phát hiện năm 1925.

Năm 1943, Pháp Hoa Đề Cương của Thanh Đàm, do Hội Bắc kỳ Phật Giáo khắc in và ấn hành.

Năm 1964, kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa do Chánh Trí – Mai Thọ Truyền dịch, giảng và ấn hành.

Vào những năm 1977 đến 1980, kinh Pháp Hoa Giảng Lục của Thái Hư Đại Sư đã được Hòa Thượng Thích Đôn Hậu giảng dạy tại Phật Học Viện Báo Quốc, Huế và kinh này cũng đã được Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm dịch ra tiếng Việt và ấn hành trước 1975.

Trước 1975, kinh Pháp Hoa bản của Ngài Cưu Ma La Thập đã được Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Sư bà Thê Quán dịch ra Việt văn. Bản dịch của Hòa Thượng Trí Tịnh được rất nhiều Tăng Ni và Phật tử biết đến để nghiên cứu và đọc tụng.

Năm 1983, kinh Pháp Hoa đã được Hòa Thượng Thích Trí Thủ và Hòa Thượng Thích Thiện Siêu giảng dạy tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam, Sài Gòn.

Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm đã viết Đại ý Kinh Pháp Hoa và Thành Hội PG T.P Hồ Chí Minh đã ấn hành 1990.

Bản dịch Pháp Hoa và lược giải của Hòa Thượng Thích Trí Quang, do Nhà xuất bản T.P Hồ Chí Minh 1998, văn phong hết sức sáng sủa, cô đọng, sắc bén, lột gạn hết ý nghĩa của các thuật ngữ và quan trọng hơn hết là có toát yếu từng phẩm.

Hòa Thượng Thích Trí Thủ rất tâm đắc phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh ở kinh Pháp Hoa. Ngài đã dịch phẩm này và đã lưu hành trước năm 1975.

Năm 2000, Hòa Thượng Tịnh Hạnh, Chủ trương Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, do Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc Xuất Bản, đã xuất bản đầy đủ ba bản Việt dịch kinh Pháp Hoa từ bản Diệu Pháp Liên Hoa Kinh của Ngài La Thập; bản Chánh Pháp Hoa Kinh của Ngài Trúc Pháp Hộ và bản Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh của Ngài Xà Na Quật Đa và Cấp Đa ở Tập 34.

Bản Pháp Hoa của Ngài La Thập ở Việt Nam đã có rất nhiều bản dịch Việt, nhưng bản Pháp Hoa của Ngài Trúc Pháp Hộ và Xà Na Quật Đa, Cấp Đa là bản dịch Việt đầu tiên được ấn hành ở trong Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh.

Ở trong Đại Tạng này, bản Tát Đàm Phân Đà Lợi Kinh (Kinh Pháp Hoa), số ký hiệu 265, ở Đại Chính Tân Tu, mất tên dịch giả cũng đã được dịch ra Việt văn. Pháp Hoa Tam Muội Kinh, do Trí Nghiêm người xứ Lương Châu dịch vào đời Tống, số ký hiệu 269, ở Đại Chính Tân Tu cũng đã được dịch ra Việt văn.

Hòa Thượng Thích Thiện Siêu đã Lược Giải kinh Pháp Hoa và sau khi Ngài viên tịch năm 2001, kinh lại được Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Huế, ấn hành năm 2003.

Hòa Thượng Thích Thanh Từ đã viết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải, Nhà xb Tôn Giáo 2003.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã giảng kinh Pháp Hoa ở Đạo Tràng Làng Mai năm 1991, 1992 và tại Tu viện Kim Sơn ở Hoa Kỳ 1993, được ghi chép lại với tên Sen nở trời phương ngoại, lá bồi xb 19?

Hòa thượng Trí Quảng ở chùa Ân Quang Sài Gòn, đã thành lập Đạo tràng Pháp Hoa, sau khi du học ở Nhật về năm 1971, và đã lược giải kinh Pháp Hoa, xuất bản năm 1999.

Hòa thượng Thông Bửu, Trụ trì chùa Quán Thế Âm, Sài Gòn cũng đã thành lập Đạo tràng Pháp Hoa, và thường giảng dạy kinh Pháp Hoa vào ngày Chủ nhật trong thập niên 80, 90.

Hòa thượng Nhật Quang đã dịch Pháp Hoa Đề Cương của Thiền sư Minh Chánh, đã được Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, ấn hành 1999.

Hòa thượng Trí Tịnh đã dịch và giảng Pháp Hoa Kinh Thông Nghĩa của Đại sư Hám Sơn – Đức Thanh, và đã được Nhà xuất bản Tôn giáo, ấn hành 2007.

Các Hòa Thượng Từ Thông, Chơn Thiện,... cũng như những bậc cao đức khác trong thời hiện đại cũng đã hành trì kinh Pháp Hoa và đã có chú giảng kinh Pháp Hoa, góp phần to lớn vào nền Văn học Phật giáo nước nhà.

Như vậy, ta thấy tại Việt Nam, từ thời Bảo Đại cho đến nay 2008, kinh Pháp Hoa vào những thời kỳ này, không những được chư Tăng Ni ở các Tu viện, Tự viện, Phật học viện các Đạo Tràng Pháp Hoa được thành lập khắp các miền Trung Nam Bắc để tu tập, thọ trì, đọc tụng và diễn giảng, mà còn in ấn kinh để truyền bá một cách rộng rãi nữa.

Ở Việt Nam suốt cả chiều dài lịch sử phát triển, kinh Pháp Hoa không trở thành một Tông phái đặc thù như Trung Hoa vào thời Trí Khải (531 – 579) và Nhật Bản vào thời Nhật Liên (Nichiren 1222 – 1282), nhưng kinh đã có một ảnh hưởng rất lớn trong đời sống tâm linh của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam.

Việc thiêu thân cúng dường của Ngài Đàm Hoằng, năm 455 TL, tại chùa Tiên Sơn, Giao Chỉ, nay là núi Lan Kha, tỉnh Bắc Ninh (Lê Mạnh Thát, LSPGVN 1, tr758, nxb Thuận Hóa 1999); Ngài Thiệt Thành – Liễu Đạt hay còn gọi là Hòa thượng Liên Hoa, đã tự thiêu năm 1825, tại chùa Đại Giác, ở phố Cù lao, tỉnh Biên Hòa (Nguyễn Hiền Đức, LSPG Đảng Trong chương 11, tr 231 – 232, nxb T.P 1995); Ngài Tuệ Pháp (1871 – 1927), ở chùa Thiên Hưng, Huế ở năm 1927; Ngài Quảng Đức và các vị Thánh tử đạo khác như: Tiêu Diêu, Thanh Tuệ, Nguyên Hương, Quảng Hương, Thiện Mỹ, Ni cô Diêu Quang,... vào năm 1963, và nhiều vị khác mà lịch sử Phật Giáo Việt Nam chưa có cơ hội đề ghi lại, đều đã nói lên thực hành hạnh nguyện theo Dục Vương Bồ Tát của kinh Pháp Hoa.

Ở kinh Pháp Hoa, việc đốt thân cúng dường của Bồ Tát Dục Vương có một ý nghĩa hết sức thâm diệu, đó là dâng hiến toàn vẹn pháp do Bồ Tát chứng ngộ từ đời sống Pháp Hoa lên cúng dường chư Phật, để biểu lộ lòng biết ơn sâu xa đức giáo hóa bằng Pháp Hoa của các Ngài, cũng như giáo pháp thâm diệu được chứa đựng ở trong kinh.

Có những vị đã lập hạnh kính lễ kinh Pháp Hoa nhất tực nhất bái, như Hòa thượng Huệ Minh (1861 – 1939), trú trì Tổ đình Từ Hiếu, Huế; Hòa thượng Đức Phương, trú trì chùa Tra Am, Huế. Và có nhưng vị mỗi ngày đều thọ trì kinh Pháp Hoa như Ni trưởng Thích Nữ Diêu Trí, Trú trì chùa Diệu Nghiêm, Huế; Ni trưởng Thích nữ Diêu Lý, Trú trì chùa Quang Minh, Đă Nẵng; và Cố Ni Trưởng Thích nữ Chân Nguyên, Trú trì chùa Phò Quang, Huế và có rất nhiều vị Tăng Ni cư sĩ khác nữa, ở đây không thể dẫn chứng hết.

Cố Ni Trưởng Thích Nữ Chân Nguyên (1923 – 2004), mỗi khi thấy thân thể khiếm an, hay chuyện bất ổn xảy ra ở trong gia tộc, hoặc bỗng tự điều cung thỉnh chúng Tăng thọ trì kinh Pháp Hoa và sau đó mọi việc đều được bình ổn. Ni trưởng do hành trì kinh Pháp Hoa mà đã dự tri thời chí, dặn Ni chúng ngày này không ai được đi đâu, rồi lên chánh điện trì kinh và chiều viên tịch rất nhẹ nhàng, đêm ấy trong trượng thất an trí thi thể của Ni trưởng, tực tỏa ra mùi thơm của hoa sen, bảy giờ nét mặt của Ni trưởng rất đẹp và thân thể rất mềm mại.

Chắc chắn, kinh Pháp Hoa đã có những ảnh hưởng nhất định đối với tín ngưỡng cũng như đời sống đạo đức, văn hóa của Tăng Ni Phật tử Việt Nam xuyên suốt qua các thời đại mà lịch sử Phật giáo đã đi qua, cũng như trong hiện tại và sẽ tiếp tục cả tương lai.

Kinh Pháp Hoa đối với người Tây phương, vào thế kỷ 19, vị công sứ người Anh tên Hamilton đã tìm thấy kinh Pháp Hoa bằng tiếng Sanskrit (Phạn), viết trên Lá bối, thờ trong một động đá ở Népal.

Sau đó, có 19 bản kinh Pháp Hoa chép tay bằng tiếng Sanskrit đã được phái đoàn người Nhật, Anh, Pháp, Đức nghiên cứu tìm thấy.

Sau đó cả người Nhật và Anh đã yểm trợ cho Hội Nghiên cứu kinh Pháp Hoa, bốn phái đoàn gồm Nhật, Anh, Đức và Nga đã đến vùng Trung Á, nghiên cứu và tìm kiếm kinh Pháp Hoa, họ đã phát hiện ở vùng Kotan có sáu bộ kinh Pháp Hoa bằng tiếng Sanskrit và thêm một bộ Pháp Hoa Sanskrit ở Kucha (Qui tư quê hương của Ngài La Thập).

Năm 1932, một bộ kinh Pháp Hoa cổ nhất được tìm thấy ở Kashmir nối liền với Afganistan, ta thường gọi là Pháp Hoa Gilgit. Bộ kinh này gồm có 1/3 chữ Magādhī, loại chữ cổ nhất của nước Ma Kiệt Đà, ngôn ngữ đức Phật thường sử dụng để thuyết pháp. Và 2/3 ngôn ngữ Sanskrit.

Kinh Pháp Hoa dịch ra tiếng Anh, hiện nay có ít nhất là năm bản:

*The Lotus of the True Law:

Do Kern, Nhà Phật học Hòa Lan dịch từ bản Phạn văn Népal, năm 1880, gồm có 27 phẩm, hiện có ở trong The Sacred of the East.

*The Lotus Scripture Essence:

Bộ này là lược dịch từ bản chữ Hán của Ngài La Thập, gồm có 28 phẩm, hiện nằm trong bộ The New Testament of High Buddhism của Lichard, xuất bản năm 1900.

*The Lotus of the Wonderful Law:

Do hai nhà học giả Soothill và Kato dịch, gồm có 28 phẩm, xuất bản tại London năm 1930.

*The Lotus Sutra:

Do Senchu Muarano dịch từ bản của Ngài La Thập, Nhật Liên Tông tại Nhật xuất bản 1974.

*The Lotus Sutra:

Do Burton Watson dịch từ bản Hán của Ngài La Thập, xuất bản 1993.

Kinh Pháp Hoa dịch ra tiếng Pháp, hiện nay chỉ thấy có một bản với tên: Le Lotus De La Bonne Loi, do Hàn Lâm Học Sĩ E. Burnouf dịch từ bộ Phạn ngữ Népal vào năm 1925.

Bản dịch này đã được Cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch sang Việt văn năm 1937.

Ngoài ra kinh Pháp Hoa cũng đã được dịch sang tiếng Tây tạng vào thế kỷ thứ 8, hiện có ở trong bộ Đại tạng Shar Thàn, Sde Dge, Bắc Kinh,... Kinh Pháp Hoa cũng đã được dịch sang tiếng Triều Tiên, năm 1463, từ bản Hán của La Thập, do sắc lệnh của vua Lý Thế Tổ Triều Tiên. Và kinh Pháp Hoa cũng đã dịch ra tiếng Mãn Châu, từ bản Hán dịch của Ngài La Thập, hiện nằm trong bộ Ngự dịch của Đại tạng kinh Càn Long đời Thanh.

Như vậy, ta thấy lịch sử truyền thừa và phát triển của kinh Pháp Hoa rất xuyên suốt và sâu rộng trong mọi thành phần của xã hội qua nhiều ngôn ngữ của nhiều quốc gia trên thế giới, không những làm nền tảng cho tín ngưỡng tâm linh, đạo đức vươn cao của nhân sinh, mà còn là nguồn cảm hứng để cho các học giả nghiên cứu trước tác, sáng tác, tạo nên những sinh lực văn học, nghệ thuật, đóng góp vào gia tài văn hóa và học thuật của nhân loại ngày nay.

--- o0o ---

Thư Mục Tham Khảo

- Hán Bản:

- 1-Tát-đàm-phân-đà-ly kinh, mất tên người dịch, số ký hiệu 265, Đại chính 9, tr 197.
- 2- Chánh Pháp Hoa Kinh, Trúc Pháp Hộ dịch, năm 286, số ký hiệu 263, Đại chính 9, tr 63.
- 3- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, La Thập dịch, năm 404, số ký hiệu 262, Đại

chính 9, tr 01.

4- Phật Thuyết Pháp Hoa Tam Muội Kinh, Trí Nghiêm dịch, Lưu Tống (420 – 479), số ký hiệu 269, Đại chính 9, tr 285.

5- Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Xà-na-quật-đa và Cấp-đa dịch, năm 601, số ký hiệu 269, Đại chính 9, tr 131.

6- Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký, Pháp Vân soạn, đời Lương, Đại chính 33, tr 572.

7- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa, Trí Khải thuyết, Tùy, số ký hiệu 1717, Đại chính 33, tr 681.

8- Pháp Hoa Huyền Nghĩa Thích Thiêm, Trạm Nhiên, Thuật, Đường, Đại chính 33, tr 815.

9- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú, Trí Khải thuyết, Tùy, số ký hiệu 1719, Đại Chính 34, tr 01.

10- Pháp Hoa Huyền Luận, Cát Tạng soạn, Tùy, Đại chính 34, tr 361.

11- Pháp Hoa Nghĩa Sớ, Cát Tạng soạn, Tùy, Đại chính 34, tr 451.

12- Pháp Hoa Du Ý, Cát Tạng tạo, Tùy, Đại chính 34, tr 633.

13- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán, Khuy Cơ soạn, Đường, Đại chính 34, tr 651.

14 – Pháp Hoa Huyền Tán Nghĩa Quyết, Tuệ Chiếu soạn, Đường, Đại chính 34, tr 854.

15- Pháp Hoa Tông Yêu, Nguyên Hiệu soạn, Tân La, Đại chính 34, tr 870.

16 – Ma Ha Chỉ Quán, Trí Khải thuyết, Đại chính 46, tr 01.

17- Pháp Hoa Nghĩa Sớ, Thánh Đức Thái Tử soạn, Nhật Bản, Đại chính 56, tr 64.

18- Pháp Hoa Lược Sao, Minh Nhất soạn, Nhật Bản, Đại chính 56, tr 129.

19- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thích Văn, Nhật Bản, Minh Toán soạn, Đại chính 56, tr 144.

20- Pháp Hoa Kinh Khai Đề, Không Hải soạn, Nhật Bản, Đại chính 56, tr 172.

21- Pháp Hoa Kinh Khai Đề, Biện Chiếu Xà Lê Ký, Nhật Bản, Đại chính 56, tr 175.

22- Pháp Hoa Lược Bí Thích, Trường Khoan Tam Niên Tứ Nguyệt Thập Tứ Nhật Ư Khuyển Tu Tự, Tây Minh Viện Thơ Tả Liễu, Đại chính 56, tr 183.

23- Pháp Hoa Kinh Mật Hiệu, Đại chính 56, tr 182.

24- Pháp hoa Bí Thích, Giác Khâm? , Đại chính 56, tr 184.

25- Nhập Chân Ngôn Môn Trú Như Thực Kiến Giảng Diễn Pháp Hoa Lược Nghi, Viên Trân, Nhật Bản, Đại chính 56, tr 189.

26- Pháp Hoa Khai Thị Sao, Trinh Khánh soạn, Nhật Bản, Đại chính 56, tr 255.

27- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Ba Đề Xá, Bà Sô Bàn Đậu (Vasubandhu)

thích, Bồ Đề Lưu Chi Cộng Đàm Lâm,... dịch, Hậu Ngụy, Đại chính 26, tr 01.

28- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Ba Đề Xá, Bà Sô Bàn Đậu (Vasubandhu) tạo, Cần Na Ma Đề, Cộng Tăng Lăng dịch, Nguyên Ngụy, Đại chính 26, tr 10.

29- Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, do Minh Dung – Pháp Thông khắc in đời Lê Thuần Tông (1732 – 1735), bản gỗ hiện đang tàng trữ tại chùa Phật Quang, Thị xã Phan Thiết.

30- Pháp Hoa Kinh Tông Chỉ Đề Cương, Thanh Đàm Tử Kheo, Giác Đạo Tuân Minh Chánh Thiên Sư soạn, Bản khắc Hoàng Triều Bảo Đại, cửu niên, tứ nguyệt sơ thập nhật, Việt Nam Phật Đảnh Tông San.

31- Đại Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tào, Hậu Tần, La Thập dịch, Đại chính 25, tr 57.

-Phạn Bản

-Saddharmapu□□arīkasūtram-Buddhist Sanskrit Texts – No 6.

- Anh Bản:

1-The Lotus of the True Law:

Do Kern, Nhà Phật học Hòa Lan dịch từ bản Phạn văn Népal, năm 1880, gồm có 27 phẩm, hiện có ở trong The Sacred of the East.

2- The Lotus Scripture Essence:

Bộ này là lược dịch từ bản chữ Hán của Ngài La Thập, gồm có 28 phẩm, hiện nằm trong bộ The New Test Ament of High Buddhism của Lichard, xuất bản năm 1900.

3- The Lotus of the Wonderful Law:

Do hai nhà học giả Soothill và Kato dịch, gồm có 28 phẩm, xuất bản tại London năm 1930.

4-The Lotus Sutra:

Do Senchu Muarano dịch từ bản của Ngài La Thập, Nhật Liên Tông tại Nhật xuất bản 19714.

5-The Lotus Sutra:

Do Burton Watson dịch từ bản Hán của Ngài La Thập, Columbia University Press New york, 1993.

-Pháp Bản:

- Le Lotus De La Bonne Loi, do Hàn Lâm Học Sĩ E. Burnouf dịch từ bộ Phạn ngữ Népal vào năm 1925.

-Việt Bản:

- 1- Pháp Hoa Quốc Ngữ Kinh, Pháp Liên dịch từ bản Hán của La Thập sang chữ Nôm năm 1848, in năm 1856.
- 2- Pháp Hoa Lược Giải, Trí Quang Thượng Nhân, NXB TP Hồ Chí Minh, 1998.
- 3- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch, NXB Tôn Giáo, 2001.
- 4- Đại ý Kinh Pháp Hoa, Thích Thanh Kiểm, Thành Hội PG T.P Hồ Chí Minh, ấn hành 1990.
- 5- Lược Giải kinh Pháp Hoa, Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Huế, ấn hành năm 2003.
- 6- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải, Hòa Thượng Thích Thanh Từ, Nhà xb Tôn Giáo 2003.
- 7- Sen Nở Trời Phương Ngoại, Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Lá bối xb 19?
- 8- Lược giải kinh Pháp Hoa, Hòa Thượng Thích Trí Quảng, xuất bản Tôn Giáo 1999.
- 9- Pháp Hoa Kinh Thông Nghĩa, Hám Sơn – Đức Thanh, Hòa Thượng Trí Tịnh dịch và giảng, Nhà xuất bản Tôn giáo, 2007.

Sách

- 1- Hoằng Tán Pháp Hoa Truyện, Đường, Huệ Tường soạn, Đại chính 51, tr 12.
- 2- Pháp Hoa Truyện Ký, Đường, Tăng Tường, soạn, Đại chính 51, tr 48.
- 3- Thiên Thai Cửu Tổ Truyện, Tống, Sĩ Hành biên, Đại chính 51, tr 97.
- 4- Phật Tổ Thống Ký, Tống, Chí Bản soạn, Đại chính 49, tr 129.
- 5- Lịch Đại Tam Bảo Ký, Tùy, Phí Trường Phòng soạn, Đại chính 49, tr 22.
- 6- Phật Tổ Lịch Đại Thông Tải, Nguyên, Niệm Thường tập, Đại chính 49, tr 477.
- 7- Hoằng Minh Tập, Lương, Tăng Hựu soạn, Đại chính 52, tr 01.
- 8- Quảng Hoằng Minh Tập, Đường, Đạo Tuyên soạn, Đại chính 52, tr 97.
- 9- Hương Hải Thiền Sư Ngữ Lục, Cảnh Hưng Bát Niên, Tuế Thứ Đinh Mão, Ngũ Nguyệt, Cát Nhật Từ Pháp Soạn Thuật – (Cảnh Hưng 8 – 1747).
- 10- Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim, Tân Việt, 1954.
- 11- Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam I, Lê Mạnh Thát, Thuận Hóa 1999.
- 12- Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam 2, Lê mạnh Thát, Nxb T.P Hồ Chí Minh,

- 2001.
- 13- Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam 3, Lê Mạnh Thát, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh 2002.
 - 14- Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Nguyễn Lang, Nxb Văn Học, Hà Nội 1992.
 - 15- Toàn Tập Minh Châu Hương Hải, Lê Mạnh Thát, Nxb T.P Hồ Chí Minh, 2000.
 - 16 – Hương Hải Thiên Sư Ngữ Lục Giảng Giải, Thích Thanh Từ, Nxb T.P Hồ Chí Minh, 1999.
 - 17- Thánh Đẳng Ngữ Lục Giảng Giải, Thích Thanh Từ, Nxb T.P Hồ Chí Minh, 1999.
 - 18- Toàn Tập Trần Thái Tông, Nxb Tổng Hợp T.P Hồ Chí Minh 2004.
 - 19- Khóa Hư Lục, Trần Thái Tông, Thích Thanh Kiểm dịch, Nxb Tôn Giáo, 2003.
 - 20- Toàn Tập Trần Nhân Tông, Nxb Tổng Hợp T.P Hồ Chí Minh 2006.
 - 21- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Nxb Văn Học, 2006.
 - 22- Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong, Nguyễn Hiền Đức, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1995.
 - 23- Nghiên Cứu Về Thiên Uyển Tập Anh, Lê Mạnh Thát, Nxb Phương Đông, 2005.
 - 26 – Toàn Tập Toàn Nhật Quang Đài, Lê Mạnh Thát, Nxb Tổng Hợp TP, Hồ Chí Minh, 2005.
 - 27- Lịch Sử Phật Giáo Huế, Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, Nxb Văn Hóa Sài Gòn.

- 1 Chánh Pháp Hoa Kinh, Pháp Hộ, Đại Chính 9, tr 63.
- 2 Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, La Thập, Đại Chính 9, tr 01.
- 3-Tăng Duệ, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hậu Tự, Đại Chính 9, tr 62a.
- 4 - Pháp Hoa Kinh Khai Đề, Nhật Bản, Không Hải soạn, Đại Chính 56, tr 173ab.
- 5 - Chánh Pháp Hoa Kinh, Pháp Hộ, Đại Chính 9, tr 63
- 6 La Thập, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Đại Chính 9, 01.
- 7 Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Đại Chính 9, tr 35c.
- 8 –Tăng thượng mạn: Phạn văn là *adhimāna*. Tâm kiêu mạn, chưa chứng đắc quả vị hoặc trí đức thực sự mà tự nhận rằng, mình đã kinh qua và chứng đắc (Phật Quang Đại Từ Điển 6, tr 5812b).

9 Thanh Đàm, Pháp Hoa Đề Cương, Việt Nam Phật Điển Tồng San.
10 Pháp Hoa Kinh Khai Đề, Không Hải, Nhật Bản, Đại Chính 56, tr 173bc.
- Tỳ Lô Giá Na: Phạn là Vairocana. Phiên âm là Tỳ lô giá na, Tỳ lâu giá na, Tỳ lô chiết na,... Dịch ý là Biến nhất thể xứ; nghĩa là có mặt khắp mọi nơi; hoặc dịch là Quang minh biến chiếu, nghĩa là ánh sáng soi chiếu cùng khắp; Đại nhật biến chiếu, nghĩa là mặt trời vĩ đại soi chiếu cùng khắp,... Như vậy, Tỳ lô giá na, nghĩa là thân trí tuệ của Phật soi sáng cùng khắp, không có bất cứ sự chướng ngại nào, đối với sự và lý ở trong pháp giới (Phật Quang Đại Từ Điển 4, tr 3858, 3850).

- [1][1] Như Lai Thọ Lượng phẩm, Hán – La Thập, Đại Chính 9, tr 42.
- Tathāgāyuspramāparivartah - Buddhist Sanskrit Texts, No 6, P.189.
[2][2] Phương Tiện phẩm, Hán – La Thập, Đại Chính 9, tr 02.
- Lysāya kai'slyaparivartah - Buddhist Sanskrit Texts, No 6, P.21.
[3][3] Kiến Bảo Tháp phẩm, Hán – La Thập, tr 32, Đại Chính 9.
- Stūpasamdar'sānaparivartah – Buddhist Sanskrit Texts, No 6, P.149.
[4][4] Phương Tiện phẩm, Đại Chính 9, tr 8b.
[5][5] Pháp Sư phẩm, Đại Chính 9, , tr 31c.
[6][6] Phương Tiện phẩm, Đại Chính 9, tr 9b.
[7][7] Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký phẩm, Đại Chính 9, tr 28a.
[8][8] Phương Tiện phẩm, tr 10b, Đại Chính 9.
[9][9] Phương Tiện phẩm, Đại Chính 9, tr 10a.
[10][10] Thí Dụ phẩm, Đại Chính 9, tr 10c.
[11][11] Tín Giải phẩm, Đại Chính 9, tr 16.
[12][12] Thọ Ký phẩm, Đại Chính 9, tr 20.
[13][13] Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký phẩm, Đại Chính 9, tr 27.
Thọ Học Vô Học Nhân Ký phẩm, Đại Chính 9, tr 29.
[14][14] Tín Giải phẩm, Đại Chính 9, tr 16.
[15][15] Đề Bà Đạt Đa phẩm, tr 35A, Đại Chính 9.
[16][16] Đề Bà Đạt Đa phẩm, tr 34, Đại Chính 9.
[17][17] Kiến Bảo Tháp phẩm, tr 32, Đại Chính 9.
[18][18] Như Lai Thọ Lượng phẩm, tr 42, Đại Chính 9.
[19][19] Gia trì cho đức tin Pháp Hoa để có đủ năng lực hoằng truyền kinh này, chứa đựng ở phẩm 10 và từ phẩm 21-27 của kinh Pháp Hoa.
[20][20] Như Lai Thần Lực phẩm, Đại Chính 9, tr 52a.
[21][21] Thí Dụ phẩm, Đại Chính 9, tr 10c.
[22][22] Dược Thảo phẩm, Đại Chính 9, tr 19.
[23][23] Hóa Thành Dụ phẩm, Đại Chính 9, tr 22.
[24][24] Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký phẩm, Đại Chính 9, tr 27.
[25][25] Khuyến Trì phẩm, tr 36A, Đại Chính 9.

- [26][26] Sách và trang đã dẫn như trên.
- [27][27] An Lạc Hạnh phẩm, Đại Chính 9, tr 38 c.
- [28][28] Phân Biệt Công Đức phẩm, Đại Chính 9, tr 44.
- [29][29] Tùy Hỷ Công Đức phẩm, Đại Chính 9, tr 46.
- [30][30] Pháp Sư Công Đức phẩm, Đại Chính 9, tr 47.
- [31][31] Dược Vương Bồ Tát Bản Sự phẩm, Đại Chính 9, tr 47.
- [32][32] Phương Tiện phẩm, Đại Chính 9, tr 9a.
- [33][33] Phương Tiện phẩm, Đại Chính 9, tr 7c.
- Upàyakai'salyaparivartah, Buddhist Sanskrit Texts, No.6, P.30.
- [34][34] Pháp Sư phẩm, Đại Chính 9, tr 31c.
- [35][35] An Lạc Hạnh phẩm, Đại Chính 9, tr 37b.
- [36][36] Phổ Môn phẩm, Đại Chính 9, tr 58a.
- [37][37] Pháp Sư phẩm, Đại Chính 9, tr 30c.
- [38][38] Phương Tiện phẩm, Đại Chính 9, tr 5c.
- [39][39] Như trên.
- 1 Nhất Hạnh, Sen Nở Trời Phương Ngoại, Lá Bối xuất bản?
- 2 - Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, La Thập, Đại Chính 9, tr 5b.
- 3 Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, La Thập, Đại Chính 9, tr 10c.
- 4 Như trên, tr 11b.
- 5 Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, La Thập, Đại Chính, tr 34c - 35a.
- 6 Như trên, tr 35a.
- 7 Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, La Thập, Đại Chính 9, tr 36a
- 8 Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, La Thập, Đại Chính 9, tr 52c.
- 1 Kinh Ariyapariyesena.
- 2 Diệu Pháp Liên Hoa Hoa Kinh – Phương Tiện Phẩm, Đại Chính 9, tr 10a.
- 3 Phật Thuyết Tam Chuyển Pháp Luân Kinh, Tạp A Hàm, Đại Chính 2, tr 504.
- 4 Theo thư tịch Bắc truyền, thì Ngài Ca Diếp chủ tọa Hội nghị. Nhưng theo thư tịch Nam truyền, thì Ngài Ưu ba li chủ tọa Hội nghị.
- 5 Có tư liệu cho rằng, Đại hội kết tập kinh điển lần thứ ba, không xảy ra dưới thời vua A`soka (A Dục), vì thời này chư Tăng phân hóa, mà hội nghị xảy ra tại đảo quốc Tích Lan dưới Triều vua nước ấy, trùng tên với A`soka (A Dục).
- 6 Wintenz, p 304, of his History vol II – P.L Vaidya – Introduction – Buddhist Sanskrit texts, No 6.
- 7 Translator`s Introduction – The Lotus Sutra.
- 8 Đại Chính 26, tr 01- 20.
- 9 Ngụy Thư – Thích Lão Chí.
- 10 Hậu Hán Ký - Phật Tổ Thống Ký.
- 11 Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Đại Chính 17, tr 722.

*Vi tính: Quảng Huệ, Thái Tịnh, Mãn Toàn.
Chính tả: Nhuận Tâm Dung, Nhuận Bảo Châu, Nhuận Uyên Như.
Ấn tổng: Tâm Thảo - Bảo Tâm.*

Người gửi bài: Tâm Minh

---o0o---

HẾT